

2004
1955

MAI-THẢO



TẬP TRUYỀN NGÂN

NGƯỜI VIỆT
XUẤT BẢN

ĐÊM GIÃ TỬ
HÀ NỘI

ĐÊM GIÃ TỪ HÀ NỘI

Mai Thảo



đêm giã từ Hà Nội

Mai Thảo

bìa: *Nguyễn Trung*
nguồn: *Tieulun*
trình bày: *Muôn Phương*

Muôn phương góp lại, trả về muôn phương

đêm giã từ Hà Nội

MAI THẢO

NGƯỜI VIỆT
xuất bản 1955

MỤC LỤC

1. Thư gửi người bên kia vĩ tuyến	11
2. Đêm giã từ Hà Nội	39
3. Đồn phòng ngự số 21	65
4. Nhà mới	89
5. Mưa núi	105
6. Đoản văn Một chiều qua Cửa Long	143
7. Người hàng xóm	157

8. Trên những ngã đường không oán thù	179
9. Chiếc xe hàng cũ	213
10. Câu chuyện của chị Ngự	233
11. Góc đường Tự Do	257

THAY LỜI VÀO SÁCH

Thư gửi người bên kia vĩ tuyến

Tập truyện ngắn đầu tiên của tôi vừa được xuất bản ở miền Nam, tôi muốn những trang đầu sách là của anh, anh ở bên kia vĩ tuyến. Hai thế giới. Những tầng ảnh hưởng của chính thể, của chế độ. Bên dưới, bên trong, con người chỉ còn Niềm Tin.

Tôi tin rằng ở bên kia Bến Hải, bên trong năm cửa ô Hà Nội có những con người, những tập thể hôm nay vẫn còn vươn lên khỏi cơn Hồng Thủy như những vì sao sáng chói trên một đại

dương gió bão.

Trong số đó có anh. Có cái cá nhân bé nhỏ của anh mà con người anh vẫn giữ gìn được nguyên vẹn trong trận lửa hủy diệt của chính thể cộng sản đang bùng cháy. Hướng về anh, niềm tin của tôi còn thấy cái bông bênh thoải mái của một con người còn nhìn thấy những miền trời đất bao la. Khi nào hướng đến anh để chỉ thấy một mái tóc sòa thấp, một hình người sa đọa, là lúc niềm tin đã tắt trong tôi.

Nhưng mà tôi vẫn tin. Tin tưởng hết lòng. Tin tưởng vĩnh viễn. Tin anh còn là anh, nghĩa là còn là con người. Như tôi đã tin ở sự sống, tin ở tự do tin ở hôm nay. Tin ở trái đất, ở thế hệ này sẽ nhìn thấy những vĩ tuyến những biên thùy gục đổ, và con người chống giữ

nổi cơn Hồng Thủy, sẽ hái được những nhánh lúa vàng của thế hệ ngày mai.

Trên muôn nghìn hình thái, khía cạnh, đường lối của cuộc đấu tranh bảo vệ Tự Do và Con Người tôi thấy sáng chói cái hướng đi rộng lớn bắt nguồn từ một điểm tin tưởng.

Ở bên này, cuộc sống của chúng tôi đã có thể diễn hình trên những hướng đi ấy. Hôm nay, tôi gửi những ngã đường, những hướng đi, những nếp sống của tự do về anh, anh đang ở giữa Ngập Lụt, giữa Hỗn Loạn, giữa Thiêu Hủy với niềm tin tưởng sắt đá rằng anh, anh cũng đã có một ngã đường. Anh cũng sẽ lên đường. Anh cũng sẽ là một bạn đường. Anh sẽ đến với chúng tôi. Chúng mình sẽ gặp nhau. Vì ở bên này hay ở bên kia, chúng mình vẫn có chung cái bản sắc thực của

một sự kiện: Chúng ta vẫn còn là những con người.

Kẻ thù của chúng ta viết sách, phát triển chủ nghĩa, chiếm đất đai, dựng biên giới, đã che dấu dưới những hình thái giai đoạn, những vàng son của giáo điều cùng là những cao đẹp của danh từ cái mục đích duy nhất của chúng là hủy diệt những con người tự do ở một thể hệ từng bừng ánh sáng tự do nhưng đang gặp quá nhiều bất hạnh. Nếu chúng “được”, con người sẽ không còn là con người nữa. Anh không còn là anh. Tôi không còn là tôi. Chúng ta chỉ còn là những bộ máy đeo thêm một cái số tù vĩnh viễn. Trái đất của hàng triệu tên tử tù, và năm lục địa sẽ là năm nhà tù vĩ đại.

Nhưng “chúng” có được không?

Những cơ cấu của một Tổ chức kinh khủng vĩ đại nhất trong âm mưu tiêu diệt con người của cộng sản cùng với cái kho kinh nghiệm kẻ thù đã nuôi dưỡng trong hờn oán có làm cho trái đất này biến thành một nhà tù được không? Câu hỏi này từng phút từng giờ vẫn nằm giải trên tấm bản đồ thế giới rộng lớn, trong lòng một thể hệ trùng điệp những biên thù và ngọt ngào dưới những tầng lớp ảnh hưởng của những màu sắc chống đối. Người ta choáng váng trước những hiện tượng rối rắm của thế kỷ.

Thực ra, vấn đề vẫn nằm bên dưới bên trong như một chất hóa học lắng đọng dần dưới đáy cốc thí nghiệm. Sự thực chói lòa hiện dần lên. Mặt trận tư tưởng phân định rõ rệt ; Bên này. Bên kia Một cửa tử. Một cây súng. Một tên lính canh giữ Tự do. Những hướng đi

lên. Một khung trời xanh.

Ở giữa là những hàng rào dây thép gai giăng mắc trùng điệp qua những miền hoang dã của chiến địa. Ở giữa là một vĩ tuyến. Trên vĩ tuyến sự va chạm quyết liệt, sống còn của tư tưởng. Cả hai thế giới đều bắt nguồn và đều chấm dứt ở đó.

Hôm nay, con người bắt đầu một cuộc chiến đấu mới để san phẳng cái hình thái thiếu đồng nhất này. Cuộc chiến đấu mới đã bắt đầu. Trên khắp thế giới. Trên từng cục bộ. Trong mỗi chúng ta.

Tôi nghĩ đến một người. Tôi nghĩ đến nhiều người. Những con người đã sáng tạo lịch sử anh dũng bây giờ đang xây dựng thế hệ tự do. Tôi nghĩ đến lời

di chúc của một Gide tin tưởng:

“Thế giới sẽ được cứu vãn bởi một vài người”.

Tôi thì tôi tin rằng thế giới sẽ được cứu vãn bởi con người tự do.

Tôi nghĩ đến mặt trận tư tưởng. Đến những chính khách, những nhà chỉ huy. Cái cặp da đen dày cộm tài liệu của những hội nghị quốc tế. Những chuyến đi vượt đại dương của những người đi tìm đường tối cho hòa bình cho tự do. Những tấm thảm xanh của một phiên đại hội. Ly rượu Mác-ten ngà ngà của một buổi tiếp tân. Đến những vì sao gài trên đỉnh mũ người tướng cúi mình trên bản đồ chiến lược. Thế hệ hình như đọng lại giữa những hậu tuyến những tiền tuyến. Tất cả đều là những hình thái

của cuộc đấu tranh vừa khởi đầu.

Nhưng cuộc chiến đấu cho tự do thực ra không còn nằm trong bàn tay quyết định của những nhà lãnh tụ nữa. Nó nằm trong mỗi chúng ta. Những chiến trường những công sự phòng ngự những trái bom khinh khí không còn là những yếu tố quyết định. Tự do không đánh mất hoặc lấy lại trên tấm bản đồ chiến lược hoặc ở đầu đảng kia hướng đi sáng chói của một băng đạn tiểu liên. Cuộc chiến đấu thoát bỏ những vùng nhỏ hẹp, bàng bạc khắp nơi. Cả hai bên vĩ tuyến. Chỗ nào có con người có tự do, cuộc chiến đấu bắt nguồn ngay ở đó. Dưới mọi hình thái, mọi màu sắc. Trên từng tấc đất, từng cuộc đời.

Cuộc chiến đấu cho tư tưởng đã là một cuộc chiến đấu thường xuyên.

Thường xuyên cho đến một ngày... Tôi nhớ đến mấy câu thơ này của anh:

Biết ngày nào tàn đổ

Biết ngày nào ngừng tay

Cho tôi xin một ngày

Những vần thơ 46. Gần 10 năm rồi. Hai cái chương trình 5 năm của cộng sản, vẫn chưa phân định dứt khoát cái hướng đi của anh. Anh khao khát tự do. Anh xin một ngày có tự do. Mà không hề ý thức được rằng Tự Do vẫn nằm trong anh.

Cho tôi xin một ngày.

Qua câu thơ chứa đựng một ý nghĩa tiềm ẩn tôi nhìn thấy những nét chữ

u uất, một thái độ tiêu cực. Những nét chữ buồn rầu không tưởng nằm ng-
hiêng bóng tối. Mỗi lần đọc lại, tôi lại
muốn đi sâu vào nội tâm anh, hiểu anh
hơn nữa. Nhưng trong anh ý thức tự do
chưa cháy lên. Tôi nghĩ đến những con
người, những dân tộc bất hạnh đã mang
những nếp sống không có những tầng
sâu của xúc cảm tư tưởng. Những con
người sắc lạnh như kim khí, cằn cỗi như
đất đá, nằm sa đọa trong vực thẳm cộng
sản như những bông hoa héo chết trong
nắng lửa.

Cái ngày mà anh xin đã đến chưa?

Có thể chưa. Nó còn nằm trong viễn
tượng. Nó còn thuộc về lĩnh vực của
những cái gì chưa tới. Ở anh hôm nay,
trong hoàn cảnh hiện tại của anh, tôi chỉ
muốn nó là ngày của Niềm Tin. Ở con

người trí thức như anh, lửa tin khi đã
cháy lên sẽ còn sáng tỏ rực rỡ hơn nữa,
ngọn lửa của một niềm tin có ý thức.

Hôm nay, anh còn đi một mình.
Nội giới anh còn là một thế giới hoang
mang. Chúng tôi đã sống tự do. Anh
còn nhận đường. Tôi chỉ gửi đến anh
một niềm tâm thành: Anh cố gắng đi.
Và đừng thôi tin tưởng. Chúng ta là tập
thể. Nhưng chúng ta đừng nô lệ cho tập
thể. Con người là Một của Muôn Vàn
nhưng con người cũng làm nên Muôn
Vàn. Trong hằng hà sa số đơn vị. Con
người là yếu tố quyết định là vạn năng.

Quan niệm được vậy thì phải sống
xứng đáng với thiên chức. Nghĩa là phải
sống tự do.

Tôi tin sức mạnh của bàn tay. Tôi còn tin ở sức mạnh của tư tưởng. Anh cố gắng nhé! Đừng thật thảng. Sống thật mãnh liệt. Sống còn với Tự Do. Đi ngược lại triều Hồng Thủy. Biết bao nhiêu con người đã ngã xuống, vì bị huỷ hoại hoặc dưới triều thác lũ. Những buổi khai hội. Khai đêm, khai ngày. Những cuộc biểu tình. Những rừng biểu ngữ. Những đợt huấn luyện. Và con người mê thiếp ngã xuống.

Thế là hết, hết hẳn.

Tất cả vấn đề tồn tại là ở cho trong giai đoạn làm phép của ma quỷ, anh có vững vàng tin tưởng không. Sau đó bùa phép cộng sản không còn tác động nữa. Ở khắp các miền trên trái đất hôm nay cộng sản đang cướp của chúng ta những con người. Chúng mệnh danh là tranh

thủ nhân dân. Tôi tin ở tự do tôi chỉ thấy một cuộc bắt cóc rộng lớn. Trong số những con người bị bịt mắt đưa đi có cả những người trí thức.

Đó là một hiện tượng mới lạ của chế độ. Dem mổ xẻ sự kiện, nhìn vào chiều sâu hiện tượng, tôi thấy điều này: Họ đều là nạn nhân của sự sùng thượng những cái cao đẹp giả tạo. Họ khám phá cộng sản qua một cuốn sách, một bức họa. Mà qua một cuốn sách, một bức họa thì chủ nghĩa cộng sản thường được phô diễn bằng những khía cạnh rất cao đẹp rực rỡ. Ngoài một cuốn sách, một bức họa, thế giới cộng sản chói lòa những viễn tượng. Một số những nhà trí thức của thế giới hôm nay đã nghiêng ngả trước những viễn tượng ma túy ấy. Họ chạy bổ đến cái chân trời cộng sản đầy ngập những ảo ảnh của tiến bộ. Với họ con

đường cộng sản là con đường đẹp nhất.

Quá trình tư tưởng và hành động của những người trí thức đang ngã dần vào lưới cộng sản đã có những hình thái ấy.

Nhưng sự thực có như thế không?

Con đường anh vừa lựa chọn để ở lại bên kia vĩ tuyến đã đưa anh đến đâu?

Tôi không trả lời anh. Anh đã trả lời được cho anh rồi. Hà Nội hôm nay sẽ trả lời cho anh, cho Hà Nội. Giai đoạn đón nhận chấm dứt cho một giai đoạn thực nghiệm bắt đầu. Chân lý sáng tỏ sau giai đoạn thực nghiệm này. Mà những người trí thức như anh thì chỉ công nhận chân lý qua thực nghiệm thôi. Đó cũng là cái thái độ khoa học khách quan nhất của

con người trước sự kiện. Hà Nội hôm nay là một bàn cờ xê chới chang.

Ở bên này chiến lũy, tôi đợi chờ sự quyết định của anh. Anh sẽ là thù? Anh sẽ là bạn? Tự nhiên lòng tôi lắng đọng hẳn xuống. Anh sẽ là thù, anh sẽ là bạn? Tất cả ở hai bờ vĩ tuyến nhòa đi: Chính thể, bóng tối nhà tù, những tư tưởng chống đối. Mà chỉ còn là cái hình ảnh muôn thuở đôn hậu của một người bạn, của anh.

Lòng tôi nhói lên niềm đau chia cách dài hạn.

Cho tôi xin một ngày

Sông biển được gần nhau.

Từ mười năm nay, cuộc chiến tranh đau khổ lâu dài đã làm chúng ta mất mát nhiều. Một giọt nắng. Một bài thơ. Những mùa hoa bướm cũ. Lửa đạn đã thiêu hủy cả trên cái lĩnh vực thẩm tươi của tình hạn. Tôi nhớ đến những bạn chúng ta đã bỏ mình. Người chết không đi trên đường oán thù. Sự mất mát xảy đến trong những trường hợp nào cũng vẫn là những niềm chua xót. Người chết nào thì cũng vẫn là những người đã chết của chúng ta. Thì cũng vẫn là những người đã chết của thế hệ. Những cái chết đó nhất định làm chúng ta phải suy nghĩ nhiều, và rút tỉa ra được một cái gì.

Từ những tầng đáy niệm ấy tôi đã tìm đến anh. Kỷ niệm.

Tôi nhớ lại những ngày cuối cùng. Buổi tối xuống thăm anh trước khi sang phi trường Gia Lâm Hà Nội đã vào thu. Tôi đạp xe thong thả xuống mạn Thiên Khuông. Bánh xe lăn đi trên những đoạn đường vắng lặng. Bóng lá đổ xuống, Hà Nội thấp thoáng từng điểm lửa yếu đuối. Những ngày trước Tiếp Thu, Hà Nội đã sống những giờ phút ngờ vực. Lòng thành phố khép đóng, sâu muện. Tôi đã là người của một chuyến đi. Nhưng lòng tôi còn là của Hà Nội. Ngũ quan tôi căng thẳng trước chuyển đổi chính thể lớn lao. Tôi sống những giờ phút đón nhận cuối cùng. Ngày mai, anh sẽ nhận phần chịu đựng của Hà Nội. Và những ai nữa?

Buổi tối hôm ấy, tôi cảm thấy tôi mất mát nhiều hơn bao giờ. Nhưng cũng gần bó vót Tự do nhiều hơn bao giờ. Cái cao đẹp của Tự do tôi chưa cảm

thấy rõ rệt. Chỉ có những đau đớn của con người phải rời bỏ một góc phố thân yêu.

Tôi dám nói thẳng ra điều đau buồn này, vì đó chính là sự thực. Tôi nghĩ rằng tác phong của con người tự do là nói thẳng, nói thật về những đau đớn những mất mát ấy. Còn được nói thực sống thực là còn được tự do.

Tôi đến anh. Một con đường đất nhỏ. Một cái cổng thấp. Những bờ tường có hoa leo. Tôi đó, anh đã giữ tay tôi trong tay anh lâu hơn mọi lần. Anh biết tôi đi. Tôi biết anh ở lại. Như lệ thường, chúng mình uống cà phê bên cạnh bàn viết. Trên bàn, một vài cuốn sách mới. Tôi nhìn xuống bìa sách mang tên những tác giả Đông Âu. Hồi đó, để đón nhận chính thể mới, anh đọc nhiều. Văn phẩm quốc

tế sắp hàng trong tủ sách của anh phần nhiều là của những cây viết Đông Âu. Anh bảo tôi:

– Đó là một nền văn nghệ thật tiến bộ. Lành mạnh ghê lắm!

Tôi đã định mở ngay với anh một cuộc thảo luận tay đôi về những cái lành mạnh giả tạo ấy. Chúng là những viễn tượng. Những ảo ảnh. Nghĩ thế nào, tôi lại thôi. Để cho anh sống đã. Sống với chúng nó. Tôi hút một điếu thuốc. Nhìn lên tường, một bức họa Picasso tổng hợp hình ảnh nhà máy, người thợ và con chim hòa bình. Viễn tượng. Những viễn tượng đẹp nồn nà. Hãy để cho anh sống đã. Sống với chúng nó. Quá trình tư tưởng của con người ý thức được thế nào là tự do, phải đi qua giai đoạn tiếp nhận thẳng với đời sống cộng sản. Phải

để anh sống hết giai đoạn ấy. Rồi anh mới đến được với tự do.

Nghĩ thế, đêm hôm đó tôi đã không khuyên anh rời bỏ Hà Nội. Khuyên anh chưa chắc anh đã tin tôi. Anh sống với chế độ mới rồi, không khuyên, anh cũng vẫn đi.

Cộng sản đem lại cho các anh những viễn tượng rực rỡ. Chúng tôi đã tiếp xúc với thật tế cộng sản rồi, chúng tôi bỏ đi. Ở anh, là những tác phẩm văn nghệ Đông Âu, là những nét họa bay múa của Picasso, là viễn tượng. Ở chúng tôi là những nhà tù rộng lớn, những trại tập trung, là sự hủy diệt con người. Anh chưa nhìn thấy con người sau trận lửa hủy diệt. Anh chưa nhìn thấy cuộc sống sau trận Hồng Thủy.

Anh đã ở lại.

Hà Nội hôm nay sẽ là cái công trường thực nghiệm cho các anh. Và Tự do sẽ đến sau đêm nhận đường, từ những kinh nghiệm đau đớn.

Đêm khuya rồi... Tôi nghĩ đến một chuyến máy bay sắp sửa cất cánh. Tôi đứng dậy. Anh hỏi tôi:

– Thế là anh nhất định đi đấy!

– Nhất định.

– Buồn?

Tôi gật đầu:

– Buồn. Buồn, nhưng tự do.

Anh đưa tôi ra đầu phố. Và tôi bỏ anh, anh đã ở lại Hà Nội, để đón nhận sau những viễn tượng ảo ảnh, sự thực của chế độ, của đời sống cộng sản.

o O o

Tôi ngừng bút, nhìn lên. Một năm đã qua. Ở bên này chúng tôi cũng đã sống một năm thực nghiệm đầy đủ. Để mà nhận thấy điều này: cái cao đẹp của đời sống không còn nằm trong những viễn tượng.

Không chỉ là một sáng tác văn nghệ Đông Âu, một bức họa Picasso, những dòng giáo điều, mà chính ở trong nội tại từng cuộc sống bé mọn của từng con người. Một nhà chính khách. Một người

lính tại ngũ. Một tín đồ giáo phái. Một nhà tư bản. Đến một người dân thợ, một người di cư.

Người nào cũng phải nhận được cái phần tự do. Người nào cũng phải có chỗ đứng dưới ánh mặt trời. Tập thể không đồng nhất là sự tập hợp chưa từng thấy của những giai cấp những sự kiện những con người có thể có những khuynh hướng cách biệt nhưng vì Tự do, đã nhập vào cuộc chiến đấu chung. Chiến đấu cho tự do trước đã. Xã hội này có thể còn đầy dẫy những bất công, nhưng để cải tạo lại xã hội, chúng tôi quyết không dùng đến những phương tiện bạo lực. Tự do con người bị đe dọa rồi. Chúng tôi bảo vệ cho con người, cho tự do trước đã.

Anh tới miền Nam đất nước hôm

nay, anh sẽ nhìn thấy một tập thể người sống thật hỗn độn: Nước mắt chảy trong tiếng cười. Hướng đi lên bắt nguồn trong sa đọa. Ánh sáng lẫn lộn với bóng tối. Cuộc sống khởi đầu chưa phân định rõ rệt.

Nhưng trên tất cả, đã chói lòa một hướng đi.

Chỗ yếu của đời sống tự do là ở đó. Nhưng sức mạnh của tự do cũng ở đó. Tất cả sẽ được đặt định lại.

Tất cả sẽ được giao phó cho con người.

Tôi tin ở sức sáng tạo vĩ đại của con người tự do. Chỉ có thể sáng tạo được trong tự do. Phần đất nước miền Nam hôm nay, anh có thể xem như một đồng

gạch ngói đổ nát nhưng trên đổ nát này, kiến thiết xây dựng đã được bắt đầu. Con người tự do có đầy đủ điều kiện đầy đủ khả năng để sáng tạo lại tất cả.

Tôi ngừng lại ở đây. Bây giờ thì anh đã hiểu tại sao chúng tôi đã rời bỏ Hà Nội rời bỏ miền Bắc. Anh đã hiểu tại sao tôi viết cho anh. Anh cũng hiểu tại sao chính anh rồi anh cũng tìm vào tự do.

Bởi vì chúng ta còn muốn được làm người.

Bởi vì chúng ta không muốn là những con số không.

Bởi vì chúng ta còn muốn sống cuộc sống thực là cuộc sống của người. Bởi vì chúng ta không muốn là những bầy nô lệ.

Cho nên kẻ trước người sau chúng ta đã rời bỏ thiên đường cộng sản, bỏ cái thế giới giả tạo tù đày, chúng ta đã vượt vĩ tuyến đi sang miền Tự do. Để con người vẫn được làm người, và trái đất vẫn còn là trái đất, chúng ta cần phải tiếp tục cuộc tranh đấu cho tự do. Tự do là máu huyết của chúng ta. Tự do là không khí là hơi thở. Con người không thể mất được máu huyết không khí và hơi thở.

Cho tôi xin một ngày.

Ngày ấy đã nằm trong tầm tay của anh. Trên đường tự do. Hà Nội của cộng sản có thừa những hiện tượng chua xót để anh vùng lên trên cái thế giới đen tối ấy. Bên trên những mái nhà tù, đêm Hà Nội vẫn có những vì sao. Vẫn có những

vì sao của chúng ta. Vẫn có những miền trời xanh của chúng ta.

Ngày mới sẽ dựng. Ngày của anh. Ngày của tự do.

Ngày anh sẽ vượt vĩ tuyến sang miền Tự Do, để góp phần chiến đấu vào cuộc chiến đấu chung của những con người tự do.

ĐÊM GIÃ TỪ HÀ NỘI

Phượng nhìn xuống vực thăm.
Hà Nội ở dưới ấy.

Từ chỗ anh đứng, Phượng nhìn sang bờ đường bên kia. Những tảng bóng tối đã đặc lại thành khối hình. Từng chiếc một, những hàng mái Hà Nội nhòa dần. Phượng nhìn lên những hàng mái cũ kỹ, đau yếu ấy, giữa một phút giây nhòe

nhật, anh cảm thấy chúng chứa đựng rất nhiều tâm sự, rất nhiều nỗi niềm. Những tâm sự cam lặng. Những nỗi niềm ghen uất. Của Hà Nội. Của anh nữa.

Dưới những hàng mái cong trũng, ngập đầy lá mùa kia, đang xảy ra những tâm trạng, những biến đổi gì mà ở bên này đường Phượng không đoán hiểu được. Hà Nội đang đổi màu. Đứng bên này bờ đường nhìn sang, Phượng bắt đầu tiếp nhận với một thứ cảm giác ớn lạnh, cách biệt, anh đã đứng trên một bờ vĩ tuyến mà nhìn về một vĩ tuyến bên kia. Bên ấy, có những hình ảnh chia cắt, đứt đoạn. Bên ấy, có những hình chiến lũy, những hàng rào dây thép gai, những đoạn đường cấm, những vùng không người.

Phượng cũng không hiểu tại sao

nữa. Giờ này anh còn là người của Hà Nội, thở nhịp thở của Hà Nội, đau niềm đau của Hà Nội, mà Hà Nội hình như đã ở bên kia.

Phượng nhìn xuống lòng đường. Trong bóng tối, mặt nhựa lẫm lì không nói gì. Những hình cây đổ nghiêng trên những tắc đất đá cam nín. Bí mật dàn ra những bề phẳng, những đường dài như một dòng sông ngăn chia hai bờ, và Phượng đã đứng ở bên này mà nhìn sang một bờ bên kia. Bên kia có Hà Nội. Bên này có anh. Có tập thể. Có những bạn đường. Có một chuyến đi về Hà Nội.

Chung quanh chỗ Phượng đứng, những tảng bóng tối đã đọng lại trên bờ đường như những bờ hầm hố. Nhìn xuống, Phượng có cảm giác chơi với

như đứng trên một tầng cao. Anh nhìn xuống vực thẳm. Hà Nội ở dưới ấy.

Anh nhớ đến Thu. Thu cũng còn ở dưới ấy, trong Hà Nội. Cái mái nhà cũ kỹ bên kia, chính là mái nhà Thu, lại cũng chính là ở bên ấy, Thu sẽ đến với anh, ở bên này. Từ một mái nhà của Hà Nội đêm nay, đến bờ đường anh đứng, chỉ có một đoạn ngắn, nhưng Phượng biết rằng đêm nay, nó chứa đựng tất cả ý nghĩa của một đoạn đời. Và Thu, Thu phải đặt cả đời Thu vào một chuyến đi, thì Thu mới vượt được đoạn đường ngắn ngủi ấy, và Thu mới sang được với anh. Như anh, như hàng nghìn hàng vạn con người Hà Nội đêm nay, Thu sẽ ở lại hay sẽ vượt lòng biên giới cũ. Giữa những phút giây Hà Nội đang rần lạnh lại trong chuyển đổi chính thể đã bắt nguồn, đứng bên này đường, Phượng mới cảm

thấy rằng ở bên kia Hà Nội, Thu đã ở thật xa anh. Cái cảm giác ớn lạnh mỗi khi anh đứng trước một dòng sông lại nổi lên. Con sông biên giới đêm nay lại hình như con sông Hồng chảy qua một bờ Hà Nội. Trong Phượng, sóng lòng của chuyển dịch chưa kịp nổi lên mà những ngọn sóng của dòng sông cũ đã nổi dậy. Âm thanh òa òa. Lòng đêm Hà Nội chứa đựng những tiếng đổ vỡ đang xô chen trong bóng tối đặc quánh.

Qua bóng tối, Phượng nhìn thấy những hình khối của Hà Nội bên kia: một cửa ô đọa đày. Một hàng mái cũ.

Những lớp phố phường sa đọa. Những ánh đèn nhạt tái trên những bờ tường căm đen. Bóng tối chính thể đổ xuống làm nghiêng ngả những sự kiện này.

Bên kia, Hà Nội vẫn đang lặng lẽ đổi màu. Người Hà Nội dựng cửa tắt đèn để mà đổi thay trong bóng tối. Phượng thấy thương Hà Nội. Thương những người Hà Nội. Những người còn ở lại dưới những hàng mái cũ kỹ kia vì những vương bận đau khổ.

Đêm khuya dần. Từ một cửa ô, Hà Nội bắt đầu ngậy ngất dấy lên những ngọn gió núi rừng thổi về. Gió rừng hoang về qua cửa ô, đi thẳng vào tâm can của người Hà Nội. Ngọn gió tiền phong này đến trước chính thể, đang lọt dần qua cửa ô Yên Phụ, Kim Liên như một điển hình của hoang lạnh rộng lớn. Cả Hà Nội run lên, tê đi. Trước phút bỏ đi mà Phượng cũng như giá buốt cả cơ thể. Hà Nội đã bắt đầu đón nhận ấn tượng. Ngày mai, Phượng ở miền Nam rồi, Hà Nội sẽ phải còn đón nhận những sự

kiện, những con người bên ngoài. Sau ấn tượng hoang vắng đêm nay, sẽ là sự thật tàn nhẫn ngày mai. Nhưng chỉ đón nhận ấn tượng, Phượng cũng đủ thấy Hà Nội không còn gì. Hà Nội chỉ còn là một thứ thuộc về bên kia. Hà Nội chỉ còn là một thứ thuộc về bên kia. Bên kia như Đêm. Như Bóng tối. Như Sa đọa. Như Tù đày.

Trên đầu Phượng, những ngọn lửa nhìn xuống. Ấy là những con mắt đau yếu của một Hà Nội không ngủ. Những ánh lửa tròn, nhợt nhạt, bé nhỏ, bị giam chặt giữa bóng tối. Phượng nghĩ đến những vì sao xa xôi đứng chết ở một góc trời cũ. Hệ thống ánh sáng Hà Nội đã hết bay múa. Bóng tối dềnh lên những đường lung linh. Từng điểm lửa gục đổ. Đêm nay, Phượng chỉ còn mong chúng có đủ ánh sáng để soi đường cho Thu

đến được với anh. Phượng chỉ còn mong có thể thôi. Vì anh biết ngày mai những điểm lửa ấy sẽ không sáng nữa. Hà Nội sẽ không sáng nữa.

Buổi chiều, hồi năm giờ, gặp Thu ở cuối nhà Thủy Tạ, anh đã nhắc Thu đến một ngã đường. Đúng hơn đến một chuyến đi. Anh lại nhắc cả Thu đến một hạn định: Hôm nay là ngày cuối cùng người ta được tự do rời khỏi Hà Nội.

Phượng bảo người yêu:

– Hôm nay đã là ngày chót rồi, Thu ạ! Mười hai giờ đêm nay, chuyến xe cuối cùng sẽ đi qua cầu Long Biên. Anh sẽ đi chuyến ấy. Việc lớn việc nhỏ, anh đã thu xếp tạm yên cả rồi. Chưa yên hẳn, nhưng cũng đành vất bỏ hết. Việc đi khỏi Hà Nội trước hạn định cần hơn. Anh sẽ đến

đợi em ở đầu phố tối hôm nay. Chúng mình sẽ cùng vào trong Nam.

Phượng nói vẫn gọn có thể. Bao nhiêu lần gặp trước, kể từ ngày có hiệp định chia đôi, anh và Thu đã bàn với nhau nhiều. Bàn đi bàn lại, nhưng vẫn chưa ngã ngũ ra sao cả. Vấn đề chỉ mới giải quyết xong về phần anh thôi. Trước sự lựa chọn một thái độ và trước những mưu toan xây dựng một cuộc sống tay đôi ở bên kia vĩ tuyến của hai con người cùng gắn bó đến những cái cao đẹp của đời sống, những gió bão của chiến thời ở đây lại có thêm những thảm trạng của đất nước bị chia rẽ. Sự ngăn chia đến cả từng cuộc đời. Đất nước ngăn cách làm hai miền, thì những cuộc đời cũng chia về hai phía. Như đêm và ngày. Bên này, bên kia. Biên giới oán thù dựng lên ở giữa.

Cho đến nay, Thu vẫn chưa quyết định. Thời hạn được ấn định cho di chuyển trong khu vực Hà Nội cứ vợi mãi trong phân vân lưỡng lự của người thiếu nữ. Phượng cũng hiểu cho người yêu. Anh khác, Thu khác. Cuộc sống mấy năm gần đây của anh trong Hà Nội cứ an định một chỗ, chỉ một ngum gió nổi lên là cũng đủ đưa anh ra ngoài cửa ô. Di chuyển là một cần thiết cho đời sống của Phượng trong ngày cũ, bây giờ lại là một hành động của tự do. Cứu cánh của người Hà Nội hôm nay nằm trong sự thoát khỏi phố phường cũ.

Nhưng Thu, Thu chỉ là một người đàn bà. Vây quanh lấy đời Thu, Phượng cũng đoán thấy không biết cơ man nào là những sợi dây nối kết cuộc đời của Thu với Hà Nội. Như lúa với đất. Đi khỏi được, ít ra Thu cũng phải cắt đứt

được bằng hết những sợi dây ấy. Chúng là những rễ lớn rễ con đã bám chặt lấy đời Thu từ tuổi thơ. Trên mái tóc suôi chảy của người thiếu nữ, bóng dáng một mái nhà cổ kính đổ xuống. Những nếp nhăn trên trán người mẹ. Những sợi tóc bạc trắng của người cha. Đi thoát được mái nhà cũ, hành động của Thu sẽ là một hành động quyết liệt. Nó đòi hỏi nhiều đau khổ, nhiều mất mát. Lòng người vẫn phải rách nát vì những đau khổ, những mất mát ấy.

Phượng biết thế, nên người anh hùng cũng không giục già người yêu. Mặt khác, anh muốn rằng trước thử thách này, Thu sẽ hành động, sẽ quyết định một mình. Như một con người tự do hành động và quyết định. Phượng vẫn thường có quan niệm rằng chính kiến của con người như một thứ hướng đi,

tùy theo sự lựa chọn của trời riêng. Đối với Phượng trái đất này có hàng triệu ngã đường thì con người cũng có hàng triệu hướng đi, trên đó đua nở những hoa cỏ cùng là rung động những tình cảm của người trước cuộc sống. Thấy đều mệnh mông, không bến bờ. Nhẹ thoảng như không khí. Bay múa như nắng.

Nếu không, thì trái đất không còn là trái đất nữa. Con người không còn là con người nữa.

Mấy ngày gần đây, Hà Nội của Phượng đã hết nắng. Hà Nội đã thiếu không khí, thiếu hơi thở. Bên kia tả ngạn Hồng Hà, bên này năm cửa ô, ngay trong nội tâm Hà Nội, những sự kiện mới mai đây sẽ về ngự trị trên Hà Nội đã như những tảng bóng tối mịt mù dâng lên. Bóng núi bóng rừng chấp chới.

Tim phổi người choáng váng, rúc buốt. Những mạch đời ngừng nghỉ. Những màu sắc lộng lẫy nhất cũng nhạt tái lần lần.

Trên những sân ga, bến tàu, từ những trạm hẹn, những con người có sẵn thái độ như Phượng đã hướng vào chuyển đi. Những cuộc đời như đời Thu, rách nát vì mâu thuẫn, giờ phút này đang trải qua một cuộc tranh đấu quyết liệt với bản thân. Chúng là những miền còn tranh tối tranh sáng. Sau hết, là những người ở lại. Ở lại với Hà Nội. Vì hoàn cảnh vương bận.

Chưa bao giờ Phượng lại cảm thấy Hà Nội chứa đựng nhiều khía cạnh, nhiều thời gian tính đến thế. Đứng trước cuộc đời, Phượng va chạm với những con người đang lựa chọn để nắm

lại trong dĩ vãng hay đi vào tương lai. Từ một bản hiệp định chia đôi, chói lên những phút giây thử lửa. Thái độ của từng người phân định dần mãi. Như thế cũng hay. Lại hơn. Đằng nào cũng một lần.

Từ ngày Hà Nội thay đổi sắc thái, Phượng thấy cái việc già từ Hà Nội của anh không đến nỗi sâu thẳm như anh tưởng. Nhìn sang một lớp sự kiện còn nằm lại bên kia, đêm nay, Phượng, trong một cảm thông cụ thể, như đã sờ mó thấy trên đầu ngón tay cái lành khỏe rộng lớn của một khối đời anh sẽ dựng lên sau chuyến đi. Dựng lên bằng niềm tin. Trong tập thể. Niềm tin này, riêng đêm nay, đã đốt cháy được hộ Phượng những sợi dây găng bó với đời cũ. Với bên kia. Với Hà Nội. Theo anh, Hà Nội cũng không còn gì. Những người như anh lên

đường đã mang theo Hà Nội vào chuyến đi.

Thanh toán cho xong được những chua xót lúc đầu, lòng người đi vậy là đã ổn định.

Duy có một vấn đề là Thu. Đối với Phượng, Thu đi hay Thu ở lại, việc ấy đã ra ngoài cái lãnh vực thường rất bé mọn của tình cảm. Anh yêu Thu, qua những rung cảm của tình yêu, còn có những nỗi niềm hết sức bao la, hết sức sâu nặng của con người anh gửi đến một người bạn cùng đường. Thêm Thu tập thể thêm đông, và đời Phượng cũng vui thêm trong xây dựng.

Chiều xuống dần. Hai người yên lặng bước đi. Buổi chiều cuối cùng ở lại Hà Nội, Phượng chỉ còn tìm thấy ở Thu

một sự kiện lành mạnh gần gũi, khi mà tất cả những sự kiện khác đã sa đoạ, đã đổi màu.

Anh nhìn Thu: Mái tóc dài chảy xuống một bờ vai gầy. Hàng mi nghiêng nghiêng. Và con mắt sâu đen của Thu thì nhúu lại trong suy nghĩ. Phượng nhìn lâu lâu vào đôi mắt ấy, tận trong, đôi mắt u uẩn hình như đang thăm dò một ngã đường, trong đêm tối. Anh không biết Thu đang nghĩ ngợi gì. Nhưng anh đoán Thu đang đau khổ nhiều. Trong nội tâm người thiếu nữ cũng đang có những sự kiện vừa nằm xuống, vừa chìm lặn, cùng một lúc với những sự kiện đang đi lên, đang sinh thành. Bóng tối và ánh sáng chấp chới trên những mâu thuẫn chưa ổn định. Trong Thu đã có một ngã đường? Cháy một niềm tin? Đường mũi dài, đôi môi trang nghiêm của Thu in lên

một nền nhờ xanh của sương mù, của buổi chiều. Bên kia, thấp thoáng những hàng cây, những mái nhà Hà Nội.

Một lát yên lặng. Phượng châm một điều thuốc.

Thu nói với anh:

– Em thì em cũng định đi rồi. Một phần vì Hà Nội. Cơ sự đã xảy ra thế này, cũng chẳng ở được nữa. Một phần vì em không muốn xa anh. Xa nhau, biết đến bao giờ mới gặp lại? Em sợ thay đổi lắm. Nhưng anh cũng biết, còn gia đình em đấy! Thấy mẹ em già rồi. Mẹ em đang đau nặng. Thấy em thì chỉ biết có lũ cháu hoa cây cảnh. Hồi này ông cụ chán đời cứ thở dài suốt ngày.

Phượng hỏi Thu:

– Thầy me không bằng lòng cho Thu đi ư?

– Không, thầy me em bằng lòng. Chính vì thế mà em phân vân. Anh hiểu cho em chứ?

Phượng cúi đầu không nói gì. Hai người lại yên lặng bước đi. Phượng nhìn đồng hồ. 7 giờ 35. Anh bảo bạn:

– Thôi, anh đưa Thu về. Đêm nay, trên đường tới trạm di chuyển, anh sẽ đi qua nhà em. Em về nhà nghỉ lại đi. Cố thu xếp xem có được không?

Thu đáp, tiếng nói bé nhỏ:

– Vâng, em sẽ cố gắng thu xếp. Dù sao, anh cũng đến, anh nhé!

Hai người chia tay. Và Phượng, đúng 11 giờ đêm, đã xách va-li đến đợi Thu ở đây, bên này đường. Bên kia là Hà Nội.

Đêm Hà Nội càng về khuya càng lạnh buốt. Mặt nhựa loáng ướt. Những ánh đèn lu xanh một màu xanh hoang vắng trong sương. Trước mắt Phượng con đường Trần Nhật Duật chạy dài, một đầu phố nhạt nhòa mất hút về phía chân cầu Long Biên. Vắt qua lòng sông Hồng, những ánh lửa nơi chân cầu đổ về một hướng Gia Lâm. Gia Lâm, Phượng nghĩ đến những vùng cỏ tối bên ấy, nơi phi trường. Lát nữa anh sẽ vượt Hồng Hà, tới phi trường và ở đó, anh sẽ giã từ Hà Nội.

Lòng Phượng lắng đọng lại trong suy tưởng, trong đợi chờ. Những ý nghĩ nhẹ thoáng nhất cũng đều có những sắc

thái rất mênh mông. Nhân giới Phượng bắt gặp những hình khối của Hà Nội đang ngược đường về trong dĩ vãng, và lòng Phượng thì đã thơm rồi, những nhành hoa của xây dựng trên luống đất tương lai. Ngày mai, anh đi khỏi, tập thể xa rồi, Hà Nội sẽ ra sao? Những con người ở lại Hà Nội sẽ ra sao? Trong đêm già từ, ba mươi sáu phố phường đi dần vào những tầng lớp của ký ức. Nhìn Hà Nội, Phượng bỗng liên tưởng tới những thành phố khác của thế giới, của thời đại. Hán Thành, Bá Linh. Những thủ đô đổ nát vì chiến tranh, bây giờ lại chứa đựng những ấn tượng buồn thảm của chia cách, hờn oán. Bên này, bên kia. Già từ Hà Nội. Những con người cúi đầu. Một khung cửa đen cam. Những ngã đường ngoại thành hoang vắng. Những hàng mái đầu yếu. Thu, Thu của anh.

Đứng một mình trong đêm dài, trước một Hà Nội ngủ thiếp, Phượng nghĩ đến những người bạn đường đã vượt Hồng Hà, đã bỏ Hà Nội, bỏ đất Bắc trước anh, vượt vĩ tuyến về tiếp tục cuộc đấu tranh cho tự do, cho con người, trên phần đất nước còn lại. Anh biết rằng thời đại, trong ngày tới sẽ nối kết con người bằng một ý niệm một hệ thống tự do. Tâm trạng của Phượng đêm nay cũng là tâm trạng của một người thợ máy Đức, một người dân cày Triều Tiên, đang ngày đêm vượt khỏi những vĩ tuyến tù đày để tìm một hướng đi, một chân trời có không khí và ánh sáng. Năng lực đấu tranh của con người nằm trong những cạnh khía bay múa ấy.

Cái ý nghĩ cuối cùng của Phượng, gửi đến Thu. Anh nhìn sang bên kia đường. Vẫn không thấy gì. Có lẽ Thu đã

ở lại. Phượng nhìn đồng hồ: Chiếc kim dạ quang chỉ đúng mười hai giờ đêm. Phượng cúi xuống nhắc va li, bước đi.

Sau lưng anh, bỗng có tiếng gọi nhỏ:

– Anh!

Phượng quay lại. Đôi mắt anh sáng lên trong tối. Từ bên kia bờ đường, từ bên kia Hà Nội, một bóng người bé nhỏ đang vượt lòng đường đi sang anh. Thu. Bóng Thu xiêu xiêu vội vã. Một thoáng, Thu đã đứng bên cạnh anh. Đôi mắt Thu còn ngấn lệ. Phượng đỡ lấy va li Thu.

Tiếng thu vang lên trong đêm Hà Nội:

– Em được đi rồi. Cả thầy me cũng đi nhưng đi sau. Và kéo tay Phượng.

– Chúng mình đi đi thôi anh ạ!

Phượng mỉm cười nhìn Thu. Giọt nước mắt của người lên đường nhập vào hàng ngũ của tập thể, của di chuyển, Phượng biết là một giọt nước mắt của tin tưởng. Sự đấu tranh cho tự do khởi thủy ngay cả ở chỗ ấy, nơi con người phải đấu tranh quyết liệt với chính mình, chịu đựng những mất mát, lìa bỏ ruộng đất, phố phường, để đến những miền tự do. Sau Thu, rồi còn hàng ngàn người như Thu, cũng chiến thắng được hoàn cảnh, cũng sẽ lên đường. Để bảo vệ một niềm tin. Để bảo vệ con người. Tất cả, họ sẽ trở về.

Phượng đưa Thu đi. Những ánh đèn xanh biếc của Hà Nội nghiêng theo những bước chân bắt đầu rời khỏi Hà Nội.

Bóng Phượng, bóng Thu nhòa dần.
Rồi mất hẳn. Họ đã đi vào Tương Lai.

Hà Nội – 100 ngày, sau Hiệp định
Genève

ĐỒN PHÒNG NGỰ SỐ 21

Đồn tiếp viện này vừa được thiết lập trên cây số 21. Ba mặt núi đá, cây cỏ hoang đậm. Phía trước đồn, con đường trải nhựa băng qua, lúc nào cũng vắng bóng người đi. Thường thường mãi đến tận chiều mới có một vài chiếc xe hàng cũ chở gỗ, lá, từ vùng cao nguyên đổ xuống Sài Gòn. Bên kia đường một lối đi nhỏ khuất khúc chạy

thẳng vào một cánh rừng già. Đầu con đường, một tấm biển gỗ, chữ viết đậm nét: “Coupe Lê văn Viễn”. Chiều hôm qua, Vững đã chặt đổ gục tấm biển đó.

Tiểu đội Vững được di chuyển xuống đóng ở đồn tiếp viện, đến buổi sáng bắt đầu xây dựng công sự Vững tính đã đến ngày thứ ba. Hôm đầu tiên, tiểu đội từ trên cao nguyên xuống tới nơi vào giữa trưa. Cả một vùng chung quanh cây số 21 nóng như thiêu đốt. Người nào cũng mệt lả. Rừng cỏ lau chạy đến sát cổng đồn, tịnh không có một bóng cây nào. Những ngọn cỏ vàng cháy nghiêng ngả trên sỏi đá.

Đất cần răn lại như đá. Mùi cỏ chết nồng ngọt ngạt trong một vùng lòng chảo choáng vầng màu núi xanh, màu lá chết, màu đất cần từ ba bốn mặt đổ

xuống. Nắng thấp thoáng trên những đỉnh núi. Nắng đọng lại trong vùng lòng chảo.

Đi khỏi đồn một quãng, mặt đất đã ngổn ngang những tảng đá nhẵn bóng. Màu đá bạc phếch như màu đất, màu cỏ. Mấy anh em Vững đi thăm thú chung quanh đồn, vào cái buổi trưa đầu tiên, lúc sờ mó vào những tảng đá rời, thấy bóng cháy cả đầu ngón tay. Trong ký ức đóng đồn của Vững, anh nhớ lại hồi còn ở ngoài Bắc, lúc chiến dịch tảo thanh Lạc Đà đi vào thời kỳ ác liệt nhất ở vùng Hưng Yên, Vững đóng ở một đồn phòng ngự dọc đường cái số 39. Cũng nóng như thế này hồi đó vào giữa tháng sáu. Đang cỡ nắng lớn. Nhưng được cái đồn dựng ở gần sông Hồng. Bọn Vững chiều nào cũng kéo nhau ra vùng vẫy ngoài sông lớn. Cũng đỡ hơn ở đây.

Ở đây, tỉnh không có một con suối nhỏ. Khe lạch chung quanh đồn đều cạn khô. Lòng khe nứt nẻ phơi ra dưới nắng, hỏi thăm một vài người phu công chính đang làm đoạn đường hư ở dưới cây số 18 về qua thì trong vùng lòng chảo, phải đợi đến mùa mưa khe lạch mới có nước chảy. Năm ngoái, năm kia còn đang đánh nhau dữ, đồn này vì bé nhỏ và cô lập đã bị tràn ngập sau một đêm tấn công. Công sự bị phá hủy cả. Sau đó đồn cũng không xây dựng lại nữa. Những đoàn xe vận tải được hộ tống đi một mạch qua đồn để nghỉ lại ở đồn trên cách đây gần 80 cây số. Rừng cỏ hoang dại tràn xuống mau lẹ trên cứ điểm thiêu hủy. Mấy dãy nhà mái tường rưng đỏ trở nên chỗ trú nắng cho những người thổ dân địa phương lúc vượt núi xuống kiếm củi trong rừng già. Thỉnh thoảng, một chiếc xe hồ lô của sở lục lộ

đổ lại trong sân đồn một lát rồi lại bỏ đi ngay. Chả thể ở lâu được trong vùng chảo nghi ngút mùi cỏ hơi lá và lúc nào cũng ngọt ngạt nồng cháy. Nắng chảy những suối lửa trên những hàng rào dây thép gai khô quăn. Những cột sắt lệch vẹo mang những hình dáng cỏ rừng. Vạch cỏ chung quanh những tháp canh cũ, thì thấy hai rãnh chiến hào song song hiện ra. Chông gai nằm cong queo dưới lòng rãnh cạn. Cảnh hoang đổ còn ghi những vết tích của một cuộc dạ chiến ác liệt. Đối phương phá hủy. Nắng đốt cháy. Hoang bỏ nhiều ngày. Cả một khu đồn trại không còn gì. Ngoài những ụ đất từng quãng một còn nổi lên. Tấm biển đánh dấu cánh rừng độc quyền Lê Văn Viễn dựng lên từ đó.

Anh binh nhì Vững nhìn xuống tấm biển nằm dưới đất. Sự gầy đổ này đánh

dấu cho một thời oanh liệt đã tàn lụi. Tiểu đội Vững đến đóng ở cái đồn lẻ loi này chính là để chấm dứt cho cái sự kiện phai tàn này. Vững đá mạnh vào tấm biển một cách thích thú. Anh nghĩ đến Bảy Viễn. Khét tiếng anh chị mà bây giờ cũng chìm lặn, cũng gãy đổ nhục nhã như tấm biển dưới chân anh.

Chả là vì cánh rừng đồn gỗ của Viễn mà trước kia đã có một trung đội lính mũ xanh của y tới đóng ở đây. Suốt một thời kỳ, vùng lòng chảo chói nắng này làm chỗ tụ họp của bọn thảo khấu. Chúng canh gác rừng gỗ đánh đập những người thổ dân miền núi vào kiểm củi trong rừng già. Lâu dần rồi tốp thổ dân cũng không dám xuống núi vượt đường sang kiểm củi nữa. Chẳng ai dám qua lại. Những chuyến xe đồ, xe vận tải, đi về vùng cao nguyên bị đánh chặn luôn luôn

trong vùng lòng chảo. Cứ điểm bỏ hoang khoác thêm cái không khí man dại của Tội Ác. Sân đồn ngổn ngang những vỏ chai rượu mạnh. Bọn lính mũ xanh sau những buổi cướp chia hàng đêm họp ngay trong sân đồn đốt lửa uống rượu rồi đập luôn những xác chai tại chỗ. Ban đêm chúng căng lều ngủ, ban ngày đi lang thang hoặc đổ nhau vào các bản xóm chung quanh vùng lòng chảo cướp bóc, sách nhiễu dân chúng. Thỉnh thoảng bọn chủ tướng lên thăm rừng, săn voi săn hổ, đoàn xe hộ tống lại rầm rộ tới đậu chật trong sân đồn không người. Một hai ngày, bọn “Anh Bảy” trở về, cỏ hoang lại bỗng lên những vệt bánh xe, và bọn thảo khấu lại cướp bóc dữ hơn.

Mãi đến khi có tin từ thủ đô truyền lên là bọn phiến loạn đã chạy dạt về Rừng Sát, bọn lính mũ xanh canh giữ

khu rừng độc quyền này mới chịu kéo nhau ra đầu thú. Chúng dắt nhau đi bộ dưới nắng, lúc đi tới đồn chỉ huy trên cây số 52, thằng nào thằng nấy trông gớm ghiếc như những con cọp dữ sa lưới. Chúng nộp súng ống, xin quy thuận.

Ban chỉ huy phân khu cao nguyên liền quyết định cho chiếm đóng lại đồn 21.

o O o

Trưa hôm theo tiểu đội xuống lập lại cứ điểm trong vùng lòng chảo cháy nắng, Vũng cũng đã được thượng sĩ chỉ huy cho biết sơ sơ công tác phải làm dưới ấy. Đất Bình Xuyên ở, quân đội Quốc Gia về chiếm đóng lại, anh binh

nhì phải làm việc nhiều. Công tác kiến thiết xây dựng nặng nhọc. Nhưng đến nơi, Vũng không ngờ là nặng đến thế.

Vũng đập tay vào một người bạn:

– Này, đảng ấy này, thế này thì ở thế nào được nhỉ?

– Chả ở thì cũng phải ở. Nhà lính mà lại!

Vũng ngán người:

– Ờ nhỉ!

Trong công cuộc tái lập an ninh trật tự khắp vùng cao nguyên, ở những miền trước kia bọn Bình Xuyên chiếm giữ, một hệ thống những đồn nhỏ ở rải rác trên những trục giao thông chính sẽ

được thiết lập để tiếp viện chonhững cứ điểm trọng yếu. Đồn 21 của bọn Vững là một. Vững biết thế. Có lẽ phải đóng ở đây lâu. Công việc trước tiên của các anh là phải làm cho vùng lòng chảo này thành một chỗ ở được.

Căng lều nghỉ ngơi, phân chia công tác hai ngày. Đến ngày thứ ba, cả trung đội bắt tay vào việc. Tiểu đội Vững đào giếng. Một tiểu đội thu dọn cỏ hoang san phẳng gạch đá làm chỗ dựng đồn. Tiểu đội thứ ba đi đốn gỗ trong rừng độc quyền.

Vững làm việc trong nắng, cả vùng lòng chảo chói lòa sống lại như một con người thức dậy sau giấc ngủ ma quỷ. Từ đỉnh núi ngút nằng đến những bờ khe khô cạn, đều vang vọng tiếng cuốc tiếng xẻng phá vỡ đất cứng. Những tiếng

động mở mai vào lòng đất. Bọn Vững cỏi trần. Mồ hôi chảy đi trên những bắp thịt hồng lửa. Vững dạng chân nghiêng người, phơi hân một bờ lưng rộng phẳng dưới ánh mặt trời. Bóng Vững đổ xuống những nhát cuốc. Nhát nào cũng nặng chình chịch. Lưỡi cuốc đi phẳng phẳng gấn bén vào lòng đất rừng, vậy mà cũng làm Vững hăng hăng, say say. Anh bổ xuống mau hơn, có cảm giác như khi anh dẫn mình băng đuối đối phương trên đồng lầy trong thời kỳ tiếp diễn chiến dịch Lạc Đà. Hôm nay, Vững mở một chiến dịch mới trong vùng lòng chảo cháy nắng, cũng giống như những chiến dịch mà những bạn anh đang mở ra ở các vùng mới tiếp thu: Bình Định, Cà Mau. Nhưng chiến dịch Hòa Bình mở ra ở khắp các vùng giải phóng trong nhịp điệu kiến thiết xây dựng.

Một người bạn dừng tay cuốc, bảo Vững:

- Này cậu, khá rồi đấy nhỉ?
- Khá cái gì?
- Cậu không thấy nhát cuốc chúng mình đi sâu hơn ban nãy à? Đất ở dưới mềm nhiều rồi. Chắc có nước.

Vững cười:

- Có mê đi chứ! Chả nhẽ lại phải xin nước tiếp tế à!

Cả tiểu đội lại hì hục cuốc. Đất đào lên, vạt sang hai bờ, nằm phơi dưới nắng. Màu đất ở những tầng lớp bên dưới không bạc phếch như đất mặt mà tươi mịn một màu nâu đỏ vàng đậm. Mùi đất ngai ngái từ lòng giếng bốc lên, khác hẳn

với mùi cỏ úa chết nắng. Vững nghĩ thấy quen thuộc như mùi đất đồng. Anh cảm thấy vui vui trong người. Niềm vui của người lính trong công tác xây dựng công sự, thiết lập đồn trại còn là niềm vui của người dân cày lúc rời bỏ cây súng cầm lấy cán cuốc bỏ những nhát chắc nịch vào thịt đất.

Đến trưa, anh thượng sĩ hô nghỉ. Cả tiểu đội kéo ùa vào lều vải. Vững còn ở lại sau. Anh vát cuốc nhảy đại xuống lòng hố. Chiều sâu đã ngập tới vai. Vững cọ lưng vào bờ đất. Hơi mát toát ra thấm vào anh.

Vững cất tiếng nói thật to về phía lều:

- Các đảng ấy ơi, đến vai tớ rồi. Vài ngày nữa là tha hồ mà tắm.

Tiếng cười tiếng nói từ chỗ Vững, từ trong lều ở khắp cứ điểm đang được xây dựng lại bát ngát vang lên khắp vùng lòng chảo. Vững vịn tay vào bờ đất đu mình ra khỏi lòng hố. Anh đội mũ vải lên đầu, lững thững đi lại chỗ tiểu đội bạn đang dọn cỏ. Vững nói đùa:

– Này, dọn cho kỹ. Mai này tớ đứng gác chỗ này đấy.

Nói đoạn, anh sà xuống, bốc một bốc những xác cỏ chết nắng:

– Chỗ này dễ đến một tiểu đoàn mũ xanh chứ chơi à, các cậu?

Một người ngừng tay phạt cỏ:

– Chỗ ấy mà một tiểu đoàn thì chúng

tớ từ sáng dễ đã tiêu diệt hàng nghìn sư đoàn rồi.

Anh hô to:

– Nào cố lên, tiêu diệt cỏ mũ xanh.

Cả bọn cười phá. Mấy chục cánh tay vươn lên, lùa xuống đàn cỏ mũ xanh đang bị tiêu diệt dần trong vùng lòng chảo cháy nắng. Bầy cỏ phản động theo nắng ngày dâng lên, cứ đùn đùn chống chát hết đồng này đến đồng nọ. Chúng đang lũ lượt đi khỏi vùng lòng chảo. Màu xanh của cỏ thảo khấu cứ dọn quang trên từng thước đất một, theo một nhịp tuần tự điều hòa. Không ai nghĩ tới giờ nghỉ.

Vững hướng về phía tiểu đội anh, hô to:

– Anh em ơi! Ra đây dọn cỏ Bảy Viễn.

Có tiếng trong lều nói ra:

– Cỏ Bảy Viễn à, chúng tớ ra đây!

Thế là hai tiểu đội hợp thành làm một. Chỉ một thoáng lại có hàng chục đồng cỏ lớn. Nắng đổ xuống một lũ cỏ tử thi mất dần chất xanh tái cuối cùng. Vững châm lửa vào cỏ. Một vài nếp khói, rồi những đồng cỏ đồng loạt cháy bùng lên. Cả bọn ngừng tay một phút nhìn cảnh tượng cỏ cháy. Vững nhặt một cành cây khô gãy gãy trong đám lửa thấp thoáng. Hình như nắng cũng cháy. Những vệt nắng đọng kết bồng nhiên tung bùng bay múa theo sức tác động của lửa đốt cỏ. Cả một vùng lòng chảo hoang vắng như bắt đầu một cuộc

sống mới toát ra từ những ngọn lửa này. Những ngọn lửa tạo lập. Của anh binh nhì Vững. Của người lính quốc gia tự do. Hôm nay, lửa đã cháy lên như một đợt gió đầu mùa. Và đã thiêu hủy bằng hết những đời cỏ phiền loạn của mùa cũ.

Đến xế chiều thì cả cái sân đồn rộng không còn bóng một ngọn cỏ nào. Tiểu đội vào đồn gỗ trong rừng độc quyền từ buổi sớm cùng vừa trở về. Gỗ rừng đồn tận gốc chặt tận ngọn, còn cả cành cả lá kéo lê thê từ rừng cấm về nằm ngổn ngang trên sân đồn. Trung đội xúm lại. Anh chỉ huy chọn một thân cổ thụ dài thẳng, bảo Vững:

– Cây này đẹp nhất, ta để riêng làm cột cờ.

Anh lẩm nhẩm tính toán trên đồng gỗ: “Còn thiếu độ năm cây nữa. Sáng sớm mai, tiểu đội sẽ đi lấy nốt cho đủ. Rồi chúng mình sẽ cất nhà ngay. Vật liệu thiên nhiên của phiến loạn bỏ lại thừa thãi như thế này thì anh em mình chỉ phải ngủ lều độ vài bữa nữa thôi.”

Cả trung đội cùng cười.

Một giếng nước đang khơi, những thước cỏ hoang dọn sạch và mấy chục cây gỗ chặt đốn trong rừng độc quyền của phiến loạn, cứ điểm 21 đã có một bộ mặt khác hẳn. Từ một dĩ vãng man rợ, tấm áo dã thú rụng xuống. Tất cả vùng lòng chảo bao la hình như cũng đang chăm chú ngó xuống hiện tượng mới lạ này.

Ngày ngả về chiều. Những đỉnh núi

nhật nắng. Chói chang nghi ngút ngả sang một thứ vàng tươi dịu dàng trườn đi từng lớp mỏng nhẹ. Những bếp lửa bắt đầu bốc khói. Bọn Vững ngừng tay thổi cơm ăn cho bữa chiều trên cứ điểm tiếp viện đang nghiêng vào hoàng hôn. Khói xanh nhờ nhờ bốc lên những tảng núi đã đổi màu. Nền đá tím lại. Gió rừng thổi từ một hướng nào bên kia núi, đẩy tới những tảng mây lớn trắng xộp. Vữngra đứng nhìn mây bay về phía rừng già, bắt gặp một tốp thổ dân địa phương ở phía núi đi xuống. Họ ở trong những bản xóm rải rác khắp vùng lòng chảo đã hàng tháng, chiều nay mới dám đánh bạo xuống đồn. Nhìn thấy Vững những người thổ dân ngừng lại không dám tiến nữa. Vững ra hiệu cho họ cứ đi. Bọn người miền núi cởi trần đóng khố, chậm chạp tiến lại. Người đầu đoàn chào Vững, Anh liền đưa cả bọn vào

chỗ thượng sĩ chỉ huy. Thì ra buổi trưa ở trong nhà sàn, tốp thổ dân đã nhìn thấy những đám lửa đốt cỏ bốc lên. Rồi một người chạy về báo tin cho cả bản rằng ở dưới đồn 21 vừa có một tốp lính mới đến, nhưng lại không phải bọn thảo khấu vẫn canh gác rừng độc quyền. Họ liền kéo nhau xuống tận nơi xem sao.

Anh chỉ huy cho họ biết ngay là bọn lính mũ xanh độc ác vẫn thường kéo vào cướp bóc các bản xóm đã ra đầu thú. Và từ nay họ lại có thể đi lại tự do trong lòng chảo và lại được vào kiếm củi trong rừng già. Những nét mặt lầm lì hiển lành vụt tươi lên. Họ cúi đầu chào anh chỉ huy quay trở ra. Vững theo ra cửa đồn. Anh nhìn theo những bước chân người đang nối đuôi nhau trở về, anh nghĩ thầm rằng cứ điểm hẻo lánh này với những người dân miền núi

thuần hậu kia cũng không đến nỗi hoang vu như anh tưởng. Ngày mai trung đội chia công tác mới, các anh đào giếng, dựng nhà, lập đồn canh gác, thì cứ điểm 21 này sẽ lại là một thứ quê hương tiên tuyến cho cuộc sống mãnh liệt của anh vẫn chưa ngừng đổi dời trong chiến thời. Với anh, cứ điểm phòng ngự nào cũng là một thứ quê hương. Nó đòi hỏi những sự cố gắng cùng là niềm tin yêu của người. Người lính quyết tâm bảo vệ cứ điểm, chính là con người sống chết với quê hương. Sau mỗi lần chuyển dịch, lại thêm một cứ điểm mới. Và cũng lại thêm một quê hương mới nữa. Vững lần lượt nhớ lại từng cứ điểm cũ. Trên những ngã đường chiến lược miền Bắc. Đường số 5. Đường 39. Tả ngạn, hữu ngạn sông Hồng Hà. Những buổi vác súng đứng gác trên mái cứ điểm phòng ngự rét buốt sương đêm mưa phùn. Những đêm

lòa sáng ánh lửa hỏa pháo trên những hệ thống phòng ngự. Súng nổ vang rền bốn phía, rồi những đợt xung kích của đối phương ào lên. Những xác chết vất trên dây thép gai. Những rãnh chiến hào ngập máu. Những tháp canh bị san phẳng. Rồi bọn Vững lại dọn dẹp, lại xây dựng, lại chiến đấu.

Đời sống của cú điếm là đời sống của bản thân anh. Cũng như ở đây. Đồn 21 và vùng lòng chảo cháy nắng sẽ góp thêm cho những ngày tháng anh một thứ quê hương thân yêu không ngừng đổi dời. Một miền đồng bằng ngô bắp nườm nượp. Đến một miền núi rừng xanh lam. Đâu đâu cũng vẫn là anh. Là cây súng của anh. Là đất nước. Là tình yêu sâu nặng của anh gửi xuống cú điếm. Lòng Vững chìm lắng lại trong sáng tỏ chan hòa của một ý thức trách nhiệm.

Anh quay trở vào. Từ bao giờ, đêm rừng đã dấy lên. Dưới chân anh, một tiếng sỏi đá lăn động trong bóng tối. Gió núi hiền hòa. Anh nhìn lên. Sao rừng muôn vạn lấp lánh. Anh nghĩ đến những bản xóm, đến những người thổ dân hiền lành. Anh nghĩ đến quê hương xóm làng. Đến bông lúa, hạt thóc. Đất nước sẽ được bảo vệ. Cú điếm sẽ được bảo vệ. Vì những con người mang nặng tình đất nước tình cú điếm. Vì những con người sống chết với đất nước với cú điếm. Sống chết với quê hương.

NHÀ MỚI

Những ngày đầu tiên vừa đặt chân xuống Sài Gòn, Hóa ở tạm một gian “phố” gần khu Chợ Quán. Căn nhà là một tầng bé nhỏ, cuối một ngõ hẻm. Đằng sau nhà là bãi hoang.

Căn nhà này là của người bạn Hóa vừa đi vắng vì công vụ. Anh ta về Hà Nội. Hôm gặp Hóa, chân ướt chân ráo,

giữa phi trường Tân Sơn Nhất, anh bạn đã bắt tay Hóa rồi rút ở túi áo ra một cái chìa khóa. Anh chìa cho Hóa:

– Cho anh mượn tạm cái nhà. Chắc chưa có ai ở. Nhân tiện, coi nhà hộ. Độ nửa tháng nữa, tôi sẽ vào. Chúng mình nói chuyện sau vậy.

Thế là người bạn về Bắc, Hóa đã đến mở cửa cái gian nhà bé nhỏ này. Buổi trưa hôm anh đến, mưa to. Anh xuống xe, đi bộ qua một ngõ đất, vừa hẹp, vừa lầy lội. Dăm ba đứa trẻ con đầu trần mặc áo hoa, đứng dưới mưa nhìn anh. Anh nhìn chúng, mỉm cười xã giao, khi anh nghĩ đến những giấc ngủ trưa của anh, bọn chúng dễ đến phá phách loạn xạ lắm đấy.

Sau đó, Hóa đi nhanh về cuối ngõ.

Căn nhà nhỏ bé cửa sơn xanh khép đóng im ỉm sau một hàng rào gỗ lứa thừa. Dăm bụi cỏ dại mọc ngổn ngang trên lối đi.

Nhà mới có hai tầng và một gian gác lửng bằng gỗ. Một cặp vợ chồng và hai ba đứa con thì ăn ở rộng rãi. Ở cho đủ, có thể chứa được ba chục con người. Hóa chợt nghĩ đến cái nơi ở thứ hai này. Trong một thoáng, Hóa nghĩ đến cái gác trọ của anh ở Hà Nội. Một số lẻ giữa phố Cầu Gỗ. Anh tính nhẩm: Dễ cũng đến ba chục người. Hóa mỉm cười, nhớ đến những ngày nắng tháng Năm, tháng Sáu ở Hà Nội, gian gác xép Cầu Gỗ rung lên trong những tiếng quạt, tiếng thở, và ngọt ngọt một thứ không khí nồng cháy. Bọn Hóa ăn ở cái lối “hấp cách thủy”, như thế trong suốt một vụ hè 54. Vậy mà chẳng ai kêu ca, chẳng ai ốm đau, và cũng

không một ai bỏ đi. Thì ra cái khu vực tối thiểu cho một đời sống, nhiều khi đi xuống mức của những phân, những ly. Người ta nằm nghiêng mà ngủ, đi lên đi xuống cũng phải có tổ chức để tránh va chạm. Gian gác biến thành những con đường một chiều.

Mưa to hơn, Hóa mỉm cười một mình nhìn chung quanh gian buồng bỏ không. Từ ngoài mặt đường, nước chảy vào buồng ngoài, vào buồng trong và đọng lại trước cửa bếp. Vũng nước đục ngầu ngầu. Hóa nghĩ thầm: Không quét dọn sạch sẽ chỗ này không ở được. Đoạn, anh lần xuống bếp. Người bạn vừa đi khỏi mà cái bếp tro lạnh như không có ai thổi nấu đã nhiều ngày. Hóa nghĩ đến những nếp sống phóng túng ở đây. Bữa ăn người ta kéo cả ra tiệm. Anh không ngạc nhiên nữa.

Anh đi lên gian gác xép. Trên đó tối thăm. Một mùi ẩm mốc bốc lên từ những góc tối. Hóa đánh diêm soi thấy một gian gác trống trơn. Trên sàn ngổn ngang mấy tấm gỗ mộc. Anh đi xuống.

Mưa đã tạnh hẳn. Hóa mở cửa ra ngồi trên bậc cửa nhìn ra đường. Từ đầu ngõ, gió thổi tới, mát lạnh qua những vũng nước. Lá rụng xanh mặt đường. Bọn trẻ con ban nãy, thấp thoáng từ những căn nhà bên cạnh, lại ùa đến. Chúng cũng có vẻ nghịch ngợm như những lũ trẻ của phố xá Hà Nội, nhưng trông tươi tắn và ngây ngô hơn. Chúng nắm tay nhau nhìn Hóa rồi nhìn nhau, cười âm lên. Hóa cũng cười. Anh hút một điếu thuốc lá. Bọn trẻ thấy Hóa yên lặng, càng cười dữ. Đoạn một đứa xán đến hỏi anh:

– Thầy mới vô hả?

Hóa bảo:

– Phải rồi mới vô.

Tiếng Bắc anh dùng, làm lũ trẻ con cười to hơn.

Một lát sau, chúng đã biết tên anh, và anh đã mượn được lũ trẻ vô số là đồ dùng. Búa, chổi xể và mấy cái gầu con để múc nước.

Chúng để cả trên thềm cửa rồi bỏ đi.

Đêm xuống. Một đêm Sài Gòn rộng thoáng sau một chiều nhạt nắng. Hóa ngồi ngoài thềm cửa, nhìn từ đầu ngõ đến cuối ngõ. Anh nhìn vu vơ. Một nửa ngày đặt chân thủ đô tự do, Hóa chưa kịp

quen ai. Anh hút một điếu thuốc lá nữa. Thuốc cháy, khói chảy xanh về cuối ngõ, như vào một lối đi quen thuộc cũ. Lòng Hóa phân vân nhiều. Anh nghĩ đến Sài Gòn. Anh nghĩ đến Hà Nội. Nghĩ miên man. Một số bạn hữu cũ, anh sẽ không gặp họ ở đây. Có lẽ không bao giờ nữa. Họ đã ở lại.

Giữa một buổi đêm Sài Gòn vừa lên đèn. Hóa nghĩ về Hà Nội qua những ý nghĩ đầy mẩn thương. Anh nghĩ đến những gian nhà ngoài ấy, cửa ngõ khép đóng trong một tâm sự đau khổ thầm kín, khi những người lên đường đã vội vã bỏ đi. Một miếng đất. Một khoảng sân. Một chỗ ngồi xem một cuốn sách dưới mái hiên. Rất nhiều tình người gần bó gửi cho một mái nhà ấm.

Vậy mà Hóa đã lìa bỏ tất cả, để mà ngồi một mình trong cái ngõ tối hẹp này. Ngày mai dành cho anh những gì? Trong thời gian và không gian miền Nam, ngày tới, rồi Hóa còn mất nhiều ngày xây dựng một cơ sở mới, để cho một đoạn đời lại có thể lên hương và một cuộc sống lại có thể bắt nguồn. Anh nhìn lâu lâu xuống lòng đất ngõ trước mặt. Tối xuống hẳn. Hóa không nhìn thấy gì nữa. Nhưng anh đoán thấy đất ở đây cũng như ở bất cứ nơi nào cũng mát lắm, và cũng chứa đầy những sự bất ngờ cho một bàn tay của người.

Ngày mai, ngày kia, anh sẽ gây lại như từ xưa, những ngọn lửa, những sợi dây nối kết với chung quanh. Anh nghĩ đến bọn trẻ ban nãy. Những tấm áo hoa sắc sỡ của chúng. Tiếng chúng cười vang vang. Những con mắt chúng đen

láy nhìn cái “ông ngoài Bắc” vừa đến ở cùng ngõ. Dăm ba ngày, rồi Hóa quen thuộc với lũ trẻ hơn, chúng sẽ thay thế cho một lũ cháu Hóa ở ngoài Bắc với bố mẹ chúng nó.

Trong phút giây suy nghĩ đến một cuộc chiến tranh đau khổ lâu dài chỉ chấm dứt để nối kết những con người trên xứ sở xấu số này vào một niềm đau chia sẻ thù oán, Hóa nghĩ nhiều đến những đứa nhỏ. Tương lai của những mái đầu trẻ thơ ấy sẽ ra sao nếu hôm nay, những lứa tuổi măng non ấy đều lớn lên trong một thể hệ chia cắt đứt đoạn? Những sợi dây nối kết đứt rồi, từng đoạn một, ngày lại ngày. Trong Hóa ớn lạnh một cảm giác núi rừng. Hình ảnh một chân trời mịt mù. Cách sông. Cách núi. Hóa để lại tất cả ngoài ấy. Tất cả.

Chiều nay, ngồi một mình trong ngõ hẹp, Hóa nhìn xuống một ngọn lửa lấp lánh đầu ngọn thuốc lá, và anh nghĩ đến những con người mới anh sẽ tiếp xúc ở đây. Lũ trẻ nhỏ mặc áo hoa. Những gia đình chung ngõ. Cùng là đời sống phường phố lớn rộng của Sài Gòn. Những sợi dây liên kết vừa rưng xuống thì những đường tơ mới đã rung lên. Vĩ tuyến không ngăn chia được lòng người, cũng không đánh nhòa mất được những khía cạnh của một sự sống đã được giác ngộ ý thức của tập thể. Đâu đâu, cũng là gắn bó, cũng là bám hút, cũng là những sợi dây, những bàn tay đan lấy nhau.

Một ý nghĩ. Một ý nghĩa khác nữa. Trong Hóa, những gánh nặng tâm sự buồn thảm vơi lần lần. Chúng như những chuyến đi, ngược về bên kia một vĩ tuyến oan khiên nào, và ở lại đó trong

cái không khí tù đày của một thế giới thiếu tình người.

Hóa dụi tắt thuốc lá, đứng lên. Anh thông thả đi ra ngoài đầu ngõ. Hai bên, những cửa sổ mở rộng, ánh đèn lọt ra ngoài. Con đường đất nhỏ sáng lên từng quãng một. Nước đọng vui dưới chân anh. Nhìn vào bên trong anh thấy những gia đình Sài Gòn đầu tiên dưới ánh đèn:

Người bố, người mẹ, mấy đứa con. Những đứa trẻ mặc áo hoa ban nãy. Hóa mỉm cười đoán thăm, chúng đã kể chuyện cho bố mẹ về cái “ông ngoài Bắc” vừa đến. Khắp ngõ, tiếng radiô từng bừng một bản nhạc lên đường. Nốt nhạc líu ríu, đồ mạnh. Tiếng hát ngân dài, vươn lên, chứa đựng âm thanh đường trường. Buổi tối Sài Gòn cũng là buổi chiều Hà Nội đang lắng tai trong một bản nhạc

mỗi người cùng nghe dưới mái nhà của mình.

Hóa đứng ngoài nhìn vào. Bóng anh đổ xuống mặt đường, xiêu đổ, lênh đênh. Anh nghĩ rằng trong những ngày gần đây, cuộc sống của anh rồi cũng sẽ có những tiếng nói, nụ cười của một lớp người sẽ đến, và sẽ nhận anh vào tập thể. Từ một sự xây dựng rất cá nhân, cuộc sống khởi thủy rộng lớn thêm mãi, theo nhịp đi của những mạch máu nối kết đầm thắm với chung quanh. Hình ảnh một bếp lửa bập bùng hắt sáng lên một đêm đầu mùa trên mảnh đất mới, thổi mạnh một hương lửa thơm ngát vào Hóa, vào tận chỗ sâu thẳm của nội tâm anh.

Những hình ảnh cũ nhòa dần: Một chuyến đi. Những nét mặt. Những người

bạn. Những bờ phố cũ. Một cuộc đời đã an định.

Trong ký ức gần gũi, Hóa nhớ đến một cuộc thử thách dữ dội nhất mà thời đại đã đặt ra cho những con người như anh. Anh đã chọn lấy một con đường trên đó thổi lửa một thứ gió lửa và chan hòa một thứ ánh sáng của miền tự do. Và Hóa đã đến đây chiều nay trong cái ngõ hẹp, sau một trận mưa chiều đột ngột của thành phố nhiệt đới.

Những tiếng động xa xôi vọng về. Nghe không rõ. Ấm ầm, ran ran. Những tiếng vội vã, như những bước chân đuổi gáp, lại như những đoàn người đang xô chen nhau trên những ngã ba nào. Đền lấp lánh tứ phía. Cả một thành phố rộng lớn đang sống cái nhịp sống đương hoa, không bến bờ. Một cuộc sống toàn diện.

Hóa nghĩ đến cái tự do của một ngọn triều đổ òa òa về cái nét xanh veo của trời xa. Sài Gòn ở đây, Chợ Lớn bên kia. Những tiếng đổ gần như những bước chân xuống núi. Thành phố chứa đầy những tiếng suối trong. Thành phố đựng đầy những ngả cỏ non.

Hóa quay trở lại. Lòng ngô đã tối hẳn. Một vài vũng nước óng ánh. Hai bên, những cánh cửa đã đóng hẳn. Tiếng radiô tắt lặng. Hóa đẩy cửa vào trong nhà. Anh bật đèn. Ánh sáng bùng lên khắp hai gian buồng. Vẫn như cũ. Một vài vũng nước đục ngầu chưa khô hẳn, làm thành những đường viền màu nâu tươi trên nền đá hoa.

Lòng Hóa thấy ấm lắm. Anh vui vẻ lấy chổi quét sạch một góc nhà, vừa đủ cho một chỗ đặt mình. Có tiếng muỗi vo

ve nổi lên. Hóa chợt nhớ đến lũ trẻ mặc áo hoa. Ngày mai chúng sẽ mang đến cho anh mượn một hộp thuốc trừ muỗi. Đêm nay hãy tạm ngủ với mấy ông muỗi của đất mới. Hóa có cảm giác chúng sẽ đốt đau lắm. Muỗi Sài Gòn mà. Nhưng cũng chẳng hề gì. Giấc ngủ của Hóa sẽ ngon lành. Và ngày mai, một suối nắng sẽ chảy vào đây, và Hóa sẽ lại lên đường.

Ngày lớn sẽ dựng.

Hóa nghĩ về Hà Nội. Những hình ảnh mờ nhạt. Thấp thoáng sương khói. Ngoài ấy đã vào dĩ vãng. Những chân trời núi rừng. Hà Nội.

MƯA NÚI

Hai chúng tôi nhìn nhau yên lặng, như thế rất lâu. Sau cùng, Nam rút tay khỏi tay tôi, quay trở vào. Tôi đi theo anh. Lối đi nhỏ đổ xuống một chân dốc, vòng về sau đồi. Mưa vừa ngớt. Cỏ núi ướt át. Đường vai Nam in lên cái nền trắng nhờ nhờ của một thứ hơi núi trôi ngang phía thung lũng bên kia. Trời từng quãng một, bắt đầu xanh.

Xanh từ sau núi xanh lên.

Nam yên lặng dẫn đường cho tôi trong cái không khí thoáng mát của núi rừng sau một trận mưa lớn, thung lũng đã nổi gió vẫn còn nghi ngút hơi nước trắng đục. Có thể nắng. Cũng có thể mưa. Cái khoảng xanh ở phía đầu núi mở rộng hơn. Tôi nhìn đường vai Nam in hằn vào trong khoảng xanh này.

Bỗng Nam hỏi tôi:

– Thế nào, lạ lắm phải không?

Từ một ngày nào biết anh và yêu mến cái con người cứng rắn trong anh, tôi biết Nam vẫn có cái lối hỏi đột ngột như thế. Cái lối hỏi từ một con đường tắt đi ra bắt người ta trả lời.

Chưa đoán được ý Nam, tôi trả lời vội:

– Không, không. Lạ cái gì?

Đáng lẽ ra, tôi phải trả lời có. Tôi bỏ hằn tảng trời xanh đầu núi và đường vai gầy của anh, để chỉ nghĩ đến anh. Phải rồi, Nam đã làm cho tôi lạ lòng thật. Khó hiểu nữa. Nhưng mà tôi đã định ở lại với anh đến sáng mai. Tất cả những cái gì tôi định nói, chúng tôi sẽ nói với nhau trong suốt đêm nay.

Tôi nhìn lại tảng trời xanh vẫn đang đi lên, đang mở rộng. Xanh trong gần thành vàng nắng. Bên kia núi, chắc có nắng. Ở khắp nơi, chắc vẫn có nắng. Chỉ ở riêng miền này, nắng chưa dâng thôi. Hai chúng tôi lại im lặng bước đi. Nhưng một cái gì nặng nề ban nãy hình

như vừa được nhắc nhở. Có lẽ bởi một tiếng nói, một hòn sỏi lăn động dưới chân chúng tôi. Lại có lẽ vì một tảng trời xanh đã nằm trong nhỡn giới của người. Trên một ý nghĩ u uất trong tôi, hình như có ít nắng vừa dâng lên.

Tôi nhìn xuống một con đường cứ nhỏ dần, hỏi với lên:

– Này, đến chưa? Sao “nghìn dặm” thế hả?

Nam quay lại, chỉ tay xuống một khoảng thấp phía dưới:

– Kia kia.

Tôi nhìn theo ngón tay anh trở xuống một căn nhà bé nhỏ, tường mái cũ kỹ, kiến trúc cái lối nhà để chứa

đựng đồ đạc hơn là để ở. Màu ngói nâu thẫm, rêu xanh chảy thành từng dòng từ những đầu mái long lở xuống những chân tường. Chân tường lấp dưới cỏ núi. Cái cảm giác đầu tiên của tôi vẫn kính mến bởi cái năng lực vô cùng phong phú của anh gửi vào cuộc sống, là Nam không ở được nơi này. Con đường cỏ dại và những mái tường rêu phong kia không thể là những khung đời đen tối của anh.

Tôi nhìn xuống căn nhà nhỏ bé. Bốn cửa sổ đóng cả bốn, khép kín một vẻ bưng bít. Tôi nhìn Nam. Anh đứng bên tôi, cũng đang lặng lẽ nhìn xuống. Sự yên lặng của anh là một tiếng nói. Tiếng nói này nói lên cho một thái độ: Sự chịu đựng. Nam thua rồi. Nhìn chỗ ở của anh, tôi cũng biết là Nam thua rồi. Buồn hơn, anh đã chịu thua. Không biết

từ đâu, một rung động buồn rầu thấm thía từ từ nổi dậy trong tôi. Nó buốt lạnh như hơi rừng. Tôi vừa thấy lạnh lẽo vừa thấy mệt mỏi, như một người đi đường đặt hết niềm tin vào chỗ đến, và đến, chỉ thấy đổ vỡ, chỉ thấy tàn hoang. Trong một thoáng, tôi muốn quay trở về. Tôi sẽ bỏ Nam đứng lại một mình với núi rừng của anh. Tôi sẽ yên lặng đi trở lại con đường bé nhỏ, ra ngoài đường cái, leo lên một chiếc xe đò cũ kỹ, rời bỏ cả một vùng cao nguyên lúc nào cũng nằm ngủ bên cạnh những bờ vực chìm đắm, để đi xuống những vùng phường phố chan hòa sự sống dưới kia, ở những vùng xây dựng đang mùa, kiến thiết không ngừng nghỉ. Tôi muốn bỏ đi. Tôi muốn xuống núi. Để được sống. Được cho đi, được nhận lại. Được vui và được tin yêu. Được đóng góp cái phần bé mọn của mình cho tập thể.

Ở đây, tôi không thấy gì, thật không thấy gì. Nếu thật ra sự sống rất menh mông cũng có những biên thù, thì nơi này đã ở ngoài biên thù sự sống. Nam đã đứng thật xa, ngoài biên thù. Một con đường nhỏ. Những lớp núi rừng trùng điệp. Những chiều mưa dầm dề. Cỏ hoang. Ở đâu cũng cỏ hoang. Tôi bắt đầu phải công nhận một cách bức bối rằng ngoại cảnh nếu không tác động, cũng ảnh hưởng mãnh liệt đến đời sống. Nó tô thêm sắc màu cho những tâm trạng, những sự kiện chưa đậm nét. Tôi nhìn những đường rêu chảy trên mái cũ, nghĩ rằng núi rừng hoang vu nơi này cũng là những lớp rêu xanh. Chúng đang chảy xuống đời Nam. Một cánh cửa đóng kín. Những lớp rêu tường. Sự cách biệt ghê gớm. Nam chỉ thiếu biến thành một tượng đá. Nhưng chưa, thì cũng đã gần rồi.

Tôi nghĩ thế, và tôi đã muốn trở về. Tôi tưởng rằng núi rừng hoang vắng cách biệt chưa phải là chỗ ở của Nam. Tự nhiên tôi nhớ đến những con đường đi trong một bệnh viện thành phố. Những con đường lúc nào cũng như ngủ thiếp dưới mái lá xanh. Bệnh viện nào cũng là một thứ thế giới cách biệt. Đời sống đứng lại bên ngoài. Nó đứng lại dưới những hàng cây, vừa đọng lắng vừa sôi nổi, và bên trong, chỉ là một thứ thời gian lâu dài yên lặng. Bóng nắng bóng lá mệt mỏi. Tường vôi trắng toát. Những người bệnh xanh yếu. Ở đây, rừng núi cũng phảng phất một thứ không khí bệnh viện. Căn nhà rêu phong dưới chân núi kia cũng là một thứ an dưỡng đường cho một con người nhọc mỏi giữa lưng chừng cuộc sống.

Tôi không muốn đến những an dưỡng đường. Tôi muốn trở về. Nhưng với niềm bất mãn vẫn ngấm ngấm trong tôi. Tôi muốn được hiểu Nam hơn. Sự xoay chiều đột ngột của anh.

Cuối cùng, tôi nhất định ở lại.

Nam nhường tôi xuống trước. Qua những bậc đất đào ngập vào sườn đồi, đến một khoảng sân nhỏ, không trồng trọt gì. Rừng gần nhà đổ lá xuống ngập ngựa. Tiếng nước rỏ xuống tí tách.

Nam gõ nhẹ tay vào cánh cửa đóng kín.

Có tiếng động ở bên trong. Những bước chân lại gần. Cửa hé mở. Tôi nhìn thấy chị Nam qua màn mưa loáng thoáng. Dưới mái tóc lòa xòa, khuôn

mặt chị hiền hậu nhìn tôi. Một thoáng ngạc nhiên ánh lên trong đôi mắt to đen.

Nam điềm đậm bảo vợ:

– Anh Thảo lên chơi với chúng mình.
Em mở cửa cho sáng.

Cửa mở rồi mà gian phòng cũng không sáng được bao nhiêu. Chỉ mới bớt tối đi thôi. Phảng phất trong cái nhờ nhờ một thứ không khí u uất. Cuộc sống ở đây chứa đựng quá nhiều bóng tối rồi. Gian phòng không sáng nổi được nữa. Tôi nhìn chung quanh. Bàn ghế, đồ đạc đứng lặng lẽ từng khối tĩnh vật chìm lặng. Tôi nghĩ đến thứ ánh sáng của một niềm tin sáng chói, chưa được anh Nam đốt cháy ở nơi này. Ánh sáng của một nụ cười. Của một đôi mắt. Phút giây này, tôi đã thiết tha mong mọi sự

cháy đỏ của những dòng ánh sáng ấy, dù chỉ một chút ít thôi. Thì ở đây sẽ đỡ tối hơn. Những sự vật bé mọn nhất ở nơi này hình như đều phủ ngập dưới những tầng lớp băng tuyết, những trận mưa núi; những đợt sương rừng, ánh sáng có bùng được lên không?

Tôi nhìn ra ngoài. Rừng núi ngớt mưa đang đi dần vào hoàng hôn. Tối xám lan đi từng ngọn đồi. Hết ngọn này đến ngọn khác. Từng gốc cây. Hết gốc này đến đến gốc khác. Cái tầng trời xanh phía đầu núi của tôi ban nãy cũng đã nhòa đi rồi. Sao chưa kịp lên, đêm đã sâu thăm thẳm. Rồi tắt cả những ngọn đồi, những gốc cây đều không nhìn thấy nữa. Cửa mở thành một khung đen. Mắt tôi tối lại. Nhìn Nam, bóng tối cũng ngập đầy trong mắt anh.

Sau bữa cơm, chị Nam pha cho chúng tôi hai tách cà phê.

Nhớ lại một hình ảnh đẹp cũ, tôi lên tiếng nhắc chị nhớ pha cho thật đặc. Chị Nam quay lại mỉm cười:

– Tôi nhớ rồi, anh chẳng phải dặn. Lần nào gặp nhau mà các anh không uống cà phê đặc, rồi thức suốt đêm. Cà phê của các anh không phải là cà phê nữa. Thuốc bắc thì đúng hơn.

Tôi mỉm cười nhìn Nam. Chúng tôi cùng sống lại những đêm cũ. Kỷ niệm. Gương mặt Nam đã tươi hơn một chút.

Chị Nam đặt hai ly cà phê vào cái khay nhỏ, lấy hộp thuốc lá thơm, bưng tất cả đặt trên cái bàn thấp gần cửa sổ, đoạn chị kín đáo bỏ xuống nhà dưới.

Tôi nhìn theo chị Nam, yêu mến cái vẻ kín đáo của chị lúc đó. Tôi vừa bắt gặp lại những nếp sống đặc biệt, tế nhị của người đàn bà Hà Nội. Một dáng đi. Một cách ăn nói. Cái lối pha một tách cà phê đặc sánh. Chị vẫn giữ gìn được nguyên vẹn cái duyên dáng ngày cũ, lúc chị còn là một người thiếu nữ ở Hàng Đào. Chị không đổi thay. Mà chỉ có Nam đổi thay thôi.

Chị Nam bỏ xuống nhà dưới vì chị biết Nam và tôi có những câu chuyện cần phải nói với nhau đêm nay. Đó cũng là một thói quen đã có giữa Nam với tôi từ rất lâu. Đêm nay, tôi đã muốn sống lại với Nam những đêm chí tình cũ. Một tách cà phê đặc. Một hộp thuốc lá. Để mà bàn định với nhau về những dự định của đời sống. Nhưng đêm nay tôi thức với Nam để làm gì? Anh còn có những

dự định gì về đời sống? Tôi nhìn sang anh. Bên kia bàn. Nam chống tay lên cằm, nhìn xuống. Giây phút yên lặng với vợi khắc khoải. Điều thuốc lá cháy trên tay anh, dòng khói vọt vờ khuất khúc. Khói thuốc ngừng lại trên nếp tóc rồi bông bênh. Những đường gân hai bên hàm nổi lên một thoáng cử động chìm lặn. U uất. Tôi nghĩ thầm: “Chỉ thấy mưa phùn và mây xám thôi. Chưa thấy nắng. Cũng chưa thấy trời xanh”.

Một lát Nam ngẩng lên hỏi tôi:

– Bạn hữu ở dưới ấy ra sao?

– Cũng lúng túng cả.

Tôi ngẫm nghĩ rồi nói tiếp:

– Nhưng họ đang cố gắng. Rồi sẽ được tốt đẹp như cũ.

Nam đáp thờ ơ:

– Nhất định rồi.

Con mắt anh nhìn tôi rồi nhìn ra ngoài. Cái nhìn hết sức thờ ơ gửi vào đêm rừng mênh mông. Tôi biết Nam nói mà không nghĩ gì. Những ý nghĩ mất nhiệt thành mất tin tưởng không còn là ý nghĩ nữa. Tôi đã muốn hét lên với anh rằng nhất định rồi, nhất định rồi cuộc sống sẽ được tốt đẹp, nhất định như thế bởi vì những người bạn anh ở dưới kia đang lăn mình vào cuộc chiến đấu để xây dựng cho một ngày trở về, với tất cả niềm tin tưởng sắt đá của họ, với tất cả cái năng lực sáng tạo của họ. Và chỉ anh là anh đã mất niềm tin thôi.

Nghĩ thế nào tôi lại thôi. Tôi nghĩ rằng Nam đang là một người bệnh. Cho

dầu rằng anh chưa có quyền được vào bất cứ một bệnh viện nào. Nhưng im lặng, tôi lại bất mãn. Bất mãn nhiều nhất về cái thái độ của anh. Con người anh hôm nay đem đối chiếu với dĩ vãng, sau mâu thuẫn lại đậm đà đến thế. Tôi nhớ đến dĩ vãng. Một thứ dĩ vãng gần gũi của anh, của chúng tôi:

Từ đầu mùa thu 1950 đến những ngày trước hiệp định chia đôi đất nước. Nam ở hậu phương về Hà Nội. Rời bỏ hàng ngũ của những con người đã kìm hãm, đã hủy diệt cái năng lực sáng tạo của anh, về tới Hà Nội anh bắt tay ngay vào việc. Tôi đã sống gần Nam những ngày tháng sôi nổi mãnh liệt ấy, để mà đo lường được thế nào là cái năng lực của con người sống vượt bậc quyết tâm xây dựng lại cơ sở. Từ hai bàn tay trắng Nam bắt đầu. Và cuộc sống của anh cứ

thế chuyển đi, như một hình ảnh mùa màng nườm nượp sinh thành trên tàn đổ. Anh sống không ngừng không nghỉ. Đạo ấy, Nam vẫn luôn luôn bảo tôi:

– Thời gian gấp rút ghê lắm, Thảo ạ! Phải xây dựng được ngay một cái gì cho chúng ta.

Câu nói sôi nổi này, Nam đã đem gắn liền nó với hành động. Cứ theo anh thôi, tôi cũng thấy mệt đến đứt hơi. Lối sống của anh thu thế kỷ vào một năm, thu nghìn năm vào một phút. Anh làm bằng mười, bằng trăm người. Công cuộc xây dựng cơ sở của anh ngày lại ngày thể hiện trong một nhịp điệu đều đặn. Trước hết, Nam nhảy vào nghề thầu khoán. Đêm ngày anh lặn lội với lũ vật liệu, với công nhân, với mưa nắng ngoài công trường. Chỉ trong một năm anh đã xây

cất được ba căn nhà mới nữa ở trung tâm thành phố. Ngân khoản gửi ngân hàng của anh lên tới hàng triệu đồng.

Hết một năm anh vụt đổi nghề. Những đô thị tàn phá đã được xây dựng lại gần hết trong thời gian này. Nghề thầu khoán không thích hợp nữa.

Đêm hôm ngồi uống cà phê với anh ở bàn giấy, kết toán lại công việc để sửa soạn dự định mới, Nam cười bảo tôi:

– Thế là chúng mình đã kết thúc xong chương trình đầu tiên. Bây giờ đến chương trình thứ hai. Tôi hẹn với anh ba năm. Sau đó, sẽ là cái chương trình cuối cùng của tất cả chúng ta.

Cái chương trình cuối cùng của chúng tôi là một sự tổ chức thật đầy đủ,

thật chu đáo cho đời sống vật chất và tinh thần của một số người gắn bó với nhau qua một thứ duyên văn đậm đà nhất, cùng theo đuổi một lý tưởng trên lãnh vực văn nghệ. Chúng tôi thật đông thật tin tưởng, nhưng chúng tôi sống lẻ loi và thiếu thốn tất cả mọi phương tiện. Sống những ngày lênh đênh mưa nắng ở hậu phương cộng sản, để chịu đựng đến ê chề sự chà đạp tin tưởng, sự kìm hãm tinh thần, chúng tôi kẻ trước người sau đã rời bỏ thiên đường cộng sản trở về Hà Nội.

Cuộc chiến tranh đau khổ lâu dài dáo dỏ đã là nguyên nhân phát sinh một tâm trạng văn nghệ thật đen tối. Mặt trận văn nghệ mở ra từng giai đoạn gay go. Kẻ thù mọc lên trùng điệp. Sa đọa, đổ vỡ ghê gớm. Để xây dựng lại tất cả, phải phá hủy tất cả.

Hướng đi mới sáng chói trong nội tâm từng con người đã sống nhiều thời gian đau đớn của thí nghiệm, của nhận đường. Lòng tin tưởng dư thừa. Nhưng phương tiện ở đâu? Chúng tôi thiếu thốn tất cả. Một nhà xuất bản. Một nhà in. Một nơi lui tới cho những buổi sinh hoạt tập thể. Cả đến những nhu cầu tối thiểu hàng ngày.

Một vài anh bạn đau tim đau phổi trầm trọng. Một vài người sốt rét kinh niên, thứ rét rừng ghê gớm mang về từ những biên giới âm u miền ngoài. Đôi khi lại một vài anh trút hơi thở cuối cùng trong một bệnh viện làm phúc.

Nam gặp lại tất cả chúng tôi vào thời kỳ đó.

Anh biết đến cảnh ngộ của chúng

tôi. Nhiều đêm thức với anh, tâm sự với anh về những cảnh huống đau buồn của bọn người cầm bút nghiêng ngả điều đứng vì những tác động vật chất, tôi đã cởi mở đến cái mực không giấu giếm gì anh nữa.

Anh suy nghĩ, rồi anh bảo tôi:

– Chúng mình phải chấm dứt ngay cái tình trạng này. Các anh không thể chết dần chết mòn trong những bệnh viện làm phúc được. Tôi sẽ thay Chúa Giêsu làm một cái gì cho chúng ta.

Sự quyết định của Nam, giữa một thời đại xa hoa ích kỷ, không làm tôi ngạc nhiên. Một phần vì Nam là con người của những quyết định mau lẹ. Một phần vì tôi biết Nam vẫn có lòng với văn nghệ từ lâu. Anh mẫn chúng tôi

vì anh biết chúng tôi đau khổ nhiều. Vì anh biết chúng tôi có niềm tin, nhưng không bao giờ tạo nổi được những điều kiện vật chất cần yếu.

Nam bàn với chúng tôi như thế này:

– Tôi dự tính dựng một nhà in, một nhà xuất bản, có đủ hết máy móc vật liệu để có thể ấn hành được tất cả những tác phẩm hữu ích. Sẽ có một câu lạc bộ văn nghệ cho các anh nữa, với chỗ ăn chỗ ngủ chu đáo. Các anh phải được nghỉ ngơi, được tĩnh dưỡng như tất cả mọi người. Các anh hãy giữ vững niềm tin. Tôi sẽ thu xếp đầy đủ phương tiện cho các anh.

Nam hành động sát thực tế. Anh biến dự định thành những con số. Những

con tính kỹ càng cho từng ngân khoản bé nhỏ một.

Anh kết toán:

– Phải có từ bốn đến năm triệu đồng”.

Anh cười nói đùa:

– Vì các anh đông lắm. Nhà văn lại sống dai nữa.

Cuộc dự tính có tính chất vĩnh viễn được đặt trên một quy mô rộng lớn chưa từng thấy. Dự định này thành được do sự nhiệt tâm của một người, thì cả tập thể có thể vững lòng mà phục vụ bằng ngòi bút, bằng tư tưởng.

Nam bắt tay thực hiện chương trình

này vào khoảng đầu mùa xuân 1954. Anh bán phẳng ba căn nhà, đem số tiền mua một biệt thự diện tích gần ba mẫu ở ngoại ô thành phố. Sửa chữa lại, ba tháng sau thì xong. Còn haicăn nữa, anh để một làm nhà in, một làm tòa soạn. Tiền gửi ngân hàng, anh rút ra hết, gửi tất cả sang Âu châu mua máy in.

Công cuộc tiến hành tuần tự tốt đẹp.

Nhưng có một điều mà Nam không tính đến: Sự biến chuyển của thời cuộc. Cho đến bây giờ, những phút ngồi ôn lại đến cái dự định cao đẹp kia đã đổ vỡ không phải vì chúng tôi, càng không phải vì Nam, tôi vẫn không hiểu tại sao Nam không chịu lưu tâm đến những yếu tố ngoại cảnh. Vậy mà ngoại cảnh trong không gian Bắc Việt và trong thời gian 1954 lại như đập thẳng vào mắt.

Suy nghĩ nhiều rồi, tôi mới cảm thấy quý mến anh, sự quý mến gửi đến một con người dám xây dựng những sự kiện trường cửu ngay giữa mùa đông bão.

Được xây dựng là đủ, còn mặc kệ đông bão. Không tính đến thành bại.

Đông bão đổ ập tới: Tháng sáu, thất thủ Điện Biên Phủ. Tháng Bảy, chúng nó ký kết với nhau hiệp định Genève. Miền Bắc rơi vào tay cộng sản. Hà Nội sống những ngày vực thẳm. Cái chương trình của Nam, của chúng tôi đổ vỡ theo. Hà Nội sống nốt 100 ngày tự do cuối cùng. Không may cho chúng tôi, lúc đó Nam lại vắng mặt ở Hà Nội vì một chuyến đi xa. Ở Hương Cảng về tới nơi, Nam bỗng dưng đau nặng. Những chiếc máy in lớn gửi về từ Âu châu nằm ngổn ngang dưới nhà in không có người

ở. Đến khi Nam ra khỏi nhà thương, thì cái thời hạn 100 ngày cũng gần chấm dứt. Anh không kịp thu xếp gì cả. Mà hình như anh cũng chẳng muốn thu xếp nữa. Con người của những dự định lớn lao, có tất cả ngày hôm trước, mất tất cả ngày hôm sau. Nam đi khỏi Hà Nội với hai bàn tay trắng. Như chúng tôi, như phần lớn những người Hà Nội.

Nam đưa vợ con xuống Hải Phòng. Từ Hải Phòng vào Nam, anh đi thẳng lên vùng Cao nguyên, trốn lánh bạnhhũu, trốn lánh cuộc sống, trốn lánh tất cả.

Một năm rồi.

Tôi mới lại được gặp anh ở đây.

Cuộc chiến đấu cho tự do cũng bắt đầu vừa chẵn một năm.

Đêm núi rừng mịt mù bên ngoài. Tách cà phê đã nguội lạnh từ lâu. Những giây phút yên lặng, thăm thẳm. Nam đưa tay gạt một tàn thuốc lả tả rụng xuống. Tôi nghĩ đến anh. Đến bọn chúng tôi. Đến Hà Nội. Đến bọn cộng sản. Đến một ngày trở về chưa tới. Đến một cuộc sống mới đã khởi đầu. Chúng tôi đã định khởi đầu cả rồi. Hàng triệu người đã khởi đầu ở dưới kia, trên những miền đất nước bàng bạc sắc thái tự do. Cuộc chiến đấu mới sôi nổi, gấp rút, người ta không có quyền đòi hỏi phương tiện, đợi chờ cơ hội. Ở khắp nơi, những con người tự do đã hát lên. Đã đi thẳng vào xây dựng, đến thẳng với kẻ thù. Trên những địa hạt văn nghệ, những cây bút tự do đã kết tụ lại từng nhóm phục vụ chiến đấu. Giai đoạn sống còn này nằm trong cái gấp rút, sôi nổi của hiện tại. Dĩ vãng chết thật rồi. Chúng ta đã bỏ lại dĩ

văng cho kẻ thù ở bên kia. Trước tương lai chói loà, người ta không có quyền được thương tiếc quá khứ nữa.

Đêm hôm đó, tôi đã nói được với Nam về những sắc thái bay múa của cơ man nào là cuộc sống đang khởi đầu ấy. Tôi muốn nhìn thấy sự cháy đỏ trong anh một ngọn lửa tin. Nhưng mà những sự kiện bé nhỏ nhất ở nơi này cũng đều chìm ngập dưới những tầng lớp băng tuyết, lửa có cháy lên được không?

Hãy nghe Nam thủ thỉ:

– Tôi không thiết tha gì nữa, Thảo à! Sống cho qua ngày thôi. Nhiều lúc tôi muốn xóa bỏ hết, muốn xuống núi, để bắt tay vào một cái gì với các anh. Nhưng cũng không nổi nữa đấy. Tôi đã mất mát nhiều quá, tôi thua rồi. Hành

động trong một thời gian nghiêng ngả, con người phải vững lắm mới được. Tôi nghĩ đến sự cố gắng của tôi ở Hà Nội trong 5 năm trời đằng đẳng. Tôi sống 5 năm bằng cả một đời. Bây giờ trắng tay vẫn hoàn trắng tay. Anh bảo tôi không thất vọng sao được.

– Vậy mà hàng triệu người như chúng ta đã không thất vọng mà còn tin tưởng ghê lắm.

Nam cười buồn:

– Tôi chưa thấy điều gì làm tôi tin tưởng được. Mất mát nhiều như tôi, tin tưởng lại khó lắm.

Tôi không trả lời Nam. Tôi biết anh mất mát nhiều. Nhưng tôi còn biết anh đã mất mát ở ngay đây một cái gì to

lớn hơn tất cả những mất mát của anh ngoài Hà Nội. Nam đã đánh mất niềm tin. Rừng núi hoang vu buồn thảm ảnh hưởng sâu nặng thêm mãi vào cái tâm trạng tàn lụi này.

Tôi nghĩ thầm: Nếu anh xuống núi. Phải rồi. Nếu anh xuống núi để đến những thành phố, những làng xóm, những trung tâm định cư, những vùng bị cộng sản tàn phá, những miền mới tiếp thu, để có những ấn tượng rục rờ nhất về cuộc phục sinh của đất nước, để tai nghe mắt thấy tại chỗ những lớp người đã đau khổ, đã mất mát như anh, đang đặt những nền tảng đầu tiên cho đời sống tự do.

Nếu Nam xuống núi để tiếp nhận những dòng đời đang xuôi chảy, đang dâng lên. Những con suối nhỏ đang sống

những đời đại dương. Những người đã bỏ hàng trăm nóc nhà đến vùng tự do, sống tin yêu dưới một mái lều tạm trú. Thì anh sẽ khám phá được điều này: Chúng ta giàu có hơn bao giờ. Vì chúng ta tự do. Và những vùng trời của chúng ta không chỉ là những cơn mưa núi, những buổi chiều tối xám, u uất, mà còn là những miền bình minh, những ngày chói nắng, những buổi đầu mùa.

Tôi liền đề nghị với Nam:

– Từ ngày vào đây, chắc anh cũng chưa đi đến đâu. Anh thử đi thăm các nơi một chuyến xem sao. Anh cần phải đi. Nằm mãi ở miền cao này, rồi anh biến thành trăng sao mất. Tôi tin rằng cuộc sống của dân tộc hôm nay ở miền tự do sẽ làm anh thay đổi thái độ. Không ít thì nhiều, nhưng thế nào cũng thay đổi.

Nam yên lặng không nói gì.

Đêm hôm đó, chúng tôi thức với nhau đến sáng.

Tôi từ giã vợ chồng anh buổi sớm hôm sau. Mưa núi đã tạnh hẳn. Trên lối đi nhỏ, sương trắng bốc lên nghi ngút. Có tiếng chim rừng hót ở đầu nhà. Vợ chồng anh đưa tôi ra ngoài đường cái. Tôi bỏ anh lại với rừng núi của anh. Niềm tin tưởng cuối cùng trong tôi là một ngày nào sẽ có một chuyến đi vào sâu giữa lòng đất nước, sẽ gửi trả Nam cho chúng tôi...

Lần gặp Nam ở cao nguyên đến nay đã được một tháng.

Bỗng một hôm, tôi nhận được thư anh. Tôi mừng vô tả. Trong thư, Nam

báo tin cho tôi, ít ngày sau hôm tôi về, vợ chồng anh đã bắt đầu một chuyến đi trên khắp các vùng bên này vĩ tuyến 17. Anh đã đến các vùng mới tiếp thu. Anh đã đi thăm những vùng bị tàn phá nhất. Anh đã đến các trung tâm định cư. Anh đã gặp những bạn hữu cũ. Và anh đã được biết thế nào là cái lực lượng phục hồi vĩ đại của dân tộc, cùng là cái năng lực của người tự do trong cuộc sống.

Đây là một đoạn ở cuối thư:

“Cứ nằm mãi ở những miền rừng núi hẻo lánh, nằm mãi trong một thứ thạch động cách biệt, người ta có thể quên cả cuộc sống, quên cả chính mình nữa. Thảo ạ! Tôi đã sống một năm thương nhớ dĩ vãng, đau xót với những mất mát cũ, tôi không sống được gì cả. Nguy quá. Tôi vừa đi thăm nhiều nơi

về. Đâu đâu, tôi cũng gặp những con người bùng bùng tin tưởng, và hăm hở xây dựng. Trong tôi, ngọn lửa tin mà tôi tưởng nguội lạnh hẳn, những người bạn đường hôm nay đã đốt nó cháy lên. Tôi muốn sống. Tôi muốn hành động. Tôi không thể tưởng tượng được rằng những lớp người đã mất mát đã đau khổ như chúng ta, hơn chúng ta, lại có thể sống mãnh liệt được như thế. Nhưng sự thật như thế. Tôi sẽ bỏ rừng núi. Tôi sẽ xuống đồng bằng đây. Hẹn gặp tất cả các anh. Chưa có dự định gì, nhưng hành động đã. Mà lần này thì chắc không thể nào tan vỡ được nữa...”

Bức thư của Nam chưa nói hết được với tôi về sự chuyển hướng lớn lao anh. Nhưng tôi biết chắc chắn được điều này, Nam đã trở lại đời sống. Nam đã trở về với chúng tôi rồi. Nam đã ra khỏi bệnh

viện, ra khỏi dĩ vãng rồi. Nghĩ đến tập thể đồng đảo sẽ có thêm anh, tôi vui đến cái độ có thể hò hét oang oang lên. Bọn cộng sản có thể chiếm đất đai của chúng ta, nhưng chúng không thể cướp được con người của chúng ta. Chúng có thể đánh ngã chúng ta trong một phút, nhưng rồi chúng ta lại vùng dậy. Sự vùng dậy của Nam là một trong muôn triệu.

Tôi còn biết chắc chắn được điều này nữa:

Cuộc sống của dân tộc hôm nay có một sức tác động mãnh liệt mà kẻ thù đã nhầm và chính chúng cũng không ngờ tới. Như một con bệnh, một ngày đến những miền đất nước tự do, cái không khí lành khỏe của tập thể đã giúp Nam sống lại. Nhiều người như Nam nữa. Đau khổ mất mát nhiều nhưng vẫn tin

tưởng thẩm thiết. Vẫn đấu tranh mãnh liệt.

Tôi gập thư lại. Tôi nghĩ đến Nam, những người như Nam, thức dậy trong những lớp chiếu chần dĩ vãng ẩm mục, đang tấp nập xuống núi. Bỏ những ngọn núi cô lẻ, những thạch động ớn lạnh, họ đang xuống những miền đồng bằng của tự do. Họ sẽ sống lại trong lòng đất nước, trong lòng tự do. Họ sẽ chiến đấu để bảo vệ đất nước, bảo vệ tự do.

Tôi nhớ đến đường vai gầy của Nam. Đến vùng trời của Nam.

Nơi ấy chắc đã có nắng. Như ở đây.

Đoản văn

MỘT CHIỀU QUA CỬU LONG

Tôi thức giấc vì một tiếng động nhỏ nhẹ. Trong đêm tối.

Trước mặt tôi là Cửa Long. Tiếng động dâng lên từ phía ấy. Thêm một tiếng động nữa. Rồi những âm thanh

khởi đầu lẻ tẻ trở nên một sự xao động rì rào.

Buổi chợ đêm đã bắt đầu dâng lên. Phải rồi, đang dâng lên. Xanh biếc phảng phất. Chợ đi dần thành những bước thủy triều. Tôi chống tay ngồi dậy đón nhận những tiếng sóng đi và những tiếng thuyền đi. Một lát, rồi những âm thanh rõ rệt ấy cũng không thể phân định được nữa. Chỉ còn là Cửu Long đang bát ngát dâng lên, Long Xuyên đổ về, Châu Đốc đổ về. Miền xa về hợp chợ đi toàn bằng những bước đi của Cửu Long.

Khúc này là ngã ba sông Sao. Mỹ Tho ở phía tay trái cho tôi một hình ảnh nữa của phương hướng rộng thẳng. Đêm về sáng thoáng mát. Tôi tiếp nhận thêm một cảm xúc thoải mái xuôi dòng giữa sự dồn đổ trùng điệp rộng lớn. Trên bờ,

cái bến Vàm Cống bé nhỏ cũng đã thức dậy như tôi.

Chợ họp rồi. Đèn lửa thấp thoáng. Ghe thuyền lũ lượt xuôi về. Từ bên kia vượt sang. Từ phía dưới đổ lên. Từ trên trườn xuống.

Một người đi sát qua tôi, xuống bến. Tôi ngồi dậy. Anh bảo tôi.

– Chợ họp rồi đấy. Chẳng ngủ được nữa đâu. Anh xuống bến đón thuyền về cho vui.

Tôi gập chân đệm – Cửu Long lạnh – gập lại ghế bố, đi theo anh xuống sát mặt nước. Chỗ này, người ta đã đốt lửa thật sáng đón thuyền về.

Những chiếc đầu đoàn đã ghé bến.
Có tiếng hỏi:

– Nhiều không?

Dưới nước đáp lên:

– Nhiều.

– Gì thế?

– Toàn trê thôi.

Tôi sán lại, nhìn xuống một lòng ghe nhỏ thấp thoáng dưới ánh đuốc cháy. Cả lòng khoang đầy nước. Mặt nước sóng sánh ánh lửa. Nhiều sóng quá. Nhiều sóng quá. Những ngọn sóng của ngã ba, của giữa dòng về tới lòng thuyền rồi mà vẫn chảy lênh láng. Hình như nước vẫn còn sóng. Và những con sóng vẫn còn

chảy. Mỗi khoang vẫn còn là một đời Cửu Long.

Một người đứng cầm gầu đang tát nước ra khỏi ghe. Tiếng nước đổ trả lại sông lớn, oà vỡ giữa hai bờ ghe đập sát liền rồi tan đi. Nước lại trả về cho Cửu Long rồi. Tôi có cảm tưởng như chúng vừa được trả về tự do.

Khởi nước vơi đi, những con cá bắt đầu hiện ra. Chúng nhiều vô kể và còn tươi nguyên. Tôi nghĩ rằng ở những đáy nước ngoài sông lớn, chúng cũng chỉ tươi khỏe được đến như thế. Tôi cúi xuống vớt lấy một con trê nhỏ. Con cá nằm gọn trong lòng tay tôi, rồi tuột đi. Một tiếng quẫy mạnh. Tôi buông tay, nhìn xuống khoang ghe lắc lư nhẹ nhẹ theo triều sóng đập bờ. Nước vơi vơi ánh sáng và bóng tối. Tôi nhìn xuống

bầy cá. Chúng là một sự kiện đông đặc đang trườn lên, đang lách đi, đang chìm chìm nổi nổi.

Bây giờ thì cả đoàn thuyền đã trở về.

Lửa bến cháy thành hàng nghi ngút. Chợ đêm không rõ người mà chỉ đầy đặc những hình bóng. Tôi sống một cảm giác lẫn lộn. Sự lẫn lộn của một buổi chợ, của đám đông, của đất liền kề sát nước biếc. Bước chân tôi nhòa lẫn tiếng sóng đập. Cửu Long về trong tôi.

Tôi nhìn lên những vì sao. Chúng đổ xuống lòng nước thành những mảnh lân tinh nhỏ. Một vì sao đỏ, những con thuyền tròn trành, tiếng sóng tiếng nước, những bầy cá tươi sống, tất cả âm thanh màu sắc của buổi chợ đêm từ ngoài sông lớn dâng lên, vây lấy tôi.

Tôi đang sống đời sống của Cửu Long.

Bây giờ thì tất cả đoàn thuyền đang nhất loạt đổ cá lên bờ. Chợ vui lên đất thành hội. Từ lòng thuyền, cá đổ lên những thùng lớn. Nhiều vô kể. Trê, rô, bống, lươn, chan hòa trên khắp bến nhỏ. Dưới thuyền, trong thùng, trên những bàn tay, dưới đất, đâu đâu cũng chỉ là cá. Lớn, nhỏ, dài, ngắn đủ thứ. Nhiều con bị bỏ quên. Nhiều con bị dẫm lên.

Tôi lại gần một người đàn bà. Chị đang dọn cá. Tôi bắt chuyện:

– Nhiều cá quá chị nhỉ?

Chị nhìn tôi cười nói:

– Chuyện, đang mùa mà! Thế này là ít đấy chứ. So với mọi năm, đã thối thap gì đâu anh. Tháng sau, số cá về còn gấp đôi gấp ba nữa.

Tôi ngẩn người. Mùa. Những bầy cá. Mùa. Tôi nghĩ đến những bông lúa. Ở đâu, mùa cũng dâng lên, những con cá bông lúa đầy ắp nuốm nượp. Tôi nhìn ra dòng Cửu Long đen thẳm mênh mông. Trong tôi, dòng sông hiền dăng kia biến thành một vệt sáng chói, trong suốt. Lòng tôi lắng đọng dần trong một ý niệm về mùa. Thì ra con sông đàn anh này không chỉ là một vệt nước chảy, không chỉ là một khoảng biếc, không chỉ là một dòng sông. Đời Cửu Long còn là đời đất liền nữa. Hàng năm, chợ họp đêm trong ánh đuốc lửa và những con cá vớt khỏi lòng sông lớn đã là những nhánh lúa Cửu Long của một mùa Nam Việt phong phú

như chưa từng thấy. Con sông là mùa cho những bến bờ là chợ. Cho những buổi chợ là hội.

Tôi đón nhận thêm một cảm giác tin tưởng nữa.

Người đàn bà còn đứng ở chỗ cũ. Tôi đến hỏi chuyện. Chị cho tôi biết thêm là năm nào mùa cá cũng khởi đầu từ tháng Sáu, tháng Bảy. Mãi đến tháng Tư, tháng Năm mới hết. Tháng Giêng tháng Hai là giữa mùa.

Chị cười:

– Giữa mùa thì chả có sức mà đánh lưới anh ạ? Đánh một phần cá nở ra gấp hai gấp ba. Hôm trước về nửa thuyền thì hôm sau về đầy thuyền. Cứ là mệ đưa đi các nơi.

Tôi chỉ tay bảo chị:

– Chợ đêm đông ghê.

Chị trề môi:

– Đông ma gì. Mới đầu mùa mà! Cá chưa đủ tháng. Chúng tôi đánh lưới cầm chừng thôi. Đợi cho cá đủ tháng, vừa được nhiều, cá lại khỏe mới đưa đi xa được.

Tôi bỏ chị, đi xuống bờ sông. Chợ thưa vắng dần. Đoàn ghe nằm im lìm. Từ mặt Cữu Long hắt tới những tiếng sần sần nhẹ nhẹ. Tôi nhìn xa xa. Cữu Long chảy trước mặt tôi. Bên kia là Long Xuyên. Phía dưới là Châu Đốc. Tôi nhìn về mạn Mỹ Tho. Tôi đứng giữa nhiều ngã đường đất nước. Dòng sông lớn đen đặc bát ngát. Những vì sao lác đác

đổ xuống. Bóng sao, bóng nước thấp thoáng. Tôi nghe thấy những tiếng động thầm. Những tiếng động nhỏ của những đời sống mãnh liệt. Tôi đang sống với xuôi băng với thao thao. Có những dòng suối. Có những đời đại dương nữa. Có những buổi chợ đất nước.

Đêm hôm đó, chợ tàn rồi, tôi còn thao thức đến sáng. Dòng Cữu Long hiện lên trước mắt tôi như một ngã đường. Tôi nghĩ đến một ngã đường cũ. Chúng nó đã cướp được. Tôi nhớ đến Hồng Hà. Tôi nhìn Cữu Long. Chúng nó chưa cướp được. Chúng nó sẽ không bao giờ cướp được. Từ Cữu Long, chúng tôi sẽ về đánh chiếm lại Hồng Hà. Để những buổi chợ đất nước lại được mở thành hội ở hai bờ sông.

Đêm Cầu Long tôi đã có được niềm
tin của Hồng Hà.

Tôi nhìn lên. Trời sáng rồi. Chợ Cầu
Long tàn dần trong bình minh.

Vàm Cống, 12-1954

NGƯỜI HÀNG XÓM

Đã hơn một tuần nay, kể từ hôm cái gia đình người Hà Nội dọn đến ở cùng ngõ, chị Sáu Nết không lúc nào là không hết bực mình. Cái gia đình di cư này đông lắm. Nhớn, bé, già, trẻ cả thấy hơn một chục đầu người. Đã thế, lại lắm trẻ con.

Ngày đêm, tiếng lũ trẻ đùa nghịch,

kêu khóc, cứ âm ỷ vang vọng suốt từ đầu ngõ đến cuối ngõ. Nhà chị Sáu Nết lại ở sát vách, hai nhà cách nhau vồn vện có một lớp gỗ mỏng teo, thành ra bên này nói gì, làm gì bên kia cứ nghe cứ thấy rõ mồn một. Ban đêm những đứa trẻ nhỏ không ngủ, thi nhau quấy khóc dữ dội, chị Sáu chả tài nào chợp mắt được lấy một lát. Nhiều đêm, chị cứ đành nằm trong bóng tối mà nghe đủ mọi thứ tiếng con nít hờn quấy từ bên cạnh vọng sang. Trong đêm dài êm lặng, tiếng lũ trẻ lại nhải khóc dai, tiếng người mẹ còn ngái ngủ ru à ời, tiếng người thức giấc cằn nhằn, tiếng đồ đạc va chạm đổ vỡ, âm thanh cứ đổ dồn cả xuống giấc ngủ của chị Sáu Nết và nỗi bức dọc của người đàn bà Miền Nam cứ thế mà kéo dài cho đến ngày hôm sau.

Cả những buổi trưa, sự âm ỷ của cái

gia đình miền Bắc ấy cũng không chịu giảm sút. Đám con nít hình như không bao giờ chịu im tiếng hoặc ngồi im một chỗ. Thằng nhớn thằng bé hò nhau đùa như quỷ sứ. Chúng đóng cửa, mở cửa thình thình. Chúng đuổi nhau trên sàn gỗ, làm rung chuyển cả lũ bàn ghế đồ đạc bên nhà chị Sáu.

Trẻ con thế, người lớn cũng không hơn gì. Mụ vợ đánh mắng con cái, than phiền nhà cửa chật chội, kêu ca hết cái này đến cái khác, chả có lúc nào ngơi miệng. Anh chồng so ra ít điều tiếng hơn, nhưng lại khách khứa nườm nượp suốt ngày. Bọn này chưa đi đã thấy bọn khác kéo đến. Toàn là những dân Bắc mới di cư vào Nam. Gặp nhau là họ chuyện ồn ào lên. Hỏi thăm nhau hết người sống đến người chết, dây cà ra dây muống hết chuyện xa đến chuyện gần. Chị Sáu ngồi

một mình, lắm lúc đã phải tự hỏi không hiểu sao cái lớp người đã điêu đứng vì di chuyển mà vào tới đây họ vẫn còn lắm chuyện đến thế. Người ngoài Bắc, theo chị Sáu thật lắm điều lắm lời. Động gặp nhau, là họ nói huyền thuyên. Thôi thì đủ thứ chuyện. Chuyện bỏ làng xóm kéo nhau về Trại Hẹn. Chuyện đi đường từ Hà Nội vào Nam. Chuyện thuê mướn nhà cửa. Chuyện thức ăn thức uống. Chê bai, phê bình điều này điều khác, cả đến những tiếng chị Sáu nói hàng ngày, họ cũng kháo nhau, bắt chước rồi cười phá lên. Mụ vợ anh hàng xóm cười to nhất. Mỗi lần ả cười sặc sụa là mỗi lần chị Sáu tức điên lên. Một buổi, chị Sáu Nết ngồi bên này đã nghe lỏm được một mẩu chuyện của bọn người tản cư này.

Một người nói:

– Từ ngày vào trong này, tôi buồn quá hai bác ạ! Lúc nào cũng thấy nhớ Hà Nội. Nhớ ghê gớm.

Tiếng mụ đàn bà trả lời:

– Vâng, chúng tôi cũng thế đấy! Bác tính đất nước rộng lớn, nhưng có đâu được bằng Hà Nội. Trong này, tiếng thế nhưng xô bồ đông đúc ăn ở có ra làm sao đâu. Bác xem vợ chồng chúng tôi với lũ các cháu phải chen chúc khổn khổ thế này mà tiền sang nhà vừa hết cả vốn liếng. Chấn sáu chục ngàn đấy. Nhà mới chả cửa. Ngủ này mà ở ngoài Bắc thì chỉ một trận gió cũng thổi bay đi.

Câu chuyện chỉ có thế, nhưng cũng đủ làm chị Sáu Nết tức hộc lên. Cái cá tính địa phương đã nổi dậy trong lòng chị. Chị lắm bầm tức tới:

– Hừ! đã biết chật thế, còn kéo nhau vào đây làm gì chứ? Hà Nội với chả Hà Nội. Sao cứ không ở Hà Nội nữa đi có được không?

Nhiều lý do khác làm tăng mối ác cảm ngấm ngấm đã đột khởi trong lòng chị Sáu Nết như một mớ lửa đổ thêm dầu. Mối ác cảm với lớp người phương xa cứ tăng dần mãi, ngày lại ngày. Lâu dần, bất cứ cái gì của cái gia đình hàng xóm này cũng làm chị Sáu tức giận. Lòng chị trở nên thiên tư khi đã chứa đựng quá nhiều thành kiến. Chị không cần biết đến những biến chuyển ghê gớm của thời cuộc. Chị cũng không cần biết đến nguyên nhân đã thúc đẩy hàng trăm nghìn đồng bào miền Bắc vượt sông dài bể rộng tới đây. Chị Sáu chưa biết thế nào là cái không khí tự do và thế nào là những vĩ tuyến tù đày. Những nhận

xét của chị là ở cuộc sống hàng ngày. Từ ngày dân Bắc lũ lượt kéo vào như nước chảy, gạo nước củi đuốc lên giá bùng bùng. Bà con chị Sáu kêu ca rằng từ ngày dân Bắc Việt đổ vào, mần ăn đăm ra khó khăn quá xá.

Riêng chị Sáu, chị còn phải chịu đựng cái gia đình hàng xóm này nữa. Thành kiến bén rễ, khơi rộng thêm niềm ác cảm bền chặt.

Nhưng trên những nguyên nhân hiện tại của sự ác cảm này, còn có một duyên cớ đã sẵn có từ ngày xưa.

Ngày xưa, cách đây đã mười năm, chị Sáu Nết đã ra ở Hà Nội.

o O o

Chuyện cũ như thế này: Mười năm trước đây chị Sáu lấy một người Hà Nội vào làm việc ở Sài Gòn. Sau ngày cưới ít lâu, chồng chị lại phải đổi về Bắc. Chị theo chồng ra Hà Nội. Thuở xa xôi ấy, chị Sáu Nết là một người thiếu nữ trẻ đẹp, và lòng chị cởi mở, yêu thương, còn chứa chan những tình cảm tốt đẹp nhất gửi cho cuộc đời. Trên tình yêu bao la gửi vào cuộc sống đương hoa còn là mối tình đầu tiên chị đem gửi gắm cho người chồng đất Bắc. Và qua tình yêu chồng, có cả tình yêu miền Bắc xa lạ và thành phố Hà Nội mà chị Sáu đã chọn làm nơi quê hương thứ hai của mình. Ông già bà già chị Sáu không ưng thuận về cuộc hôn nhân đã có bởi một tình yêu mãnh liệt này. Lấy người công chức Hà Nội, chị Sáu đã từ hôn trong những giờ phút

cuối cùng với một người điền chủ triệu phú ở vùng Bạc Liêu. Sự từ hôn, để đi theo tiếng gọi của trái tim từ đó đã là cái hố sâu ngăn chia chị Sáu với gia đình chị, ngăn chia vĩnh viễn. Chị Sáu lìa bỏ quê hương theo chồng ra Bắc đã không bao giờ được ông già bà già chị tha thứ. Gia đình không nhìn nhận chị nữa, coi chị như một đứa con hoang đã hư hỏng đã lầm đường, và cấm đoán chị không được trở về.

Chị Sáu Nết bỏ nhà, theo chồng ra Hà Nội, cũng không được hưởng những ngày hạnh phúc lâu dài. Tình yêu của người đàn ông dầu sao cũng không làm mất được nỗi nhớ thương của người đàn bà miền Nam nơi quê người sớm chiều gửi lòng về một xóm dừa, một trái sầu riêng, những tuổi nắng chan hòa của Tiền Giang Lục Tỉnh. Chị Sáu lại không

hợp với thủy thổ ngoài Bắc. Một năm sau, chồng chị lại phải đổi từ Hà Nội lên mãi mạn ngược. Chị Sáu rời Hà Nội lên một vùng núi rừng hoang vu, sương muối, gió bắc lạnh buốt. Không chịu được lạnh, chị Sáu mắc bệnh ho.

Bây giờ và cho đến suốt đời, chị Sáu nhớ mãi những ngày tháng lưu trú ở cái tỉnh lẻ miền thượng du Bắc Việt ấy. Nó buồn và dài vô cùng. Bây giờ, đôi khi trời trở lạnh, chị Sáu thúng thảng ho, là chị lại nhớ đến những ngày buồn thảm nơi quê chồng. Hình ảnh kỷ niệm cứ nhắc nhớ đến những bất hạnh khác. Chồng chị lâm bệnh rồi bỏ mình luôn ở miền đó. Một thân một mình chị khóc lóc thảm thiết. Chị trở về Hà Nội với vành khăn tang trên đầu, và với sự tan vỡ trong tâm hồn. Chồng chị mất đi, cái cầu bắc nối chị với họ hàng nhà chồng cũng mất

theo. Những gấn bó của người nàng dâu miền Nam với gia đình nhà chồng vốn đã mong manh, đến đó đứt hẳn.

Người đàn bà góa bụa bối rối trước những tập quán phong tục cổ truyền miền Bắc. Đạo sống người nàng dâu trong một gia đình cổ xưa, những ngày giỗ tết, những sự khắc nghiệt của cô chú nhà chồng cũng là nỗi quạnh hiu của người đàn bà thiệt phận, bấy nhiêu thứ dồn đổ xuống cuộc đời xấu số của chị Sáu, làm cho chị trở nên một người lúc nào cũng như hồn oán với tất cả, với chung quanh.

Mùa thu đất Bắc không đẹp nữa.

Hồ Gươm, vườn Bách Thảo, danh lam thắng cảnh miền Bắc chỉ nhắc cho chị những kỷ niệm đau đớn.

Chưa đoạn tang chồng, chị đã lên đường về Nam. Mười năm qua đi. Nhưng ở đời người đàn bà cuộc tình duyên xấu số đã gây ra cái tình trạng đổ vỡ không thể nào cứu vãn được nữa. Chị Sáu Nết trở về chân trời cũ nhưng con đường cũ đã nhòa nhạt dấu vết từ lâu. Hoa cỏ ở đó đã tàn hương. Gia đình chị vẫn không chịu tha thứ cho cái lỗi lầm thuở xưa. Người con mười năm trở về, như buổi ra đi, vẫn không được đón nhận.

Còn một ít vốn liếng của chồng để lại, chị Sáu Nết thuê một căn nhà nhỏ trong một ngõ hẻm vùng ngoại ô Sài Gòn.

Những ngày tẻ nhạt bắt đầu. Tâm tính chị cũng đổi khác. Chị lăm lỳ cả ngày. Trên gương mặt lạnh lẽo lúc nào cũng phảng phất một vẻ gì xa xôi u uất.

Người trong ngõ qua lại trước căn nhà cửa ngõ đóng kín, chứa đựng cái tâm sự buồn thảm của người đàn bà từ lâu không biết vui cười nữa.

Ngày lại ngày, niềm ác cảm với một ký ức xa khuất cứ sâu nặng thêm mãi.

Nó cháy bùng lớn khi những người hàng xóm mới đến lại là một gia đình miền Bắc di cư.

Bỗng một hôm, chị Sáu không hề chờ đợi tới, người đàn ông sang chơi. Lúc ấy vào buổi trưa. Chị Sáu Nết đang nằm nghỉ trên giường, có tiếng gõ cửa. Người đàn ông bước vào. Cứ trông y, chị Sáu cũng biết ngay y là người Hà Nội. Chị nghĩ thầm thật nhanh: cũng cái dáng điệu khiêm tốn, cũng cái lối đi đứng nhã nhặn... Trong một thoáng rất

ngắn, chị Sáu chợt nhớ đến một người Hà nội khác. Chị nhớ đến mười năm về cũ. Đến người chồng xấu số đã mất. Kỷ niệm miền Bắc lũ lượt dồn về. Chị Sáu thấy nhói lên trong tim.

Thấy chị đang nằm vội vã ngồi dậy búi lại tóc, người đàn ông ngả mũ xin lỗi:

– Tôi không biết cô Hai đang nằm nghỉ. Tôi xin lỗi cô Hai.

Chị Sáu Nết chỉ ghế mời người hàng xóm của chị ngồi, chị đáp ngắn:

– Dạ.

Chị không biết nói gì. Ác cảm vẫn còn. Câu chuyện bắt đầu khô khan. Bóng tối của gian phòng phủ xuống

sự yên lặng của hai người. Gã đàn ông trong khi chờ đợi nối lại câu chuyện vừa bắt nguồn đã đứt quãng vì sự im lặng của chị Sáu Nết cũng thừa hiểu rằng người đàn bà miền Nam này đã bức bối nhiều lắm với cái gia đình đông con của anh. Ngay sau khi đến ở chung ngõ, anh hỏi thăm những người gần nhà, cũng đã biết được một phần nào cái dĩ vãng đau buồn của chị Sáu, cuộc tình duyên không may mắn của chị cũng là những tháng ngày ngoài Bắc đau thương. Để lòng chị từ đó đã khép kín lại với mỗi ác cảm thâm kín.

– Cô Hai à! Chúng tôi mới ở Bắc di cư vào Nam. Thành ra gia đình tôi lại có may mắn được ở gần cô Hai.

– Dạ.

– Chúng tôi đến đây vì tự do, hãy còn lạ nước lạ cái, cũng chưa được quen biết ai.

– Dạ.

– Các cháu còn nhỏ tuổi, lại đau yếu vì chuyến vượt biển sóng gió, chưa hợp thủy thổ, thành ra hư quấy lắm. Các cháu làm ơn chắc phiền bạn cô Hai nhiều. Mong cô Hai cũng thể tình cho người mới đến mà thứ lỗi cho.

– Dạ.

Chị Sáu ngồi lặng lẽ, để che giấu bối rối, chỉ biết đáp dạ. Tiếng dạ của chị vẫn gọn vô nghĩa. Nhưng từ chỗ sâu kín nhất của thâm tâm, những tình cảm tươi mát đã bắt đầu nhen lên, phơi mở dần dần. Trên khuôn mặt lạnh lùng, thoáng

lên một rung động tươi tắn. Trước sự lễ độ của người phương xa, chị lấy lại dáng ngồi, chăm chú nghe.

Những rung cảm đầu tiên nở lên trên một cách biệt vừa gục đổ. Người đàn ông dần dần kể đến những chuyện vừa xảy ra ngoài Bắc. Những câu chuyện mang nặng sắc thái của chiến thời, chứa đựng những đau xót, những mất mát, và đảo lộn từng cuộc đời tối xám của người dân Miền Ngoài. Anh nói đến chuyện đi của anh. Của những người bạn đường. Những chuyến đi về những chân trời tự do. Anh nói đến những trường hợp của lớp người còn phải ở lại bây giờ nằm dưới bàn tay cộng sản.

Để được sống tự do, hàng triệu con người như anh đã vất bỏ tất cả ở bên kia

để tìm về xây dựng lại tất cả ở bên này vĩ tuyến.

Chị Sáu Nết nghe chuyện mà lòng chị cứ lắng đọng mãi xuống. Khuôn mặt trầm lặng của chị là một niềm tư lường ngậm ngùi. Lâu lắm, những ý nghĩ gửi về đất Bắc mới lại chứa đựng ít nhiều yêu mến xót thương. Chị Sáu nhớ lần lần về một đoạn đời hoa bướm cũ, đến những dặm đường lênh đèn nơi quê chồng, ở đó dù sao chị cũng đã sống những ngày thần tiên nhất của một đời người. Ngày xưa, chị lìa bỏ quê hương đi theo tiếng gọi của tình yêu, thì hôm nay, hàng vạn con người đã lìa bỏ quê hương để đi tìm những chân trời của Tự Do. Chị Sáu Nết bắt đầu nhìn thấy qua những hình ảnh phơi phới, bay múa, cái cao đẹp của những chuyến đi thời đại này.

Chị ngó người đàn ông nghĩ thầm:

– Vậy mà họ vẫn vui vẫn tươi mới kỳ chứ!

Giá chị, chị đã khóc hết nước mắt. Chị nhìn vào những cuộc sống anh dũng này, không thấy ánh lên một điểm hờn oán nào. Thật là những con người của xây dựng của tin tưởng. Miền Nam đất nước hôm nay đang đón nhận hàng nghìn hàng vạn con người như vậy. Họ lìa bỏ nhà cửa rộng rãi, ruộng vườn thênh thang để đến đất mới, sống những ngày khởi đầu chật vật chen chúc dưới những mái lều tạm trú, chịu đựng thiếu thốn, vậy mà hai bàn tay trắng của họ, cuộc đời họ lại giàu có lành mạnh hơn đời chị Sáu nhiều. Trong gian khổ, cuộc di chuyển sáng chói, hướng dẫn lối đi cho cái tập thể vĩ đại nhất là dân tộc.

Có con đường nào đẹp hơn ngã đường tự do?

Thế mà chị Sáu đã tiếp nhận họ như thế nào? Chị đã bức bối, chị đã khó chịu về những điều hết sức là bé nhỏ là vụn vặt. Về một tiếng trẻ khóc. Về một đêm không ngủ được. Về một sự dặt dỏ. Về một sự ồn ào. Chị chợt thấy rằng những thành kiến cũ đã làm cho sự phán đoán của chị sai lạc suốt bấy lâu. Về cái gia đình mới đến. Về những người tỵ nạn. Về toàn thể cuộc đời. Sự khép đóng nào cũng là những thứ biên giới lẻ loi cách biệt. Biên giới đã đổ gục. Tình yêu thương chan hòa dâng lên.

Từ tình thương yêu vừa được gây lại này, cái gia đình di cư đã được chị Sáu đón nhận.

Đưa tiễn người hàng xóm mới ra khỏi cửa, chị Sáu quay trở vào, mở rộng những cửa đóng kín. Ánh sáng lùa đầy vào gian buồng, chảy tới những miền bóng tối vừa tan loãng. Ánh sáng đứng đầy mắt chị. Chị nghiêng đầu nghe từ bên cạnh vọng sang tiếng con nít hờn quấy. Chị không thấy bức bối nữa. Nóng bức thế này, chúng không hờn quấy sao được. Chị thấy vui vui. Từ hôm đó, trong cái ngõ hẹp ở miền ngoại ô thành phố, người đàn bà miền Nam ngày ngày ra ngồi bậc cửa nhìn một lũ trẻ nhỏ đùa nghịch, đã nhận cái gia đình hàng xóm đông con kia vào cuộc sống mới của mình.

TRÊN NHỮNG NGÃ ĐƯỜNG KHÔNG OÁN THÙ

 Tại sao Hoàng dừng lại? Có một
cái gì đột ngột vừa dâng lên
trong anh?

Hay cái ý định dừng lại đã có từng
ban nãy, từ đầu ngõ, từ nhà anh, ngay từ
ngày anh đặt chân xuống đất tự do này?

Hoàng không hiểu nữa. Anh cau mặt, không muốn đi sâu vào cái trạng thái mới mẻ vừa lên hình. Nhưng anh đã dừng chân rồi. Ở đây. Trong ngõ hẻm. Hoàng cúi xuống nhận đường, nhất định cứ bước thêm một bước nữa. Theo kinh nghiệm đi lại của những ngõ hẻm lầy lội, Hoàng chọn một khoảng đất tối hơn. Nhưng cái khoảng tối vẫn cứ nhòa nhòa đen đặc trước mắt. Chân người không đặt lên. Chân Hoàng không hao giờ đi lên. Trong anh, một tâm trạng bình yên bắt đầu lan đi như một vết dầu loang. Xuống tới những đầu ngón chân thì cái bước định đi đã tê bại hẳn. Tự nhiên thế. Như một toa máy đang chạy, hết lửa đứng lại. Rồi Hoàng thấy mát lắm. Mát từ bên trong mát ra, mát từ đầu óc từ tim phổi mát đi. Phút đứng lại một mình trong cái ngõ hẻm tối tăm của thành phố, nội tâm Hoàng đã có

một trận mưa nhỏ hiền hòa nổi lên. Đã có những phiến xanh. Trận mưa và những phiến lá mát mẻ mở ra một ngã đường. Mắt Hoàng nhòa đi. Anh nhìn yên lặng con đường của anh mở đi từ những phiến lá xanh.

Anh biết rằng từ đêm nay, anh sẽ đi mãi mãi trên con đường này. Hoàng đã đi trên ngã đường không oán thù.

Hoàng lạc đường?

“Trên đường oán thù ta tìm thấy sự sống”.

Câu văn của Malraux sáng chói như một giáo điều của đời anh, Hoàng nhớ lại một lần nữa. Giữa ngõ hẹp. Trong bóng tối. Cũng là nhớ lại một lần cuối cùng. Nó đã chết cái chết khô héo của

giáo điều. Câu văn nhỏ lại, nhưng con đường oán thù, anh sẽ không, đến nữa, giống như cái khoảng tối trước mắt, gần gũi, nhưng bàn chân Hoàng không bao giờ đi lên. Oán thù. Hoàng nhìn lên. Giữa những hàng mái xiêu đổ, những vì sao lấp lánh nhìn xuống anh. Rừng sao hôm nay hiền lành, cũng không có lửa. Dưới đất trên trời, ở trong con người, ở chung quanh không có ngã đường oán thù nào hiện lên. Bước chân ngừng lại trên một thứ biên thù. Hoàng thua rồi. Anh sẽ không vượt biên thù.

Con đường oán thù nghiêng đi, mất hút về phía bên kia.

Hoàng nhìn về phía bên kia, ở cuối ngõ hẻm. Con đường lầy lội còn tối hơn, khuất khúc hơn ở đầu ngõ. Hoàng không nhìn thấy, nhưng đã đoán thấy

hắn hoi. Những mái nhà yên lặng. Một vài khung cửa sổ mở rộng. Đèn lửa tắt ngấm. Những khung cửa là những hình tròn hình vuông tối đen. Màn đen của đêm khuya lắng nói lên những giấc ngủ đang ngon của người. Những giấc ngủ không có oán thù.

Hoàng cử động. Anh đốt lửa, châm một điếu thuốc lá. Anh hút một hơi dài, nhìn chung quanh. Những dãy nhà bé nhỏ chen chúc không đều trên hai bờ. Những mái hiên thấp nhô ra gần hết lối đi. Bóng nhờ nhờ của những vệt hoa leo. Đêm ngõ hẻm chồng chất những hình bóng cạnh khía va chạm đủ mọi hướng mọi chiều trên một bức họa lập thể chìm chìm nổi nổi. Những bóng người nằm yên dưới những mái hiên. Vẫn có những cửa sổ mở rộng một cách tin tưởng. Giấc

ngủ lao động nồng say trên những tấm ghế bố.

Cuộc sống ban đêm ở đây khuấy động nhịp nhàng đều hòa dưới ánh sáng những vì sao, trong nhịp gió nhẹ, dưới bóng hoa leo, bên cạnh những khung cửa mở, trong hơi thở của người nằm ngủ. Hoàng nghe rõ một tiếng thở, một tiếng cựa mình. Tấm ghế bố cọt kẹt kêu lên. Một tiếng nói mê sảng, vắn gọn vô nghĩa. Hoàng mỉm cười. Anh nghĩ đến những hình ảnh đẹp nồn nà mà anh vẫn ưa thích: Những ngón tay. Những con mắt. Những vì sao. Những con người ở trong cuộc sống đương mùa xây dựng. Những suối nắng óng ánh chảy giữa dòng ngày. Những suối nắng của nhiều ngày.

Những hình ảnh thoải mái, không

oán thù này trở lại trong một thoáng ngắn chính là những nguyên nhân đã làm cho những bước chân đi tìm kiếm oán thù đã phải dừng lại trên một thứ biên thù của một cuộc sống làm bằng yêu thương. Hoàng nghĩ đến những thứ biên giới của thế hệ.

Thật là nhiều loại: Biên giới dựng lên bằng hầm hố, chiến lũy, ruộng mìn, bằng những hàng rào dây thép gai, bằng những mũi súng nghiêng nghiêng đe dọa. Cái mũ sắt nguy trang lả lả những phiến lá khô úa. Những biên giới của lửa máu, của tàn phá, của căm hờn.

Nhưng ở một mặt nào cũng lại có những biên giới dựng lên bằng niềm tin, bằng những ngón tay. Bằng sự sống tươi mát. Bằng con người. Hoàng đã dừng lại ở đây, trong tươi mát, trong đời sống

trong con người. Chỉ đi thêm một bước nhỏ là Hoàng sẽ vào trong cái thế giới chồng chất hồn oán kia.

Anh không tìm thấy sự sống mà anh chờ đợi trên những ngã đường oán thù. Con đường này không bao giờ có nữa trong anh. Những lối đi tàn hủy thuộc vào những hình ảnh của bên kia, của những nếp sống, những con người bên kia.

Vậy mà , chính là Hoàng đã định đến cái ngõ hẻm này để tìm một người. Anh đi tìm kẻ thù. Anh ra khỏi nhà vào lúc thành phố vừa lớn đèn. Ánh sáng nhạt loãng của ngày vào lúc hoàng hôn, từng tảng nhờ nhờ lẫn lộn với ánh sáng điện vừa bật lên gây cho anh một cảm giác ám ảnh khó chịu. Phố anh ở ồn ào đông người. Một bọn trẻ đùa nghịch ầm

ỹ làm vướng bước chân anh đi. Hoàng cúi, bạt tai một đứa vừa ngã vào người anh. Tiếng đứa trẻ khóc thét trong đám đông đang sau.

Hoàng không nhìn trở lại. Những cảm giác vừa bồn chồn vừa bức bối hỗn loạn trong anh. Hoàng cúi đầu bước thật nhanh trên hè phố, hai bên thái dương rức buốt choáng váng, cổ họng anh nghẹn ngào. Căm thù. Anh muốn có một cảm giác bình thản cũng không được nữa. Căm thù. Anh muốn nén xuống thì nó lại bùng lên, cháy bùng bùng khắp người. Hai chữ căm thù sáng chói từng nét lửa nhảy múa trong anh, trên một mớ cảm giác hỗn độn không tên. Những nét chữ viết hoa to lớn ngọt ngào. Mắt Hoàng nặng xuống, đục hẩn đi. Anh chớp chớp. Căm thù đọng lại những giọt nước mắt bức tức trên mi.

Hoàng đi mau hơn. Hình ảnh hai bên đường thoang thoảng, anh không nhìn thấy gì rõ ràng. Cuộc sống của thành phố ở chung quanh anh đang nói lên dần dần những tiếng động, những miền sáng chói. Anh đi qua nhiều ngã ba ngã tư. Thỉnh thoảng anh lại bước bỗng xuống một rãnh nước. Có tiếng cười của một người qua đường. Tiếng cười cùng làm Hoàng bực bội.

Từng hàng cây, từng mái nhà, từng dãy biệt thự lần lượt lùi lại. Hoàng đi bộ mà như đứng trên một toa tàu đang chạy. Những dãy cột điện lùi mau về phía sau làm Hoàng choáng váng. Anh đi qua nhiều đoạn đường nữa. Bàn tay anh vung mạnh theo đà chân bỗng đụng phải một vật gỗ gỗ ở túi quần bên phải. Túi Hoàng có một khẩu súng lục. Cỡ 7

ly 35. Đạn đầy ắp chargeur. Một viên đã nằm sẵn sàng trong nòng súng.

Hoàng bước nhanh hơn nữa. Tim anh chói lên. Anh vừa nghĩ đến một viên đạn đồng sáng loáng, chữ nổi, lúc vụt đi dưới đầu ruồi đến nổ tung trong những lớp da thịt rách nát. Một điểm lửa đỏ khé vừa lóe lên, vụt đi. Cầm thù. Anh nghĩ đến những con người lác đác trên những chiến địa thế kỷ. Đến những con người bấm tay vào cò súng định đoạt cái tích tắc lạ lùng của lúc đạn nổ. Và kẻ nhận được viên đạn ấy. Hoàng buồn rầu nghĩ rằng những viên đạn đủ mọi cỡ đã nổ nhiều, mà càng nổ thì cầm thù càng chồng chất. Và thế kỷ càng nhiều mãi hờn oán.

Anh đi qua một lớp phố nữa. Cây cối nhà cửa, những người đi đường, vẫn

lũ lượt lùi ngược trở lại anh. Sự sống của thành phố âm hưởng từ phía sau xuôi tạt về. Nghe âm âm ran tan như một ngọn triều đổ xa xa. Trước mắt Hoàng, những hình khối, màu sắc hình như đặc hẳn lại. Nghiêm lặng cái nghiêm lặng của một vùng trời thấp trước gió bão sắp nổi. Nghiêm lặng của một phút nghe ngóng tiếng đạn nổ. Con đường đi nhập vào bờ sừng ngắn cụt, vào đường lửa dài thẳm. Cầm thù.

Một đoàn xe vụt qua, ngăn Hoàng đứng lại dưới một gốc cây. Có tiếng một người đàn bà hỏi giờ anh. Hoàng nhìn mau xuống mặt dạ quang, đáp ngắn:

– Tám giờ.

Người đàn bà thân nhiên cảm ơn Hoàng, đi sang bờ đường bên kia. Tự

nhiên Hoàng thấy sự nhanh gấp của mình trở nên vô nghĩa. Anh nhìn lại đồng hồ một lần nữa đoạn anh tạt vào một tiệm rượu.

Cửa tiệm bé nhỏ. Ánh sáng nê-ông xanh biếc tỏa xuống gian phòng vắng người. Một người thiếu nữ tiến lại phía anh.

– Cho tôi một ly Mác-Ten.

Người thiếu nữ nghiêng mình bỏ đi. Một lát yên lặng.

Hoàng cố giữ bằng được cái cảm giác liên tục của trả thù. Một phút yên lặng. Rồi Hoàng nghe thấy tiếng đĩa hát đặt vào máy. Nhạc nổi lớn. Hoàng lắng nghe một giọng hát thanh, trầm trầm, xa vắng. Ly Mác-Ten vừa đặt xuống mặt

bàn, màu vàng trong suốt giữ lại một lời hát vừa hạ thấp, ngân dài, rồi lắng đọng hẳn trong lòng cốc. Hoàng nhếch mép cười vô nghĩa. Bàn tay anh buông xuôi chạm vào khẩu súng. Chưa bao giờ anh uống rượu mạnh nhưng anh cũng nhắc ly rượu lên tợp thẳng một hơi. Chát lỏng đốt cháy ở cuống họng, cháy đi bùng bùng khắp người. Cắm thù. Một khẩu súng lục. Một viên đạn đồng chữ nổi sáng loáng. Một ly rượu mạnh. Hoàng gọi thêm một ly nữa.

Anh đứng dậy trả tiền bước vội ra khỏi tiệm. Bản nhạc buồn vẫn chưa dứt. Từng tiếng nhỏ nhỏ, dứt quãng, đuổi theo anh ra ngoài. Hoàng nhìn đồng hồ. Đúng 9 giờ 35 phút. Hoàng đi về phía đường 20. Anh thấy lạnh lạnh ở những đầu ngón tay. Mắt anh mờ hẳn đi. Anh đi mãi về phía đường 20. Mỗi đoạn đường

làm anh gần thêm với kẻ thù. Nó ở một ngã hẻm cuối con đường này. Phải rồi, chính nó. Chính nó ở đây. Mắt anh hoa lên. Anh không thể nào bình tĩnh được nữa. Nó. Những kỷ niệm căm thù đổ tràn về. Hoàng lọt hẳn vào dĩ vãng này. Anh đến đất căm thù. Anh nhìn mặt nó. Hung dữ, tàn ác. Những con mắt nó nhìn anh trùng trùng. Những bàn tay nó lông lá đầy máu. Phải rồi đúng nó. Đúng thẳng Xuân.

Kẻ thù của anh ngồi trước một cái bàn phủ vải đỏ, kê ngay ngắn giữa sân đình làng. Ánh đuốc hắt lên một khuôn mặt lạnh lẽo đến phát khiếp lên. Sau y, cờ đỏ sao vàng. Y ngồi giữa màu máu đỏ. Màu của Bên Kia, của Căm hờn. Ba cột đình treo ba bức ảnh thật lớn của bọn lãnh tụ. Những cặp mắt lãnh tụ trên kia là những vì sao số mệnh cho cuộc sống

nô lệ của tên cán bộ cuồng tín ngồi ở dưới.

Thằng Xuân ngồi nghiêm chỉnh dưới những khuôn mặt, những nền máu, những ánh sao nghi ngút hờn oán ấy. Không khí nơi này nghi ngút hờn oán. Bên ngoài, đêm đã đặc lại. Tiếng chó sủa râm ran. Cái thôn xóm bé nhỏ vắng ngắt. Đêm đã khuya. Mọi người trong xóm đều phải có mặt ở đây trong một thứ liên hoan của căm hờn này. Vắng mặt sẽ bị coi là phản động.

Cuộc đấu tố bắt đầu.

Xuân vừa gọi đến tên Hoàng. Thằng Hoàng. Thằng phản động Hoàng. Y hét lên. Xuân là cán bộ phóng tay phát động quần chúng kể từ khi phong trào đấu tố lan đi từng đợt khủng khiếp khắp các

thôn xóm rải rác hai bờ sông Đáy. Phong trào căm thù nổi lớn, Xuân trở nên con người của những cuộc đấu tố.

Cả một sân đình rộng lớn đã chật ních những đoàn thể tới dự buổi đấu tố đầu tiên trên hữu ngạn sông Đáy. Mọi người nín thở, hồi hộp chờ đợi. Người làng người nước cả ai cũng thương ông cụ hiền lành nhân đức, nhưng không ai dám hé răng. Đám đông đứng quây thành một thứ vòng tròn. Một khoảng trống ở giữa chói chang dưới ánh đuốc cháy. Một hình người quỳ gục ở giữa khoảng trống này. Một ông cụ già. Thằng bố thằng Hoàng. Thằng địa chủ gian ác ngoan cố. Thằng bố thằng phản động Hoàng.

Xuân đập bàn hét lớn. Y xô ghế tiến lại trước mặt ông cụ:

– Tên địa chủ này còn là bố một thằng Việt gian phản động. Nó đang làm quận trưởng ngục quyền. Nhân dân đòi đền tội.

Ông cụ già cứ quỳ như thế mà nhận lấy trận đòn thù. Như thế suốt đêm. Cũng là trận đòn cuối cùng. Buổi sáng hôm sau chúng kéo lê ông cụ về đến đầu ngõ rồi bỏ đi.

Ông cụ bỏ mình ba hôm sau.

Hồi đó, Hoàng làm quận trưởng ở một quận gần Hà Nội. Người thân tín bỏ làng ra báo tin cho anh biết, ai ai cũng nói chính Xuân đã tổ chức cuộc đấu tố. Chính y đã đứng chỉ huy một bọn đầu trâu mặt ngựa cho chúng nó đấm đá bố anh. Y còn lớn tiếng tuyên bố một ngày sẽ đến lượt anh nữa.

Câu chuyện đấu tố người cha, đấu tố đến chết, Hoàng ghi nhớ từng chi tiết bé nhỏ. Người làng nào ra quận, Hoàng cũng giữ lại, thết đãi cơm nước, cấp giấy má chu đáo. Người nào anh cũng buộc phải kể lại chuyện đấu tố. Anh ngồi nghe yên lặng xa xôi, nhưng trong anh, căm thù đã nhen lửa. Ngọn lửa ấy, đêm ngày cháy đỏ trong nội giới người con, đêm ngày mong gặp được kẻ thù giết bố để trả thù.

Từ cái tang đau đớn kia, Hoàng nuôi dưỡng niềm căm thù cho một ngày một sâu nặng bền chặt. Anh chỉ sợ rằng thời gian lần lần sẽ làm nguôi vơi ngọn lửa thù. Đến cái độ anh không thẳng tay đánh xuống kẻ thù được nữa. Hoàng sống từng giờ từng phút cho cuộc gặp gỡ. Anh có linh cảm rồi một ngày anh sẽ

gặp được Xuân. Người chết phải được ngậm cười.

Cuộc sống của Hoàng từ đó cũng thay đổi. Ban đêm anh vác các bin ra khỏi quân đi lần vào những làng xóm ở rải rác chung quanh, đích thân chỉ huy những cuộc phục kích đón bắt cán bộ du kích cộng sản trên những ngã đường độc đạo. Thằng cán bộ nào thằng du kích nào với anh cũng chỉ là một thằng Xuân. Những thằng giết người đã đánh bố anh đến chết.

Một thời gian ngắn, Hoàng nổi tiếng khắp vùng quốc gia vì những thành tích chiến đấu chống cộng của anh.

Đùng một cái, hiệp định Genève được ký kết.

Hoàng ra đi, vất bỏ lại cả, nhưng mối thù, anh mang theo lên đường. Anh buồn rầu nghĩ rằng không bao giờ anh được gặp Xuân nữa. Cố nhiên là nó ở lại ngoài ấy.

Bởi vậy mà anh hết sức ngạc nhiên khi có một người làng di cư vào Nam, tình cờ nói chuyện đến Xuân ở trong này. Hoàng không chịu tin thì người đó lại cho anh biết cả địa chỉ của Xuân nữa. Xuân vào Nam mới được vài tháng nay, trong một chuyến tàu cho những người di cư cuối cùng. Y đã bị khai trừ ra khỏi đoàn thể vì một lầm lỗi về công tác. Không được rõ rệt lắm, nhưng đích thực Xuân đã bị khai trừ rồi. Sau ngày tiếp thu, có những tên cán bộ lạ mặt đến từ những địa phương khác đã được thay thế Xuân.

Bị đoàn thể bỏ rơi, Xuân đâm ra chán nản. Y bắt đầu hiểu rõ những bộ mặt thực cộng sản. Đoàn thể chỉ dùng y một thời kỳ, như một thứ đồ vật. Giai đoạn chuyển biến đường lối đổi khác, người ta không cần dùng đến y nữa. Không phải chỉ riêng Xuân. Mà còn nhiều tên khác đã phụng sự cộng sản đặc lực cũng phải chịu những số phận như Xuân. Tên chủ tịch huyện, tên trưởng đoàn du kích xã bên cạnh chẳng hạn. Chúng lần lượt bị khai trừ ra khỏi đoàn thể hoặc bị hạ tầng công tác. Tên chủ tịch huyện đã bỏ trốn lên Hà Nội. Nghe đâu cũng đã nhập vào đoàn người vào Nam. Tên cán bộ du kích thì bị bắt sau đó ít lâu. Tên này đã tỏ vẻ uất ức bất mãn, đã cả gan công kích đường lối đoàn thể sai lạc, đoàn thể bắt công, trong một buổi họp. Hôm sau y bị đưa đi mất tích.

Trước những sự kiện này, Xuân càng lo hoảng cho số phận mình. Y cảm thấy luôn luôn bị theo dõi dò xét. Những buổi họp, y cáo ốm nằm nhà. Lúc nào cũng có vẻ buồn phiền hoảng hốt. Người làng, xóm căm thù vì những tội ác của y ngày trước thấy y như thế cũng động lòng thương hại. Xem ra y đã tỉnh ngộ rồi. Cuồng tín ở đoàn thể không còn nữa. Đôi khi gặp một vài người quen biết, y tỏ vẻ hết sức hối hận. Đến khi có một số người làng tổ chức một chuyến đi tập thể xuống Hải Phòng để vào Nam, y cũng khẩn khoản xin đi theo. Nhờ sự che giấu khéo léo của mọi người y đã đi thoát, đem được theo cả vợ và mấy đứa con nhỏ.

Vào tới miền Nam, y đến ở nhờ nhà một người anh họ trong một ngõ hẻm

cuối đường 20. Ngày ngày y làm mướn kiếm ăn.

Đã hiểu thấu nội tại lung lay của cộng sản, Hoàng không ngạc nhiên về trường hợp của những tên cán bộ chính cống, một ngày có thể từ bỏ hàng ngũ chúng nó để trở về với Tự Do. Đó là những lúc cái con người bên trong những cái vỏ cán bộ ấy, gặp được điều kiện thuận tiện để thức dậy, để vượt ngục. Nó nói nhiều cho một khía cạnh sa đọa đổ vỡ của cộng sản.

Hàng ngày, trên báo chương có biết hao nhiêu tin tức về những người đã từng hoạt động đắc lực cho cộng sản, vượt màn sắt vượt nhà tù, từ bỏ đoàn thể trốn sang miền tự do. Sống với cộng sản cho đến một lúc nào chợt hiểu được một cách hết sức chua chát cái tính chất

sâu kiến vô nghĩa của con người, họ vượt biên giới. Họ đều được đón nhận. Chúng ta không trả thù những đứa con hoang đã trở về với chúng ta sau khi đã chịu đựng những kinh nghiệm bản thân đau đớn, đã hối hận, đã giác ngộ thành thực. Sự đại lượng của chúng ta giúp cho họ cơ hội trở lại làm người.

Hiểu thế, nhưng riêng ở Xuân, Hoàng vẫn ngờ vực, không tin. Một thằng như thằng Xuân, tôi luyện già dặn trong địa ngục cộng sản mà cũng không sống được với cộng sản thì còn ai ở được với chúng nó nữa? Xuân không tính đến chuyện sẽ gặp anh ở đây ư? Xuân không sợ anh trả thù? Không, anh nhất định phải trả thù. Anh đã thề nguyện rồi. Xuân tự dẫn thân đến. Anh không thể nào tha thứ được.

Anh liền tìm đến chỗ Xuân ở, mang theo khẩu súng lục và những viên đạn anh định dành cho y. Hình ảnh người chết hiện lên. Những ánh đuốc lửa bập bùng của đêm đấu tố. Cầm thù.

Vậy mà đến giữa ngõ hẻm, Hoàng đã đứng lại.

Tại sao Hoàng đứng lại? Có một cái gì đột ngột vừa dâng lên trong anh? Phải rồi, có một cái gì đột ngột vừa dâng lên. Đó chính là tình thương yêu của tất cả những con người trên mọi thứ biên giới. Tình thương yêu rộng lớn cao quý nhất vì nó gửi đến tất cả, gửi cả cho kẻ thù. Tình thương bùng lên trên một ngọn lửa căm hờn leo lét yếu đuối. Anh biết rằng anh không trả thù Xuân nữa. Không bao giờ nữa.

Cầm thù vừa tàn lụi vì vừa chạm tới những bờ yêu thương. Anh có thể giết Xuân khi nó còn đội trên đầu óc nó cái lối lông lá ma quỷ. Anh không thể giết Xuân khi nó đã hồi tâm, đã rời bỏ địa ngục, đã trở lại làm người. Anh đã từ bỏ dĩ vãng của anh. Anh từ bỏ luôn những tội ác dĩ vãng cho Xuân. Anh có cảm tưởng rằng những nền tảng của dân tộc, của thể hệ đang được xây dựng trên tình thương yêu và lòng tha thứ ấy. Lại chính vì lòng yêu thương, giữa người với người vẫn có, đang mở rộng, mà thể hệ và dân tộc đang đánh ngã những công trình địa ngục của cộng sản.

Hoàng nghĩ rằng hôm nay và ngày tới, còn biết cơ man nào là những tên cán bộ cộng sản như Xuân đang tìm về tự do trên con đường rộng lớn của tình

yêu thương đầm thắm trong lòng từng con người ở bên này.

Hãy làm những chiếc phao cho những người đang chết đuối trong bão biển. Hãy làm những ngọn hải đăng cho những đời kiếp quằn quại trong đêm tối.

Xuân đổi khác rồi. Hủy bỏ hộ y dĩ vãng đen tối của y. Cho y một chỗ đứng dưới mặt trời. Sự khoan dung của bên này rồi sẽ làm cho hàng nghìn hàng vạn người từ bỏ cộng sản để đến với bên này.

Anh nghĩ đến người đã chết. Bên những người đã chết. Không phải chỉ riêng có bố anh mà còn biết bao nhiêu người khác nữa. Những cái chết chồng chất hợp thành những bản cáo trạng tội ác cộng sản. Nhưng con người đã nằm xuống, trong vực thẳm của một chế độ

xây dựng, trên căm thù và cũng đang đổ vỡ trên căm thù.

Dân tộc, thế hệ từng con người sống tự do như anh đang mở một mặt trận rộng lớn cuối cùng để đánh ngã hủ tù gốc rễ cái toàn thể của một chế độ tàn bạo đang nghiêng ngả tàn lụi.

Người chết sẽ được ngậm cười. Nhưng con người đã đi vào một thứ lịch sử bất diệt kia, anh tưởng như họ đang từ một thế giới nào nhìn xuống cuộc chiến đấu của những người như anh. Trong số đó có cả bố anh nữa. Hoàng có cảm tưởng như anh đang nhìn thấy một khuôn mặt hiền hòa hiện lên dần dần. Một đôi mắt chứa chan tình thương yêu.

Một cái nhìn của con người. Và một tiếng nói dịu nhẹ:

– Cha ngậm cười được rồi. Vì con đã chiến đấu. Vì kẻ thù đã gục ngã. Kẻ thù của cha, cũng là kẻ thù chung của cả thế hệ này. Nó không phải chỉ là những con quỷ khát máu, là thằng Xuân. Mà nó còn là cả cái chính thể, cái chủ nghĩa khát máu đã đẻ ra những thằng Xuân. Con người không sa ngã vào căm thù, mà còn giữ vững được tình yêu thương nhau, thì kẻ thù sẽ gục ngã tối tăm hơn nữa. Thằng Xuân cũng chỉ là một nạn nhân của chế độ. Nó đã sống đời sống sâu kiến của kẻ thừa hành. Trước nó mất nhân tính, từ bỏ chỗ đứng của người, nay vì chúng ta nó đã được trở lại làm người. Còn biết bao nhiêu thằng Xuân nữa đang được trở lại làm người. Kẻ thù của chúng ta đang mất ăn mất ngủ vì những con người chúng tưởng đã khuất phục được đang đứng dậy. Chúng là những cánh dơi sờ soạn trong bóng

đêm. Tình yêu thương của con người đang đốt cháy những cánh dơi ấy.

Hoàng lặng người đi. Anh đứng yên giữa ngổ tối, chìm đắm trong một viễn tưởng rực rỡ chưa từng thấy. Như thể đã nhìn thấy khối hình nhân loại ngày mai. Khi cộng sản đã mất hẳn rồi. Khi mở đầu kỷ nguyên của Thương Yêu. Tình thương yêu, lòng tha thứ, anh cảm thấy không phải chỉ là những nỗi niềm suông nhạt, trừu tượng, mà còn là những lực lượng tinh thần có một sức tác động ghê gớm mãnh liệt.

Hoàng quay trở ra. Anh bỏ căm thù, bỏ ngổ tối lại sau lưng.

Con đường 20 chạy dài một dòng lửa làm bằng những ánh điện nối đuôi nhau. Đêm đã khuya lắm. Hai bên đường

lác đác những bóng người bình thản đi lại. Từng tốp một, những đoàn người ngồi hóng mát dưới những gốc cây. Có những đứa trẻ ngủ trên gối những người mẹ. Tiếng nói chuyện nhỏ to, thì thầm. Những đám người vây chung quanh những cột máy nước. Tiếng nước chảy ồ ồ chen lẫn với tiếng cười đùa. Bấy nhiêu hình ảnh thoải mái, bình dị, gây cho Hoàng một thứ cảm giác tin tưởng, dịu ngọt.

Hoàng nghĩ đến những miền còn ngập ngựa bóng tối. Những dãy phố buồn thảm u uất. Ở đó, con người đang sống những giờ phút hãi hùng vì ngờ vực, vì căm thù, vì không tin tưởng, không thương yêu. Anh nghĩ đến Xuân. Đến cuộc sống mới Xuân tìm thấy được ở bên này. Giúp cho những người như Xuân được trở lại làm người, anh đã

đánh thêm một đòn chí tử vào thành lũy cộng sản. Mở cho những người như Xuân một lối thoát là gấp rút thêm sự đổ vỡ của cộng sản, là gây được niềm tin tưởng ở Tự Do cho những người còn ở lại bên kia.

Hoàng bước đi đều đặn. Bóng anh đổ nghiêng về phía trước. Trên con đường không oán thù, Hoàng đi dần về nhà anh.

CHIẾC XE HÀNG CŨ

Ấy là chiếc xe chở hàng đã cũ. Cũ từ ngoài Bắc Việt. Con số T.N. 405 thuộc vào loại những chiếc xe đã biết quá nhiều ngày mưa nắng trên các ngã đường sỏi đá và đất lầy ngoài đồng bằng Bắc Việt. Biển chỉ số dừng lại trên con số 75659, cách đây ba năm. Con số dài đằng đằng những dặm trường này nhắc nhở cho anh Sáu đến một tai nạn cũ. Chiếc

xe trúng mìn trên con đường Phát Diệm trong một chuyến chở toàn chiếu cói từ vùng bể lên những miền trên. Anh Sáu suýt bỏ mình trong chuyến đi không may đó. Nhưng anh chỉ bị thương nhẹ. Mấy ngày sau, anh nhờ xe nhà binh kéo 405 về một xưởng chữa máy vùng ngoại ô Hà Nội. 405 được tháo ra từng mảnh, nung, thổi hàn, nấu toàn bằng điện, và ít lâu sau 405 lại lên đường. Trong chiến thời, 405 là lẽ sống của gia đình anh Sáu. Những ngày hỏng máy, nổ bánh, hay gặp tai nạn ngang đường, 405 là cái tang lớn nhất cho gia đình anh. Chiếc xe cũ xê dịch trên những ngả đường, lại đi luôn vào đời kiếp anh Sáu, chị Sáu, những đứa con anh Sáu ở lại đó làm một thứ cột trụ bằng sắt thép cho cái gia đình cần lao này.

Chị Sáu yếu quanh năm, không làm

gì để có thể thêm thắt vào những chi dùng hàng ngày. Những đứa con anh Sáu còn bé, đứa nọ cõng đứa kia, cứ lú ra lú rú suốt ngày bên cạnh người mẹ. 405 sống giữa cái gia đình cùng khổ, đau yếu ấy lâu dần đã chiếm được tình thương yêu của mọi người như một người bạn đường có chung một cảnh ngộ. Hồi còn chạy đi chạy về trên con đường Phủ Lạng Thương, anh Sáu vì chuyến đi xa vẫn thường phải nghỉ đỗ lại dọc đường, không về kịp nhà. Những buổi chiều chờ đợi người bố còn ở lại dọc đường, để ban đêm lại leo vào trong xe mà ngủ, những đứa con anh Sáu lại tìm mẹ chúng để hỏi:

– 405 không về, hả mẹ?

Thiếu vắng người cha, chúng còn thấy thiếu vắng luôn cả cái bóng lênh

đênh kênh càn của 405. Khoảng sân hẹp trước ngõ, chỗ 405 về ngủ trên rêu cỏ sau một ngày đốt cháy mã lực trên ngã đường, trống vắng hẳn ra. Những đứa con anh Sáu ngồi nhìn ra một khoảng sân vắng, mấy vệt bánh xe in hẳn lên như một niềm nhớ thương.

Hồi ấy gần đây, trước ngày ngưng bắn, gia đình anh Sáu cứ lúng túng thiếu thốn luôn, cũng chỉ vì 405 gặp bất hạnh liên liên ở dọc đường. Hết vỡ bánh, “pan” xăng, lại tiếp luôn hai lần nổ mìn. Mà lần nào cũng nặng cả. Nếu là người thì sau những lần ngộ nạn ấy, 405 đã có thừa những vết thương thập tử nhất sinh, để nếu có qua khỏi cũng chỉ còn là một tên thương binh có quyền được nghỉ ngơi cho đến mãn đời. Nhưng cái an dưỡng đường cho lũ cơ khí già yếu chưa có. Như đứa con đầu lòng của một

gia đình đông con, 405 vẫn còn phải sớm chiều bước đi những bước tập tễnh trên ngã đường để cho cả một gia đình đáng thương không đến nỗi phải ôm bụng đói ngồi nhìn nhau.

Xê dịch trên những ngã đường đất đã rách nát về mìn điện, hầm hố, mưa nắng, chiếc xe cũ từ lâu đã mang nặng những dấu vết của một đời kiếp hai sương một nắng, đã tàn lụi và đã xế chiều. Đầu mũi xiêu vẹo longlở. Mìn xe đổ gục về phía trước vì mang chất quá sức. Mui bạt xanh bạc màu. Từ những thành gỗ đã rỗng mục, bụi lá tả đổ xuống những chiếc lốp già yếu.

405 đã là một sự kiện điển hình của chiến thời. Nó chứa đựng nhiều vết tích tàn phá. Nó là hình ảnh của một bờ vai gầy mang nhiều tháng ngày. Vậy mà nó

vẫn cứ lăn đi trên những ngã đường: Sơn Tây, Trung Hà, qua Hà Nội, về bốn tỉnh miền nam Bắc Việt. Leo dốc xuống đèo. Con ngựa già cơ khí này, dưới tay cương anh Sáu, vẫn sáng đi chiều về, vẫn chở nặng, vẫn chạy đều, vẫn mang lại cho gia đình anh Sáu đủ hai bữa ăn. Nhiều buổi ở nhà, chị Sáu bế con ngồi bên chồng, nhìn ra 405 nằm nghỉ ngoài khoảng sân hẹp, vẫn bảo anh Sáu:

– Không có nó thì thật chết, mình ạ!

Anh Sáu coi 405 như một người bạn đường trung thành. Đời anh Sáu gặp nhiều bất hạnh, nghèo khổ, cũng không còn lấy một người bạn nào khác. Tình người gửi xuống sự chung thủy của cơ khí, hương thơm ngát lên trong chiến thời chứa đựng quá nhiều vận hạn và trong cuộc sống chứa đựng quá nhiều

phản bội. Cũng là một sự lạ lùng. Những bạn đồng nghiệp của anh Sáu, lúc nhàn rồi, ngồi chuyện vãn với nhau ngoài bến xe, dưới chân một cây xăng, hoặc trong một xưởng chữa máy nào đó, lúc chê khen đến những đời kiếp của lũ cơ khí vận tải, vẫn kháo nhau rằng 405 quả là bậc bô lão của vận chuyển trên các ngã đường Bắc Việt. Giữa những gấn bó của xe cộ với người, 405 là điển hình của chung thủy bền chặt. Họ cũng không hiểu tại sao 405 lại có thể ở dưới mái nhà của anh chị Sáu được lâu đến thế.

– Cây tiền cây bạc nhà thằng Sáu đấy! Mình nó bằng đồng, da nó bằng sắt, ruột nó lại bằng thép già. Hai lần đụng mìn tổ bố mà không vắn gì, có khiếp không chúng mày?

Tuy vậy, những tai nạn của chiến

thời và những sớm mưa chiều nắng dọc đường cũng đã làm cho 405 càng ngày càng thêm đau yếu, nhọc mỏi. Qua bản chất năng lực nhất định của cơ khí, sự chịu đựng đã ra ngoài mức bình thường.

Những buổi anh Sáu mang xe lên đường kiếm gạo cho vợ con anh, anh cũng không quên rằng con ngựa già của anh đáng lẽ đã được nằm nghỉ một nơi nào, hoặc là có chuyển vận thì cũng chỉ là những đoạn đường ngắn ngắn trong lòng thành phố. Bất đắc dĩ lắm, anh mới cho xe đi những đoạn đường xa. Biết mã lực 405 yếu mỏi, anh Sáu cho xe đi vừa tầm. Chạy tàng tàng thôi. Để còn đi. Để còn về. Vì phải đi phải về nhiều. Những buổi chạy tập đoàn hàng bốn năm chục chiếc trên những ngả đường liên tỉnh dài dằng dặc và ngổn ngang hầm hố, anh Sáu nhả chân ga, ghìm 405 lui dần

về cuối đoàn, 405 chậm chạp nổi đuôi một lũ đàn em còn chan hòa sức mạnh non trẻ. Tiếng máy nổ ậm ạch. Nhịp chuyển động âm ỳ. Tiếng thở của cơ khí xế chiều này lúc nhanh lúc chậm, cứ hồng hộc như một người đi đường yếu tim, thiếu hơi.

Còn đâu là mùa oanh liệt cũ? Xe và người cùng hồi tưởng lại những chuyến đi dài hạn trên những ngả đường miền núi, anh Sáu vừa dậm chân ga là 405 đã vượt lên khỏi đoàn và cứ thế mà dẫn đầu mà bứt đi, mang vào chuyến đi cái nhanh thoáng của máy móc còn đang tuổi lành mạnh.

Những chiến thắng cũ trở nên những vang bóng, đến nay còn là những giai thoại của nghề nghiệp vận chuyển. Sỏi đá, đất lầy. Dốc đèo, dốc phà. Hầm hố

chữ chi. Địa lô. Đường xuyên sơn, độc đạo. Cùng là những cạm bẫy dọc đường dựng lên trên những ngã ba, trong đêm tối di chuyển, 405 đều đã biết qua hết trong đoạn đời chứa đựng nhiều gió bão.

Kỷ niệm đường dài chìm vào những chiếc bánh mòn, 405 cứ già yếu thêm mãi.

Chuyến đi cuối cùng của 405 trên những ngã đường Bắc Việt là một chuyến đi thời đại. Anh chị Sáu theo tập thể di cư. Anh Sáu mang theo 405 vào chuyến đi, đã lựa chọn hộ cho cả cơ khí cái thái độ của người đi tới một ngày mai không tù đày.

Sau một bữa nằm nghỉ trên khoảng sân hẹp, máy cũ lại nổ lên. Tiếng động cơ âm âm vang dội cả một vùng ngoại

ô. Lũ con anh Sáu bị bố mẹ chúng dựng dậy sớm hơn ngày thường, chạy ủa cả ra ngoài sân. Chúng vây quanh 405, đứa nào đứa nấy ngái ngủ, mắt còn gấp gáy trong sương sớm. Tới lúc anh chị Sáu sắp sửa bồng con lên xe thì hàng xóm đổ sang. Toàn là những gia đình cùng khổ. Làm công, làm thợ, bán quà rong, thất nghiệp. Sự nghèo khó bắt buộc họ ở lại trên mảnh đất cũ như những cánh bèo không bao giờ đi thoát được bờ ao tù đày. Người nọ người kia chúc anh chị Sáu vào trong ấy làm ăn khấm khá hơn ngoài này.

Chị Sáu vâng dạ, tay vẫn không thôi gạt nước mắt. Một người hỏi anh Sáu:

– Anh đưa cả 405 đi à?

Anh bạn vỗ vỗ tay vào đầu chiếc xe cũ:

– Mà vào trong ấy đường sá nhẵn đẹp, tha hồ mà chạy nhé!

Trước những chia tiễn của một lớp người tưởng như đã đứng trên những bờ vĩ tuyến cách biệt, 405 nổ máy chờ đợi như đã thấy trước đầu mũi xe bốc khói, những ngã đường miền Nam rộng ngút ngàn cùng là đất đá, sỏi cát, đèo dốc, mưa nắng nhiệt đới. Dậm xa hiện lên từng nét biếc, mê man xuôi chảy trên một ngã đường không bến bờ. Đó là ngã đường của một niềm tin vĩ đại. Của một lối đi thênh thang về tự do. Cuộc đời lên hương đã gửi đi cái cao đẹp của chuyến đi xuống bờ xe cũ.

Hôm nay, theo vợ chồng anh Sáu, 405 đã đặt chân lên một ngã đường miền Nam.

Sau mấy ngày vượt bể nằm trên mui tàu nghe sóng đại dương, 405 đã đổ bộ. 405 đã vào đất liền. Đường miền Nam từ những quốc lộ thông xú đến những ngã đường liên tỉnh, thước đất nào cũng nhẵn phẳng, cũng óng ánh nhựa xám, chảy đi giữa hai bờ lúa xanh miền Đồng Nai. Chưa bao giờ 405 lại được xê dịch trên những ngã đường tốt đẹp như thế. Anh Sáu nhìn đoạn đường. Anh nhìn chân trời. Anh nhìn 405. Anh đưa đi đưa lại bàn tay trên một lớp kim khí nhọc mỏi đã ọp ẹp, mềm yếu. Dưới lớp sơn nhạt màu, có một cái gì của 405 đã rung lên, đầm ấm như tiếng đập của tim phổi thoát ra từ nội tâm người. Sự sống của cơ khí bắt nguồn, truyền cảm. Anh

Sáu thử máy. 405 chuyển mình, cả thân xe rung chuyển. Tiếng máy nổ, náo nức, choáng váng không đều nhịp. Những chiếc bánh cũ ngả nghiêng trên lòng đường.

Từ trạm tiếp đón đồng bào miền Bắc di cư, những ngả đường xanh ngắt bóng cây và chan hòa nắng ngày mở đi bốn hướng. Ngày lớn vừa dựng. Những con đường dài thênh thang cho mã lực chuyển vận này đã nối tiếp nhau mà đi sâu mãi vào lòng đất của người tự do. Chào Mừng. Như một con người của chuyển dịch saunhiều tháng ngày ngừng nghỉ lại chống gậy lên đường, 405 chuyển động theo nhịp thở của cơ khí bốc lửa đã bắt đầu tác động sức mạnh xuống lòng bánh cũ. Vệt xe in xuống thước đất đầu tiên miền Nam, ngả đường hướng dẫn

luôn chuyển đi về những vùng mênh mông không bến bờ.

Ngồi trên xe mà anh Sáu cũng như cảm thấy cuộc sống ở dưới ấy, từ lòng đường dâng lên. Một vệt khói xanhthoát về phía sau cắt ngang mình một giọt nắng sớm, chảy chan hòa vào tấm biển số. Con số 405 nổi lên, đậm đà cá tính của cơ khí hòa mình vào đời sống người, cùng chịu đựng những thử thách, cùng có chung một niềm tin.

Rời bỏ những ngả đường rừng núi ngoài Bắc Việt, những chiếc bánh mòn cũ kia vậy là đã chấm dứt cho một mùa vận chuyển, bây giờ đã nằm lại bên kia, trong tù đày. Để con người vẫn còn là con người và để cho cơ khí vẫn còn những sự kiện của sửa chữa và xây dựng tự do, anh Sáu đã chọn những ngày tháng

miền Nam và 405 thì đã chọn những ngã đường bên này vĩ tuyến 17.

Hôm nay ngày mai, mưa nắng vẫn đương mùa trên những ngã ba, và cái thái độ của người giữa cái rối rắm của mưa nắng, của những vùng tranh tối tranh sáng, là chọn lựa một ngã đường, đến một sân ga, về một trạm hẹn của thời đại. Anh Sáu không hề thương nhớ những con đường, những vết xe cũ. Chúng đã đi dần vào một ảo tưởng tàn lụi, chấp chới hình ảnh bóng tối và cạnh khía ngục tù. Đường quốc lộ số 1. Đường số 5. Đường Hòa Bình – Lai Châu, và những ngã đường của tre xanh lúa vàng miền ngoài bây giờ đã nằm bên ngoài những ước định chuyển dịch của vợ chồng anh Sáu, của 405.

Chân trời miền Nam mở ra hôm nay: Tây Ninh, Long Xuyên, Vũng Tàu. Những ngã đường chữ chi, bàn cờ đan miền Tiền Giang, Hậu Giang. Những ngã đường mãi miết xuôi chảy về Lục tỉnh bát ngát nắng. Những đô thị, những làng xóm, những rừng dừa. 405 vào làm bạn với lũ cơ khí vận tải ở trong này, rồi những chiếc bánh mòn cũ lại cứ việc mà chạy tàng tàng ở cuối đoàn, trong những chuyến đi tập thể. Sau 405, còn có biết bao nhiêu là sự kiện của cơ khí vận tải cũng đang lũ lượt xuống tàu vượt đại dương, sống những ngày lên đèn của đổi dời, để về với những con đường miền Nam xa xôi, cùng đốt cháy một lúc với người ngọn lửa tin tưởng cũ. Sau ít ngày tạm nghỉ, 405 đã lại đập lên những tiếng đập cũng chan hòa cũng vui ấm như tiếng đập của máu huyết luân chuyển.

Anh Sáu dận chân ga, tỳ mạnh tay xuống thành vô lăng. Bên kia mặt kính, con đường mở ra, như một vết nắng, như một ngọn suối. Hai bờ bông bênh nổi lên giữa cái xanh mát của cỏ đường và của biển lúa đồng đồng. Gió thổi ngược vào những ngọn cỏ lả lả. Lúa nườm nượp chuyển đi. Anh Sáu giữ thẳng vô lăng đưa vợ con, đưa 405 vào cái thênh thang rộng phẳng đang dàn ra. Chuyển đi của chào mừng này, 405 chạy ngoan như một con ngựa thuần đã quen đường.

Từ phía trái, những bạn đường của 405 đã vượt lên. Trên tay lái của đoàn xe bạn, nhiều anh tài xế thôi nhìn đường trong một phút giây, đã quay lại làm hiệu chào anh Sáu. Anh mỉm cười làm hiệu đáp lại.

Trên đường, nhịp di chuyển thoang thoang vui ấm. 405 khoan thai di chuyển đi, những chiếc bánh mòn cũ lăn nghiêng trên sỏi đá, cứ đi sâu mãi vào những bến bờ tự do.

CÂU CHUYỆN CỦA CHỊ NGỰ

Hàng triệu người đã vượt biển.
Hàng triệu người đã bỏ đi.

Miền Nam đất nước sáng chói những chân trời tự do. Đây, Hồ Nai, đây Dốc Mơ, đây Gia Kiệm. Và đây nữa, những trung tâm định cư Tiền Giang Lục Tỉnh. Những đại hội của đời sống tự do bát

ngát hiện lên trong cái hình ảnh tin tưởng nhất của đất mới.

Câu chuyện dưới đây là câu chuyện của một Tin tưởng. Hàng triệu người như chị Ngự.

Hàng triệu tâm tình như chị Ngự.

Tập thể rộng lớn điển hình từ những nếp sống rất cá nhân này.

Chiều tối hôm qua, có người bạn chị Ngự xuống thăm đường đất đặt của hàng thực phẩm dưới Ô Cấp, về làm quà cho chị Ngự ba con cua gạch. Chị cảm ơn rồi rít vì từ ngày vào Nam đến hôm nay, chị mới có được thứ quà miền bể này.

Chị Ngự ra sau lều, hái cỏ rừng buộc

những con cua chắc mẩy thả xuống vũng cỏ, đoạn chị tắt đèn đi ngủ.

Đêm hôm ấy, chị Ngự không tài nào nhắm mắt được. Phần thao thức vì lạ giường lạ chiếu, phần vì sự khuấy động của một mớ kỷ niệm xa khuất vừa nổi dậy. Mấy con cua của người bạn và cái cửa hàng thực phẩm dưới Ô Cấp làm chị Ngự động lòng nhớ đến một vùng biển hiền lành nơi quê cũ. Quê chị Ngự ở gần Phát Diệm, chỗ con sông Hồng xuôi chảy qua một vùng đất bồi bát ngát rồi đổ thẳng vào đại dương.

Chị Ngự nằm nghiêng, đầu gối lên cánh tay. Luyến nhớ bắt nguồn gửi về một miền đồng bể bây giờ đã nằm dưới bóng tối bàn tay cộng sản. Lòng người đàn bà lắng đọng xuống. Đêm rừng hoang phất phơ những hình bóng sông biển

của một miền bỏ lại cho địch, nhưng kỷ niệm còn đi theo người vào chuyển đi, và đã nói nhiều với chị Ngự đêm nay, dưới mái lều tạm trú.

Đêm miền Nam rộng thoáng, những vì sao sáng lấp lánh qua những phiến lá đâm tối. Cửa lều nhỏ hẹp, một hướng gió đâm lạnh qua lại. Mái lều nghiêng đi như thấp hẳn xuống. Chị Ngự cảm thấy mình bé nhỏ lạ. Người ta vẫn thế, vẫn cứ trẻ thơ, cứ bé nhỏ, khi ở thật xa một đêm bỗng nhớ đến quê hương xóm làng. Làng xóm cũ trong nội giới người ly hương là những hình ảnh tuổi nhỏ. Là những bông lúa mới. Là những ngã đường cỏ non. Những bụi tre la đà hình lá bay múa như những ngón tay thon dài. Con người lạc về khung cảnh ấu thơ cũ, bé nhỏ và hiền hành hẳn lại. Kỷ niệm sâu nặng còn đưa người xa hơn hình ảnh.

Xa hơn thì đến tình yêu. Yêu bông lúa hạt thóc, yêu mảnh vườn, những buổi nắng, những ngày mưa, những người hành xóm láng giềng và trên tất cả, cuộc sống phẳng lặng chung quanh những sự kiện thân yêu dài hạn.

Tình yêu của người gửi về mảnh đất cũ, chị Ngự trở mình, cảm thấy nó thấm thiết bùng cháy trong người chị như một ngọn lửa. Sự trạng mới lạ này làm cho người đàn bà đơn giản thao thức rất lâu trong đêm đồng rừng. Từ hàng ngàn cây số, cái thôn xóm bé nhỏ gần hẳn lại. Hình ảnh màu sắc của một miền quê bên kia vĩ tuyến tác động xuống một giấc ngủ càng thêm sâu sắc trong tĩnh mịch.

Chị Ngự không biết đấy! Đó chính là sức mạnh. Đó chính là niềm tin. Đó

chính là lẽ sống của người đi. Những người như chị Ngự, gần một triệu người như chị Ngự, những đêm miền Nam đầu tiên, cũng có những đêm như thế, không ngủ để mà đối chiếu thái độ mình với đất cũ bỏ lại cho cộng sản ở bên kia.

Con người đấu tranh cho tự do phải có những đêm không ngủ như thế. Để mà nhớ lại. Để mà định đoạt thái độ cho ngày tới, cho hướng đi, cho mục tiêu cuộc chiến đấu khởi dựng ở bên này. Nhớ cho một ngày trở về. Lực lượng của người tự do nằm rất nhiều trong cái lĩnh vực không thể lay chuyển được của một niềm tin. Cả đến những tâm trạng thao thức, luyến nhớ đau buồn ở đây cũng là một khía cạnh của niềm tin.

Đã ba hôm nay, chị Ngự cùng gia đình dọn đến ở khu định cư này. Một

khoảng đất đồi gần rừng. Chẳng có đêm nào là chị Ngự ngủ được. Lòng đêm ở người đàn bà cũng ngập đầy nhớ thương.

Chị Ngự nhớ biển.

Câu chuyện của người bạn sắp lập nghiệp ngoài mé biển, càng làm cho chị Ngự ngậm ngùi khi lòng chị vượt đường về nghe một tiếng sóng đập vào bờ bãi của vùng biển cũ. Tiếng chuông giáo đường trả lại tiếng sóng ngân của thủy triều vừa dâng lên. Đêm hôm nay, tiếng chuông tiếng sóng đã nổi lên giữa đêm đồng rừng, trong những âm thanh xao động gần gũi.

Chị Ngự nghiêng mãi đầu đi mà nghe theo một tiếng vọng ảo tưởng dồn đổ vào một đêm đồng rừng. Đời chị Ngự gắn bó với biển từ thuở nhỏ. Như

con người gắn bó với tự do. Tự do và đại dương ở nơi này là bạn của người, là sự sống là máu huyết, là tất cả.

Câu chuyện của chị Ngự là câu chuyện của người đi theo đường biển để ra ngoài xa khơi của vùng tự do biển xanh. Nó đơn giản như thế. Nhưng nó cũng vĩ đại đến thế là cùng. Trái đất này là của con người chính là vì trên cái địa đồ bát ngát của cuộc sống vẫn còn có những hướng đi về đại dương như thế. Vẫn có những con người như thế. Và vẫn có những hướng đi như thế.

Đêm khuya dần. Đã lâu lắm mới lại có một đêm mà bóng tối và yên lặng không làm chị Ngự kinh hoàng. Chị thở dài nhẹ:

– Không biết đêm nay ở ngoài ấy ra sao?

Ý chị Ngự muốn hỏi thăm một mình đến làng cũ. Cái mé biển xa khuất một vùng đồng bể Bắc Việt. Chị đoán thấy biển tối mênh mông ngập chìm bãi cát câm nín. Tiếng sóng âm âm ỳ ỳ. Làng xóm không lửa. Những chiếc bè mảng vật vờ đong đưa. Những tấm lưới chài phơi trên những mái tranh khô xác. Gió thổi mịt mù trong bóng tối bao la.

Nhớ về đất cũ, sao những đêm dĩ vãng lại tối tăm đến thế! Cũng tối tăm như đêm chị lên đường. Phải rồi, đúng như đêm vợ chồng chị bế con bông khăn gói, cùng một số hàng xóm láng giềng vượt bể ra khơi. Thế kỷ làm cho một đêm ra khơi đánh cá của những người miền bể Bắc Việt thành một đêm đi tìm tự do

trên mặt sóng biển. Nhớ lại, chị Ngự còn thấy hồi hộp choáng váng. Đêm thoát vây cộng sản đã đánh một cái dấu kinh khủng đậm nét vào ký ức người bỏ đi.

Chị Ngự nhớ y nguyên những phút giây dang dở chị ngồi ôm con trên bãi cát. Thủy triều lên từ từ. Đứa trẻ ngủ thiếp trong tay người mẹ. Anh Ngự đã dặn chị phải ngồi thật yên một chỗ đừng nói năng ồn ào. Đoạn anh bỏ đi với mấy người bạn hàng xóm. Họ đi kéo mảng ra bãi. Mấy chục con người vượt biển, lúc đợi chờ trên bãi cát phút được rời bỏ đất liền, cúi đầu nín thở trong đêm tối. Tự do của cả một đời người nằm trong giây phút yên lặng đợi chờ. Chị Ngự ôm chặt con vào lòng, nghe tiếng sóng đập vào bãi tối. Đêm hôm đó, chị nhìn lên rừng sao trên đầu và chị đã cầu nguyện thầm.

Phía sau lưng, trong cái thôn xóm yên lặng, đã có những ánh đuốc lửa của cộng sản chập chờn trên những đầu ngõ. Bọn chúng ngăn giữ người vượt biên. Từ ngày ký hiệp định, đêm nào chúng cũng đốt lửa rồi kéo nhau ra bãi đón bắt người như thế! Một số người đi không thoát bị chúng bắt được rồi mang đi biệt tích. Trong số, có em ruột anh Ngự.

Nhưng rồi những chiếc mảng cũng được kéo ra bãi. Chị Ngự ẵm con lên ngồi thu mình một góc mảng. Vừa lo hoảng, vừa ướt sũng nước biển dâng lên, chị Ngự run rẩy cả người. Tiếng sóng chao chao bồng bênh. Bọn anh Ngự rời đất liền.

Đi khỏi bờ được một quãng thì bãi cát đã rục lên những ánh đuốc và tiếng hò hét của bọn cộng sản. Anh Ngự hét

bảo bạn hữu chèo thật mau tay.

Cả bọn cúi rạp xuống những mái chèo.

Chị Ngự ôm chặt lấy con. Chiếc mảng tự do băng đi. Thoát rồi. Bốn phía chỉ có là biển tối mênh mông, lẫn lộn sao biển với sao trời. Bình minh hôm sau, cả bọn được một chiếc tàu nhà binh kéo lên. Cả bọn đã mệt lả.

Bốn hôm sau, gia đình chị Ngự đã ở Miền Nam.

Nhưng mà ở cái thôn xóm chài lưới ngoài kia, máu huyết của một số người xấu số ngã gục trên đường tự do đã thấm xuống đất cát. Một vài người. Dăm bảy người. Hàng trăm hàng ngàn người. Trong chuyến đi vượt ngục cộng sản,

họ đã nằm xuống trên đất quê hương. Cái chết anh dũng này cũng là một khía cạnh của tự do. Sau người nằm xuống, lại có những người khác đi tới.

Nằm mãi không ngủ được, Chị Ngự trở dậy. Chiếc giường ken tre tươi gỗ rừng rung lên trong tối. Một mùi đất ẩm ngai ngái bốc lên. Đi ra khỏi lều, đêm rừng lạnh hản đi như một đêm tháng mười ngoài Bắc. Trước mặt chị Ngự chạy dài những dãy lều vải. Trời sao lưa thưa trên đầu. Một mùi tro than tàn lụi vương vất đầy lên bãi đất vừa đầy cỏ. Rừng vây chung quanh. Rừng. Chị Ngự vắn lại tóc, vịn tay vào cửa lều mà nhìn vào rừng đêm. Sự sống rì rào gửi tới chị Ngự những âm thanh của hoa cỏ không ngủ. Từ những tiếng sóng hoàng hôn của vũng biển cũ đến tiếng cỏ lá sao động trong đêm rừng, vẫn chỉ là

một hình thái của thiên nhiên bên cạnh những tâm tình rộng lớn của người tự do.

Bên kia vĩ tuyến, đất cộng sản không có tiếng động. Biển cộng sản không có tiếng sóng. Rừng cộng sản không có tiếng lá. Đời sống cộng sản không có tiếng người. Chỉ có những hình người. Không có những con người. Đất bên ấy ngập ngụa những đồng chí, những cán bộ, những anh hùng. Nhưng con người thì không có nữa.

Chị Ngự thong thả đi về phía dãy lều. Chị nhìn vào: Bóng tối nhờ nhờ. Hình dáng những người nằm ngủ ngang dọc hỗn độn. Chị Ngự quen biết tất cả. Toàn là những người cùng một thôn xóm vượt bể đến đây trước hoặc sau chị Ngự độ dăm ba ngày. Một thời gian ngắn, rồi

một thôn xóm tự do sẽ được lập ở đây. Xóm tự do dựng lên trên rừng cỏ hoang rồi cũng sẽ có chợ búa, có trường học, có nhà thờ. Cũng sẽ có những con đường cỏ non, những vệ khói cơm lên xanh rừng hoàng hôn. Rồi sẽ có tất cả: có con người, có sự sống, có tình yêu.

Lòng chị Ngự thấy ấm lại. Tâm trạng của người thoát lưới cộng sản, lúc mưu toan bắt tay làm lại từ đầu, thường vẫn đi từ những lẻ loi trống vắng đến cái tin tưởng ngày lại ngày, thêm sâu nặng đắm thắm gửi đến cái tập thể có chung cảnh ngộ với mình.

Đứng một lúc nữa, chị Ngự thong thả trở về lều. Nằm xuống chỗ cũ, trong bóng tối, chị Ngự chạm phải đứa con nằm bên cạnh. Thằng bé ngủ say, nhịp thở đều hòa. Chị vòng tay ôm chặt lấy

con. Lát sau người mẹ cũng ngủ theo.

Buổi sáng hôm sau, chị Ngự đem ba con cua gạch xuống suối rửa. Lúc trở về lửa bếp đã cháy đỏ một góc lều. Mấy người bạn chị ùa sang làm bữa giúp chị. Một thoáng, họ đã dọn dẹp giường chiếu, tay nải lại một góc, lấy chỗ cho bốn năm người ngồi. Bóng lửa bóng khói thấp thoáng. Họ ngồi vây lấy nhau. Cả một cái lều rộng tíu tít tiếng cười tiếng nói. Chỉ có đàn bà trẻ con, đàn ông đã ra khỏi lều từ sáng sớm.

Anh Ngự đi vắng từ chiều hôm qua. Anh lên thăm đường đất trên vùng cao nguyên, tính chuyện làm ăn cho gia đình anh và dăm bảy gia đình bạn hữu khác nữa.

Từ ngày bí mật quyết định rời bỏ khu vực cộng sản, đến cuộc sửa soạn vượt biển, cho tới khi kéo nhau lên miền định cư này, mấy chục gia đình đều đồng lòng bầu anh Ngự lên làm trưởng đoàn. Anh Ngự vẫn được tiếng là tháo vát, lại có sức, có chữ nghĩa, công việc xốc vác không hề biết mỏi mệt. Cuộc vượt biển thành tựu một phần lớn do sự tổ chức chu đáo của anh Ngự. Anh được tin cậy, giao phó hết thảy. Vào đến đồng đất nước người, việc lớn việc nhỏ, làng xóm lại nhờ vả vào anh. Thành ra anh cứ phải đi luôn. Đôi khi về khu định cư thăm vợ thăm con một vài bữa rồi anh lại đi. Chuyến này anh lên mãi trên cao nguyên. Nghe đồn trên ấy có những xưởng cưa, những đồn điền mới mở, người ta cần nhiều nhân công lắm. Anh Ngự lên tận nơi thăm hỏi đích xác. Có gì anh sẽ đưa tất cả đoàn thể lên trên ấy làm ăn.

Được cái anh Ngự có đi vắng, ở nhà đã có bà con săn sóc đến mẹ con chị Ngự. Cuộc sống của lớp người vượt biển vậy là đã đặt định được những nền tảng đầu tiên. Những nền tảng này bắt nguồn từ một niềm tin, từ những tình thương yêu. Niềm tin và tình yêu thương này chính là những tính chất căn bản của đời sống mới dựng. Chính là những bản sắc vĩnh viễn của những con người những cuộc sống ở bên này vĩ tuyến. Bên kia, là ngò vực là căm thù.

Một người, bạn chị Ngự ngừng tay nhặt rau, ngẩng lên hỏi:

– Này chị Ngự, bao giờ anh ấy về đấy?

– Nhà tôi hẹn đến chiều nay, nhưng đường đất xa lạ chẳng biết thế nào được.

– Thôi thì hôm nào anh ấy về thì về, miễn là được việc cho bọn mình. Đi đâu có nhau cả, bữa no bữa đói cũng không ngại.

Chị Ngự nghĩ đến chồng. Chồng chị lên rừng. Những người khác, người xuống thủ đô, người xuống biển. Lên rừng, xuống bể, những con người đi xây dựng cuộc sống cho tập thể đang ngày đêm chuyển dịch tự do trên những ngả đường đất nước tự do. Cuộc sống chứa đựng phong phú, bao la. Cuộc sống thật là cuộc sống của người. Nó không phản bội cái ý nghĩa cao đẹp của danh từ. Nó không toàn bích, không kết thành những giáo điều mà còn nguyên vẹn chất tươi xanh của máu huyết của hoa cỏ đang vươn lên. Ngày tháng tự do chói lóa ánh sáng một niềm tin và con người thì phát huy bằng hết được cái bản sắc cá nhân

cùng là những năng lực sáng tạo của mình, chỗ suy yếu của thế giới tự do là ở đó, nhưng sức mạnh cũng là ở đó.

Những chiếc chả nem đã vớt khỏi lòng chảo, vàng một màu vàng mỡ màng óng ánh. Trông ngon lạ. Những lá rau xếp thành đống. Chị Ngự lau mồ hôi trán, vuốt lại tóc, cao giọng mời mọi người. Da chị hồng hào ánh lửa. Mấy tấm gỗ thùng được ghép lại làm những chiếc mâm cho bữa ăn đoàn kết. Năm bảy người xúm xít. Trẻ con cũng ngồi len vào. Vui lạ. Người ta mời nhau ồn lên.

Chị Ngự buông đũa nhìn mọi người ăn ngon lành. Những miếng chả nem đỏ tươi gạch cua bể, vẫn còn làm chị Ngự nhớ thật nhiều đến một góc biển cũ. Từ một hạt muối kết tinh trong nắng

đến những buổi chiều muộn, xóm trên xóm dưới kéo nhau ra bãi đón đoàn bè mảng ghé bến. Năm được mùa, những thùng cá đầy ắp lấp lánh vẩy bạc, những con cua bể chắc mẩy đỏ đầy ngoài bãi. Buổi tối, lân tinh sáng ngời trên những lối đi. Tiếng trẻ cười nói, âm thanh hòa vào tiếng bể động.

Những hình ảnh. Những hình ảnh. Những kỷ niệm. Làng xóm bị chiếm đóng đến với chị Ngự qua một cái gì thật buồn thảm của xa khuất, lại qua một cái gì thật vui ấm gây nên bởi niềm tin. Trong đêm tương lai mênh mông vẫn lấp lánh sáng lên những vì sao của ngày trở về.

Trở về cũng đông đảo như ngày bỏ đi. Hàng triệu người bỏ đi. Hàng triệu người trở về. Hai lần đi qua vĩ tuyến, họ

sẽ kết thúc vinh quang cho cuộc phấn đấu anh dũng và cho một chuyến đi vĩ đại nhất của thế kỷ này.

* * *

Tâm tình chị Ngự ngừng lại ở đây.

Tâm tình của người đi nhớ về một vùng biển cũ. Vậy mà còn hàng nghìn hàng vạn tâm tình như thế nữa. Chúng ta đang sống tự do và đang tưởng nhớ lại nhiều điều ở những vĩ tuyến bên kia. Những biển lúa chói lòa. Những buổi đầu mùa hương đồng thơm ngát. Những làng xóm. Những phố phường. Bên kia. Bên kia của chúng ta.

Gần một triệu con người ra đi, những phút dồn đổ bằng hết năng lực vào cái đương mùa Kiến Thiết Xây Dựng ở bên

này, chỉ cần một bông lúa để nhớ về làng xóm cũ, một ánh lửa để nhớ lại những phố phường, một màu xanh trời để nhớ những đại dương. Chỉ cần có những sự kiện bé nhỏ ấy để nhớ đến một ngày trở lại. Vì chúng ta đã thề nguyện rằng chúng ta sẽ trở lại. Hẹn với những vĩ tuyến miền ngoài, người bỏ đi sẽ trở về. Trở về trên những lối đại dương của người tự do. Chị Ngự ở câu chuyện trên đây cũng sẽ trở về vùng biển cũ của chị trên những lối đi này.

Những chị Ngự khác nữa. Những người tự do khác nữa.

Những Chị Ngự và những con người của thế giới tự do.

GÓC ĐƯỜNG TỰ DO

Gửi N. N. T.

Người thiếu nữ vừa nghiêng
nón bước xuống lề đường.
Chiếc bóng dài thon đổ về phía trước
người đang đi tới. Những tảng nắng
nhòa nhòa trên những nếp áo. Nhị nghị
đến người thiếu nữ 46 trong một họa
phẩm của Tô Ngọc Vân.

Bống anh kêu lên:

– Hương!

Người thiếu nữ đứng sững lại giữa lòng phố. Ít nhiều tảng nắng dạt khỏi tà áo. Mới đầu, chỉ là hai con mắt rất to và rất đen nhìn về phía anh. Thăm thẳm ánh lên một thoáng ngạc nhiên ngỡ ngàng. Hương ngập ngừng trên đường tiến. Những chiếc xe hơi nhiều màu vùn vụt băng qua. Những đợt gấm rú của máy nổ. Rồi mặt đường rộng trở lại quang đãng. Hương đã đến dưới gốc cây, chỗ Nhị đứng. Người thiếu nữ bỏ nón. Nắng gọi chan hòa trên mái tóc Hương. Sự hiển hiện này chấp chới bóng nắng.

Thời gian của Nhị và của Hương bây giờ là 8 giờ sáng. Không gian của hai người là một góc đường Tự Do. Dăm ba

người đi đường dừng lại vì tiếng gọi của hai người. Họ mỉm cười, nhìn thân mật, rồi bỏ đi.

– Hương vào đây từ bao giờ?

– Em vào từ tháng chín năm ngoái.

– Em ở đâu?

– Phan Thiết anh ạ!

– Bây giờ cơ mà?

– Vẫn Phan Thiết anh ạ!

Hai người yên lặng nhìn nhau. Thêm một phút trao gửi thăm hỏi. Đủ rồi. Họ cùng mỉm cười. Nhị đưa Hương vào một tiệm nước ở góc đường. Những dãy bàn ghế kê thành hàng dài chờ đón những

người thủy thủ, những người thường dân phần nhiều là Mỹ và Phi Luật Tân đến uống rượu, khai vị dưới mái hiên nhìn ra những đoàn pháo thuyền đậu đã hàng tháng ở ngoài bến. Nhưng chỉ từ năm sáu giờ chiều trở đi. Buổi sáng, căn phòng rộng rãi vắng vẻ chỉ có Nhị và Hương. Họ ngồi trước mặt nhau. Những ngón tay dài thon của người thiếu nữ đặt thoải mái trên mặt bàn. Đã lâu lắm, Nhị mới lại sống một cảm giác thư thái sung sướng. Từ những khoảng nắng ngoài kia, bóng tối nơi này phủ xuống từng đợt mát lạnh. Nhị nhìn Hương nghĩ thầm: “Hương vẫn thế.”

Anh nghĩ đến một mé biển Phan Thiết. Đến tháng chín năm ngoái, ngày Hương rời bỏ Hà Nội. Hương đã sống nhiều ngày tháng nắng lớn. Da Hương nâu hỏn đi.

Đến lượt Hương đưa mắt nhìn anh. Nhị đoán được câu hỏi. Anh trả lời:

– Anh vào đây được mười ba tháng rồi. Trong đợt di cư đầu tiên. Anh vẫn ở Sài Gòn. Sống bình thường. Có một số bạn hữu cũng ở đây. Nam, Thu, Ngự. Hương còn nhớ các anh ấy chứ? Họ vẫn hỏi thăm đến Hương luôn. Anh bảo Hương đã ở lại Hà Nội. Nhưng chẳng ai chịu tin cả.

Nhị ngừng lại, không nói nữa. Hương chợt bắt gặp trong mắt anh một thoáng tối buồn rầu. Từ lâu rồi, mắt Nhị vẫn có những tảng bóng tối thoáng vụt đến như thế. Nhị hút một điếu thuốc lá. Anh cố làm ra vẻ thản nhiên. Hương nhìn Nhị chờ đợi ở anh một cái gì sáng tỏ, rõ rệt.

“Anh Nhị bảo mình đã ở lại Hà Nội rồi. Thế là thế nào? Không tin ở mình đã đành. Nhưng có còn tin tưởng ở chính anh ấy nữa không?”

Lòng Hương chợt nhói lên một xúc cảm chua xót. Từ lúc gặp lại Nhị hết sức đột ngột ngoài đường, cho đến lúc đi theo anh vào ngôi trong tiệm nước, Hương đã nghĩ rằng từ một ngày rời bỏ vĩ tuyến, cuộc phiêu lưu đã chấm dứt sáng hôm nay, và ngày tháng tới rồi sẽ vũng vàng nhiều. Người thiếu nữ đến một mình trên đất nước tự do bát ngát xa lạ, bắt đầu hướng tới một sự che chở bằng những ý nghĩ thương mến nhất của gửi gắm. Nhưng cùng một lúc, Hương cũng nhận thấy Nhị đã thay đổi nhiều.

Điều mà Hương không hiểu được là Nhị đã thay đổi thế nào. Cuộc sống của

Hà Nội, của hậu phương, của cuộc di chuyển rộng lớn, cuộc sống lửa đạn của thời đại mấy năm nay hình như không thuộc về những người đàn bà như Hương nữa. Nhị xa cách khuất vắng luôn luôn. Anh đổi khác thật nhiều. Lắm lúc anh như mất hẳn. Bây giờ Hương lại có anh, nhưng Hương chưa dám tin rằng anh còn là con người đã đến với Hương trong ngày cũ.

Những người trạc tuổi Nhị, những người bạn của Nhị, từ ngày bùng nổ những tiếng trọng pháo mười năm, Hương gặp nhiều trên những ngã đường. Nhưng họ đều bước đi những bước mài miết, mắt nhìn thẳng, rần lạnh như những đoàn người đi về những phía chiến trường. Cuộc sống nào cũng mang nặng những hình ảnh trận tuyến. Hương rơi vào cái mịt mù của trận tuyến. Hương chìm

vào lãng quên của những lớp người hậu phương. Đôi mắt của lớp người trẻ tuổi sống giữa chiến thời, Hương nhìn thấy ánh lên trên cái nền trời hoang tàn đổ vỡ, rất nhiều thảm thê hãi hùng và rất nhiều bóng tối.

Bây giờ ngồi trước mặt Nhị, Hương có cảm tưởng như vừa gặp lại những đôi mắt ấy. Một niềm sợ hãi không đâu tràn tới. Hương ngồi yên lặng, không hiểu nên bắt đầu bằng gì? Quá khứ, hiện tại, hay tương lai? Người thiếu nữ rung động mãnh liệt với phút gặp lại của hiện tại, đã sống cả cái tâm tình phơi phới của tương lai. Nhưng còn dĩ vãng? Còn sự xa cách mười năm? Còn chiến thời đã đi qua và chưa dứt hẳn. Còn đôi mắt Nhị ở bên kia bàn mà Hương vẫn chưa tìm thấy cái vùng trời tươi sáng quen thuộc của ngày xưa.

Cuộc sống riêng lẻ của Nhị đổi thay nhiều đến nỗi Hương không dám đoán nỗi cái thực trạng sau những lớp đổi thay nữa. Quá khứ đè nặng xuống, chìm chìm phảng phất chung quanh chỗ ngồi. Nó đọng lại trong những bờ mắt thành từng lớp kỷ niệm trùng điệp. Những ngọn sóng đang trùng điệp dâng lên. Nhị đang nhớ trở về. Như thế nào cũng có một lần anh phải nhớ trở về. Thái độ của con người hôm nay ở Nhị là sự kết tinh, sự chặt gạn, sự rút tủa của những nỗi niềm xa thẳm đã về cũ đang kết thành hệ thống. Ngồi đây với Hương, nhưng anh về với dĩ vãng rồi. Trở về lần cuối cùng. Ở một nơi nào trong tâm hồn người, một cánh cửa vừa đóng sập xuống. Tiếng sập khô gọn. Dĩ vãng về đây trong hồn Nhị.

Anh nhớ lại.

Tất cả, và từ đầu.

* * *

Thời gian ngược đường về dĩ vãng, qua từng chặng từng đoạn một. Mỗi chặng mỗi đoạn, một mớ hình ảnh. Từng vùng từng miền riêng lẻ. Chỉ có một thời gian cho rất nhiều không gian. Những mảnh năm tháng đã tan vỡ khít liền lại bởi một dòng tình cảm không đứt đoạn, không ngắt quãng. Nhị nhớ lại thảng thốt một hơi, về tận những hình ảnh khởi đầu. Những tầng đáy cũ, những nếp sống cũ, những kỷ niệm xa xôi, thăm thẳm. Qua biết bao nhiêu giông bão, bốn năm lần chuyển đổi chính thể, mà

dòng tình cảm vẫn chạy đi, như một đời tuổi nhỏ chảy ngầm trong lòng đất. Thăm lặng nhưng mãnh liệt. Nhị trở về từng vùng trời cũ. Mỗi vùng một mớ hình ảnh.

1945. Phố Hiến. Sự gục đổ của đế quốc Nhật Bản. Hình ảnh cũ đứng lại dưới một chân đê. Bờ đê bên kia, sông Hồng xuôi băng, tiếng lũ thảng bầy thao thiết đổ về mạn Nam Định. Nam Định là quê Nhị. Ý nghĩ đứng tại dưới chân con đê này, rồi đi dần vào một vùng chói nắng. Nắng lắm. Như một vòng sáng điện từ chao đên tỏa xuống đường phố, nhưng thiên nhiên hơn. Ánh nắng chói chang rực rỡ. Nhưng chùm hoa gạo bùng bùng trên đầu Nhị. Từng cành rụng xuống vai Nhị, trên mái tóc của Hương. Hoa đỏ rơi xuống Hương, trên một thứ suối tóc mun óng của 17 tuổi.

Nhị nhìn lên: Khối hoa nhòa nhòa trên một đường chu vi. Nắng bám chặt lấy rồi tan vỡ ngay ở đó gây cho Nhị một cảm giác choáng váng đầy đặc. Nhị 20 tuổi. Đế quốc Nhật Bản đang gục đổ trên những chiến trường Đông Nam Á Châu. Hoa gạo nở, viết một thứ phấn đỏ trên cái bảng đen của tình cảm. Nhị vừa ra khỏi trường. Vụ nghỉ hè bắt đầu.

Anh đứng với Hương dưới chân con đê chạy vòng quanh tỉnh Hưng Yên. Buổi trưa tình lẻ yên tĩnh thoải mái. Hai người chia tay nhau. Hôm sau Nhị về Hà nội. Nhị yêu Hương qua tình yêu bén nhậy, mãnh liệt của tuổi hai mươi của lần thứ nhất. Mặc dầu những vết giấy dính, những lưỡi lê sáng loáng, những ruộng đay, những tiếng hò hét của bọn lính Nhật Bản, anh yêu và sống tự do.

1945 với những đêm tắt đèn phòng thủ, những toán lính Nhật, những chiếc pháo đài bay Mỹ vụt qua không phận đất nước chỉ mới rung động đến cái toàn thể của đời sống thôi. Ở một mặt khác, tình yêu của anh với Hương vẫn được nguyên vẹn và Hương, Hương vẫn nguyên là Hương của anh.

Vẫn 1945.

Hà Nội. Một tháng sau. Nhị bỏ học đi theo cách mạng. Không khí Hà Nội ngọt ngạt, náo nức. Những sự kiện bay múa nhất của cách mạng mở cho Nhị những ngày tháng hăng hái tin tưởng nhất của chiến đấu. Những cửa lớp Việt Nam Học Xá đón nhận những tuổi 20 vác súng đến tranh đấu chính trị trên những hàng ghế. Cuối lớp Việt Nam Quốc Dân Đảng. Đầu lớp, Việt Minh.

Người giáo sư già bỏ dở một bài giảng văn, nhìn bọn học trò tranh luận kịch liệt về những đường lối của 1945, của bấy giờ. Nhị quên đứt Hương, Hương ở Ngọc Hà. Đến khi anh nhớ đến Hương thì Hương đã từ Hưng Yên về Ngọc Hà rồi. Người thiếu nữ hiền hậu bé nhỏ đã bị anh bỏ quên trong cái cuồng nhiệt của cuộc sống hàng ngày của anh từng phút từng giây, đến bị cách mạng lôi cuốn tước đoạt mất. Cuộc sống không thuộc về Nhị nữa, càng không thuộc về Hương. Cách mạng với những cạnh khía máu lửa đỏ khé, chưa hủy diệt tình cảm Nhị nhưng đã khoác lên đó cái màu sắc của giai đoạn, của chiến thời. Đôi khi vào một buổi tối, anh đạp xe lên vùng Ngọc Hà tìm Hương. Nhưng hai người không mấy lúc được gặp nhau lâu.

1945 tổng kết một sự gục đổ Nhật Bản.

1945 mở đầu cho những giai đoạn cách mạng.

Xây dựng ở đâu chưa biết chứ đổ vỡ ở tình yêu. Nhị vẫn còn Hương nhưng nếp sống mới đã làm hai người xa nhau. Những rung động cũng bắt đầu nhạt loãng trong xa cách. Đôi khi anh nghĩ đến tình yêu của hai người, anh thấy mình tội lỗi, yếu đuối.

Sang 1946.

Đợt súng đầu tiên bùng nổ. Chiến tranh trường kỳ khởi đầu bằng tiêu thổ kháng chiến đã san phẳng cái tình lý thân yêu của hai người. Cây gạo bị chặt đổ nằm chết gục dưới chân đê cũ. Chiến tranh

lan đi. Nhị rời bỏ mặt đất, xuống những đường hầm. Một tin tức về Hương vụt đến rồi tan nhòe giữa hai đợt súng nổ. Tình yêu của một tên lính trong trung đoàn đóng giữ thành phố đã chạy theo những đường cống rãnh đen đặc trôi ra ngoài hậu phương. Nhị xa hẳn Hương, xa hẳn. Chiến thời mịt mù gió bão. Không một cánh thư. Không một địa chỉ. Không một hình ảnh. Tình yêu rời bỏ cái địa hạt cụ thể của sự sống đi sang cái địa hạt trừu tượng của những bóng hình. Những bóng hình thấp thoáng ấy đi theo Nhị trên những ngã đường đào chữ chi, những xóm làng, những đô thị tàn phá, rồi về nằm dưới đáy bạc đà kháng chiến.

Nhị không sống thêm được gì nữa. Như thế, từ 1946 đến tận 1948.

Những hình ảnh của đoạn đường này: một thôn xóm hẻo lánh, cuối đáy Thanh Hóa. Trung tâm tản cư chợ Đại Cống Thần, với những dòng sông hốt hoảng hỗn loạn nhất của con người và thời đại.

Chuyển dịch không ngừng không nghỉ, nhưng Nhị không sống với sự chuyển dịch này. Anh buông thả anh để bị cuốn hút đi. Thế thôi. Một tháng ở rừng núi. Một tháng ở đồng bằng. Giữa cuộc sống ô ạt bề mặt, thiếu bề sâu, lòng Nhị khép kín lại. Anh bắt đầu cảm thấy thấm thía một sự trống vắng tâm hồn rộng lớn. Tình yêu củangày nào đã thành những kỷ niệm những thương nhớ chua xót hôm nay. Trên những ngã đường tàn phá anh đi tìm Hương.

1945 với bọn lính Nhật Bản, Hà Nội hủy phá, với những đêm tắt đèn phòng thủ với những rãnh chiến hào, những hàng cây gục đổ trên những đầu ô, nhưng toàn thể còn chứa đựng một cái gì tươi mát của đầu mùa cách mạng. Hồi đó, Nhị vẫn còn yêu tha thiết, sống tin tưởng. Không gặp Hương, nhưng anh vẫn có Hương trong cuộc sống tình cảm của anh. Bây giờ thì anh đã mất hẳn Hương. Tình yêu gần biến thành một thứ sự kiện khách quan. Cái chủ quan, cái con người yêu thương trong anh đã đổi khác ghê gớm.

Tình yêu tách rời với cuộc sống đứng giữa những biên giới ớn lạnh. Chính thể chứa tới giai đoạn cấm đoán anh yêu thương, nhưng những sự kiện ngoại cảnh đã tác động dữ dội đến nội giới. Nhị yếu đuối quá bé mọn quá trước

ngoại cảnh xô đẩy mãnh liệt. Xa cách dài hạn, đến chính anh cũng thay đổi. Nhị đau khổ, ngơ vực. Hương ở đâu? Hương làm gì? Hương có thay đổi? Hương còn nhớ hay Hương đã quên anh? Những câu hỏi, những xao xuyến thắc mắc, Nhị không giải quyết được gì. Anh đã đến một giai đoạn mà con người không có quyền được giải quyết bất cứ điều gì, dù là một vấn đề tình cảm riêng lẻ. Con người anh khô cằn. Những lớp mưa nắng cứ dài xuống, cứ thấm xuống, đã làm loãng nhạt tình cảm còn làm loãng nhạt những kỷ niệm.

1949.

Cuối mùa thu. Anh được tin Hương ở miền Ba Đông Hưng Yên. Rời bỏ Hà Nội, Hương theo gia đình về quê, ở một miền đồng nội xa cách hẳn với thành

phổ tàn phá. Anh tìm đường đến chỗ Hương ở. Nhưng một trận sốt rét rừng kịch liệt đã giữ anh lại cơ quan. Nhị viết cho Hương một lá thư dài. Lá thư duy nhất trong bốn năm trời. Lá thư gửi đi, nhưng không nhận được trả lời. Chiến thời không gửi trả những hồi âm của tình cảm mà chỉ gửi trả lại những đợt trọng pháo cho những đợt trọng pháo. Nhiều đêm không ngủ được, anh thức giấc làm lại với anh một thứ kiểm thảo tình cảm để khám phá một cách chua xót rằng anh vẫn yêu Hương.

Như một tên tù nằm trong nhà tù khám phá rằng mình vẫn tự do. Chua xót là không được tự do. Anh cố gắng nhớ được một khuôn mặt hiền hòa, một đôi mắt thăm thẳm vì chỉ thấy màu đen đen thăm thẳm, một hình nón đội ngiên trên một mái tóc. Và màu đỏ của

hoa gạo. Những hình ảnh lành khỏe cao đẹp của Hương lại là những hình ảnh lành khỏe tươi đẹp của cuộc sống. Mất tình yêu, anh đã mất luôn cuộc sống. Vậy mà anh đang ở giữa chết chóc, thiêu hủy. Một đô thị tàn phá tro bụi. Những rãnh chiến hào sâu tối. Ba giai đoạn của chiến tranh trường kỳ. Những ngã đường đất nước hoang vắng. Anh bám víu lấy những hình ảnh cũ, sống với những hình ảnh này.

1950. Nhị ở ngoài hậu phương. Hương đã trở về Hà Nội.

1951. Một năm. Thế là Hương đã trở về bên kia. Nhị ở lại giữa lòng biên giới cũ, giữa 1951, với những hình ảnh đen tối khủng khiếp. Một căn nhà sàn heo hút ở Khu Tư. Bóng cây bóng lá dày đặc. Con đường nhỏ chìm khuất chạy dưới

lớp cỏ hoang ngút ngàn. Một dòng suối độc. Những cơn sốt rét rừng vật vã. Màu vàng bệch của da mặt người ốm. Những viên ký ninh. Cuộc sống không còn là cuộc sống, chỉ còn là những viên thuốc ký ninh. Đôi mắt Hương thăm thăm giữa hai viên thuốc đắng chát. Tình yêu nghiêng ngã tan vỡ thành những mảnh vụn. Nhị có còn Hương không? Anh không dám biết nữa. Anh sợ cả đến tình cảm mình. Vì đã đến thời kỳ mà người ta không cho phép anh còn được có tình cảm nữa. Ở thế giới cộng sản, tình cảm đã là một sự trượng kỳ quái. Một đôi mắt đẹp, một suối tóc óng mượt, cũng giống như kẻ thù phong kiến tư bản. Những cánh thư cũ bị lôi khỏi đáy bạc đà và bị đốt cháy.

Dĩ vãng, kỷ niệm, tình cảm bị khai quật lên. Không còn đôi mắt Hương

nhìn xuống những trang sách học tập đường lối của đoàn thể. Chỉ còn những đôi mắt căm thù. Phải cười thế này. Khóc thế này. Căm buồn. Căm cả vui. Những tình cảm cuối cùng bị xếp hàng bên cạnh những nếp sống những tư tưởng phản động. Anh không được nhớ đôi mắt đẹp, mà chỉ được nhớ đến một giai cấp phản động. Một buổi kiểm thảo, người ta bắt anh nói đến Hương. Anh kể lại hết: Từ 1945 đến 1950, đến bây giờ. Những ngày Hưng Yên của anh. Những ngày Ngọc Hà. Cả đến nội dung những bức thư của hai người. Qua một tình yêu bị kiểm thảo, người ta xác định cho Nhị một lập trường tình cảm mới. Một nhà lãnh tụ ngoại bang đến đứng trên chỗ đứng của Hương. Hương, người thiếu nữ của giai cấp địa chủ. Đôi mắt thăm thăm hiền hậu ấy là của thành phần phản động bóc lột. Phải cắt đứt.

Hết 1950.

Nội giới anh, có chỗ đứng của Hương từ 1945 trống vắng cái trống vắng của con người.

5.1.1952.

Nhị bỏ hậu phương về Hà Nội. Rã rời, mỗi mết, không một chút tin tưởng. Nhị gặp lại Hương một vài lần. Rồi thôi, anh không tìm gặp Hương nữa. Tình yêu cũng như cuộc sống, đều là một thứ mùa màng, không chấp nối lại được trên những mảnh đất đã rách nát, tan vỡ. Tình cảm Nhị tê dại hẳn đi. Những mặc cảm kéo đến chồng chất: mặc cảm tội lỗi. Mặc cảm thất bại. Mặc cảm thiên đường đổ vỡ. Ngày tháng nghiêng đi. Cuộc sống, tình yêu trở về những bước chậm chạp trên một địa hạt đã cằn cỗi.

1952. 1953. Rồi 1954.

Tình yêu khởi đầu từ 1945 trên sự gục đổ của đế quốc Nhật Bản, chưa trở về anh bằng thất thủ Điện Biên. Tiếng súng nổ chung quanh Hà Nội. Những ngày tháng không tin tưởng. Người ta chờ đợi một cái gì rõ rệt. Có thể đau đớn hơn, nhưng phải rõ rệt hơn. Tháng bảy 1951. Hiệp định Genève nổ tung như một tiếng chuông báo nguy. Những phút sống còn bùng lên ngọn triều quật khởi, nổi lên vào những chuyến đi. Nhị vào Nam. Anh đi một mình. Cũng không biết Hương có đi hay Hương đã ở lại.

Hương đã đi. Hương đã nghỉ ở đây, trước mặt anh. Những ngón tay thon dài, bé nhỏ đặt thoải mái trên mặt bàn. Nhị

nhìn xuống những ngón tay, bắt đầu ý thức được rõ rệt và đảm thắm một thực thể hiện tại. Dĩ vãng chỉ còn là âm vang một tiếng cửa vừa đóng sập trong hồn anh, cùng một lúc với sự lắng chìm của những sự kiện xưa cũ vừa trở về và vừa đi khỏi. Hiện tại gửi tới một cảm giác bình yên giải thoát. Hình như ở một chiến trường nào những đợt trọng pháo vừa im ngớt, những tiếng hò hét vừa tắt lặng, và người lính vừa cởi bỏ khỏi mình mũ áo nguy trang đi thông thả về thành phố. Hình như gió bão cũng vừa thôi gào thét. Nhị nghe một tiếng hát thanh thanh. Một tiếng chim hót nhỏ trên cành. Nhị nhắm mắt lại. Một giây phút không động ngón ngủi. Tiếng sập cửa ban nãy. Anh mở mắt ra. Ánh sáng chói lòa.

Anh ở bên này rồi. Bên kia bàn, khuôn mặt Hương, đôi mắt hiền hậu nhìn sang anh. Những thời gian của hủy phá ghê khiếp, của biến chuyển tàn nhẫn, của mất mát rộng lớn, bây giờ đã nằm yên ở một miền nào tối tăm tàn tạ mà Nhị không nhìn thấy nữa. Anh nghĩ đến hình tròn của một trái đất vẫn tròn, để những hướng đời chia biệt, cách sông cách núi, bây giờ lại được gặp nhau. Một sự kiện gì vẫn không thay đổi. Một sự kiện gì vừa khởi đầu.

Cuộc sống mới trên một miền đất nước phơi phơi nắng gió đã giúp đỡ thật nhiều cho sự kiện này được khởi đầu. Từ nhánh hoa gạo từng bùng dưới chân đề 46 đến một cánh thư không gửi đi. Đến những tờ kỷ niệm bị đốt cháy. Đến những đợt trọng pháo, những viên ký ninh, những ngả đường đào chữ chi,

đến hiện tại, đến buổi sáng gặp lại, đến những ngày ở bên này vĩ tuyến, đến Hương đến anh và Hương, đến hôm nay. Và Nhị chợt khám phá được điều này: là sự hủy diệt lâu dài rộng lớn nào, ở một hình thức nào, cũng không bao giờ được hoàn toàn. Trên những bề phẳng đổ vỡ nào, cũng mở ra một cạnh khía để vươn lên. Rồi chính bởi những hủy phá, bởi những vươn tới ấy mà con người có được niềm tin khi sống lại những ngày tháng khởi đầu. Hương đến với anh hôm nay như một người bạn đường vừa gặp lại.

Như một hình ảnh đôn hậu chung thủy, lại như một thực tại cụ thể của Khởi Đầu. Nhị đã sống trọn vẹn lịch sử của anh. Bây giờ thì là những trang sách mới của một kỷ nguyên mới. Học lại bài học chưa xót của đời mình, của dân tộc,

ngược đường về lịch sử, cũng chỉ là để đi tới đúng hướng, sống thêm tin tưởng cái phân tương lai. Hương đã có chung với anh một dĩ vãng. Hương sẽ có chung với anh một tương lai. Từ những hủy phá ngày nào, Nhị đã nhận được một cái gì. Một dấu vết. Một điểm sáng. Một bài học. Một hướng đi. Và bây giờ thì Nhị và Hương đã có một thái độ rõ rệt với đời sống vừa khởi dựng.

– Bây giờ Hương ở đâu?

Hương nhìn anh mỉm cười:

– Anh hỏi em ban nãy rồi mà! Em ở Phan Thiết.

Câu hỏi lần này mới là câu hỏi thực. Ban nãy là hỏi chỉ là để hỏi không thôi. Người hỏi cũng vừa về đến thực tại.

Nhị biết rằng thực ra anh vẫn không đổi thay gì. Không có một cái gì có thể thay đổi được con người nữa. Nhị đã trở về người. Với những rung động của anh, với đời sống, với tình yêu của anh. Cuộc gặp lại dưới góc đường Tự Do một buổi sáng có nắng, còn là sự gặp lại trên một địa hạt tinh thần nào nữa. Ở đó, con người đã gặp lại bản thể của mình.

Nhị đưa Hương ra khỏi tiệm nước.

Trưa nay Hương về Phan Thiết một mình. Nhưng anh sẽ không hao giờ mất Hương nữa. Người thiếu nữ của tình yêu còn là người bạn đường sẽ đi với anh hết thế hệ này. Hai con người gặp lại nhau, cùng đi một ngã đường, song song bước xuống hè phố.

Hai bóng nắng cộng thành làm một.
Một ngã đường. Một cuộc sống. Một
mùa xuân.

ĐÊM GIẢ TỪ HÀ NỘI

CỦA MAI THẢO

IN LẦN THỨ HAI TẠI NHÀ IN

DÂN CHỦ THEO GIẤY PHÉP

SỐ 1003 – T X B NGÀY 28-11-1955

NGOÀI 5.000 BẢN THƯỜNG

CÓ THÊM BA MƯƠI BẢN ĐẶC BIỆT

DÀNH RIÊNG CHO TÁC GIẢ

KHÔNG BÁN

